

BÙI MAI HƯƠNG

# Thien huc voi chay lu

"Tớ chạy lên đờ  
khi trái tim tớ cảm thấy cô đơn"  
(Mặt bà ở đây Alps)


BÙI MAI HƯƠNG

# hen hờ với Châu Âu

*"Tôi chạy lên đồi  
khi trái tim tôi cảm thấy cô đơn"  
(Mỗi bài hát đều đầy Alps)*

Phần 1

vh NHÀ KIẾT BẢN  
VĂN HỌC

 11538

# Mục Lục

1. [Lời tựa của tác giả](#)
2. [Cairo - Nỗi thương nhớ khôn nguôi](#)
3. [Athens - Lời thì thầm của những cây ô liu](#)
4. [Santorini - Âm ảnh xanh](#)
5. [Venice mùa yêu](#)
6. [Verona - Thành phố của những câu chuyện tình](#)
7. [Ba Lan mùa tuyết chưa tan](#)
8. [Hà Lan - Lời hẹn tháng Tư](#)
9. [Trăng đêm Phần Lan](#)
10. [Đôi dòng cho Paris ngày mưa](#)
11. [Kyoto - Những ngày sống chậm](#)

# Lời tựa của tác giả

Trong khoảng 5 năm của tuổi trẻ, do đi du học nên tôi đã rong ruổi ở châu Âu và một số nước khác khá nhiều. Có nơi ở vài ngày, vài tuần, có nơi tới tận vài năm. Vì chưa bao giờ xác định sẽ định cư ở nước ngoài nên đi đâu tôi cũng cảm thấy quá thiếu hụt thời gian. Lúc nào trong đầu tôi cũng có tư tưởng phải đi cho bằng hết, khám phá cho bằng hết, sợ rằng sẽ không có dịp nào quay lại. Thời gian ấy, tôi thiếu ngủ trầm trọng bởi ngay cả trong mùa đông tuyết rơi mịt mù, khoảng sáu giờ sáng tôi đã dậy, chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng để ra phố lang thang khi thành phố còn say ngủ. Tối muộn lại thì thăm cà phê hoặc đi dạo với bạn bè trên những con phố vắng.

Khi về nước, sợ sẽ quên hết, tôi ghi chép lại tất cả rồi đăng lên blog của mình. Thật bất ngờ những người bạn quen và chưa quen đã đọc, chia sẻ với tôi bằng những cảm nhận sâu sắc, chân thành nhất. Điều đó càng thúc đẩy tôi cố gắng viết khi cảm xúc còn vẹn nguyên sau mỗi chuyến đi.

Vài năm sau khi cuộc sống của tôi sang trang mới với những bận rộn gia đình, công việc, tôi đọc lại những trang viết của mình và ngỡ ngàng nhận ra điều mình lo sợ ngày xưa là đúng: tôi đã quên đi khá nhiều. Tôi thầm cảm ơn những người bạn ngày trước đã thúc giục tôi viết để giờ đây tôi có dịp hồi tưởng lại những trải nghiệm xưa trên những cung bậc cảm xúc mới. Tôi quyết định tập hợp những bản thảo rời rạc của mình lại thành cuốn sách này để lưu giữ cho tôi, cho người thân, bạn bè, cho cả những ai mang trong mình giấc mơ được trải nghiệm trên nhiều vùng đất và nhiều nền văn hóa khác nhau. Trang viết của tôi có thể không có những cảm xúc tươi mới, cuồng nhiệt như tuổi đôi mươi nhưng chắc chắn là có rất nhiều chiêm nghiệm, rất nhiều băng khuâng hoài niệm và những tình cảm mà khi ở một sự trưởng thành nhất định, người ta mới có thể hiểu.

Khi ngồi sắp xếp lại du ký của mình, tôi chợt nhận ra tất cả những chuyến đi thực hiện khi tôi đang... không yêu ai cả. Đó có thể là cái

rủi của tôi khi không được chia sẻ những trải nghiệm tuyệt vời của cuộc sống bên người mình yêu thương, nhưng đó cũng có thể là cái may bởi khi cất tình riêng sang một bên, cảm nhận của tôi đã dành trọn vẹn cho mảnh đất dưới chân mình. Tôi có thời gian ngó nghiêng xem xét từng góc ngách mà không cần lên một kế hoạch cụ thể nào, tôi có những phút cô đơn để tư lự bên những góc nhỏ của nơi mà tôi đến, tôi có thể phiêu với những người bạn mới quen và tôi cũng có tâm trạng để nhìn ngắm người ta tay trong tay, để mỉm cười khi gặp biết bao mối tình hạnh phúc trên những nẻo đường tôi qua. Vì chưa dành tình riêng cho ai mà trái tim tôi còn chỗ để phải lòng những miền đất mới. Những miền đất ấy cũng trả lại cho tôi đầy đủ những cung bậc mà tình yêu có thể: có niềm hạnh phúc vô bờ khi được chạm đến những huyền thoại văn hóa, lịch sử, có nỗi chua xót trước những số phận cơ cực và đổi thay của nhân thế, có những phút giây dường như chỉ còn ta với ta bên những dòng sông trong xanh thơ mộng đang lững lờ trôi.

Chính vì những lý do đó mà tôi muốn kể lại câu chuyện của mình như ghi lại cho tôi và cho bạn một thứ tình cảm luôn in sâu trong trái tim những kẻ lữ hành trên những cung đường đầy cảm xúc thứ tình mà khi cho đi, ta nhận lại về kỷ niệm, để mỗi khi nhìn lại, ta thầm cảm ơn số phận đã trao cho ta những phút giây quý báu ấy.

Cảm ơn bố mẹ đã cho tôi ước mơ, cảm ơn các con đã cho tôi động lực để viết và cảm ơn các bạn, những người sẽ cùng tôi đi lại những nẻo đường tình yêu trong cuốn sách này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các anh chị biên tập viên báo Sành Điệu, đặc biệt là chị Thu Ngân, những người đầu tiên đã hết lòng động viên tôi dán thân vào con đường trải lòng với những con chữ.

Hà Nội và Sài Gòn, mùa mưa năm 2013

Bùi Mai Hương

# Cairo - Nỗi thương nhớ khôn nguôi

Sóng biển Alexandria

Cairo là nơi luôn để lại ấn tượng mạnh mẽ, sâu đậm nhất trong tôi, vừa thương nhớ vô vàn vừa hờn giận trách cứ. Cũng chính Cairo thôi thúc tôi viết ký sự đầu tiên, bởi tôi biết rằng nếu không viết lại, tôi sẽ nợ tôi, nợ Cairo, nợ gia đình bạn bè mình.

Cairo không phải là nơi đầu tiên tôi đến, tôi cũng chỉ ở Cairo vỏn vẹn tám ngày nhưng tôi chọn Cairo để mở đầu cho hành trình tình yêu của mình, bởi đây là mảnh đất đã để lại cho tôi nhiều cảm xúc hỗn độn và thăng hoa nhất, mảnh đất khiến tôi phải thức mấy đêm trong cái lạnh mùa tuyết tan châu Âu để ghi chép lại cẩn thận từng chữ một về nó. Khi viết xong, tôi tưởng mình đã kiệt sức bởi ăm ắp những sự kiện, những cung bậc cảm xúc khiến tâm trí tôi xáo động vô cùng.

Trước khi khởi hành đến Cairo, Mohammad – người bạn thân gốc Palestine và Anne – người gắn bó với tôi trong rất nhiều chuyến đi đã khẳng định chắc chắn rằng: “Em sẽ yêu Cairo lắm cho mà xem”. Tôi đã bướng bỉnh không tin. Thậm chí, nhiều lúc quá căng thẳng mệt mỏi, tôi đã nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ quay lại Cairo nữa. Tôi đã lầm. Với tôi, tám ngày ở Cairo là tám ngày đáng nhớ với rất nhiều sự kiện, rất nhiều cảm xúc, lúc yêu lúc ghét, lúc thư giãn, xúc động tột cùng, lúc căng thẳng, lo lắng đến hoảng sợ, lúc cười giòn tan bên sa mạc hoang cát, lúc ngậm ngùi trước nỗi khổ cực của con người. Và cuối cùng, thì ra có cả những lúc rơi lệ vì giờ phút chia xa.

Cảm nhận của tôi về Cairo sẽ không giống như người anh mới quen đã sống sáu năm nơi đất này, không giống như Anne - người quay trở lại Cairo lần thứ hai với tất cả sự háo hức và tình yêu có được từ

lần đến đầu tiên. Cairo của tôi hiện lên như một giấc mơ đủ để khi tỉnh lại, người ta cười vì hạnh phúc và khóc vì tiếc nuối.

## Những giấc mơ ở Cairo

Giấc mơ đầu tiên của tôi là về Kim Tự Tháp. Tôi đến Giza huyền thoại lần đầu vào một đêm sa mạc lung linh trong buổi trình diễn có hiệu ứng âm thanh ánh sáng mang tên Light And Sound. Tôi không nhìn rõ Giza lắm từ khoảng cách khá xa, nhưng bầu trời sa mạc trong veo đầy sao cùng những âm thanh hiệu ứng khiến tôi chột tan vào giấc mơ có tiếng ngựa hí từ ngàn xưa vọng về, tiếng những đoàn người rầm rập, tiếng trở mình mùa lũ của sông Nile để đưa những tảng đá lên đúng vị trí đã định xây thành Kim Tự Tháp. Ánh sáng chiếu lên Kim Tự Tháp mô tả lại công việc xây dựng hàng nghìn năm về trước, hơn hai triệu khối đá nặng cỡ một tấn rưỡi được ghép thành những hình khối chính xác đến chuẩn mực. Tôi vừa xem vừa nhớ bài học của thầy Sấn, thầy giáo dạy hình học nổi tiếng trường Bách Khoa khi xưa, người gọi cho tôi giấc mơ Ai Cập từ gần mười năm trước. Thầy nói với lũ học trò chúng tôi rằng: “Các đỉnh của Kim Tự Tháp nối thẳng với những chòm sao”. Qua nghìn năm vận đổi nhưng sao chẳng dời, vị trí những vì sao lấp lánh trên cao kia chắc không hề thay đổi, cuộc sống thì đã có bao biến động. Đêm ấy, quanh tôi khá đông người nhưng bầu trời đêm sa mạc cao rộng và gió cát bao la khiến tôi cảm thấy mình quá nhỏ bé trước thiên nhiên và lịch sử. Tắm áo khoác mỏng manh không đủ để che chở tôi khỏi run lên trước cảm xúc của chính mình. Tối hôm đó, tôi thực sự đắm chìm trong không gian nguyên sơ ấy một cách ngây thơ và mộng cảm nhất. Mấy ngày sau, tôi trở lại Kim Tự Tháp vào buổi chiều. Tôi còn nhớ rõ khi ấy tôi đã sửng sờ thế nào. Trong ánh tà dương, nắng thông thả rót xuống đỉnh hình khối sừng sững và uy nghi ấy như đang múa vũ điệu lộng lẫy mà tĩnh lặng. Tượng nhân sư huyền thoại, những khối đá to lớn với đầy bề dày lịch sử khiến tôi choáng ngợp. Khả năng và sức sáng tạo của một nền văn minh cổ đại huy hoàng thật đáng ngưỡng mộ.

Giấc mơ thứ hai của tôi là cưỡi lạc đà trên sa mạc. Dân ở đây thường cưỡi ngựa nhưng du khách thì đa phần cưỡi lạc đà để tiện



thực hóa những gì họ từng tưởng tượng. Và tôi cũng không là ngoại lệ. Trước đó tôi đã được dặn dò rất cẩn thận nên cũng hơi lo lắng, nhưng cảm giác đó tan biến ngay lập tức khi tôi ngồi lên lưng một con lạc đà cao cỡ hai mét có điều đi đu đưa giật nhíp rất đặc trưng. Nhận ra là tôi không sợ nên chỉ một lúc sau, ông chủ con lạc đà đã đưa cho tôi cầm cương nó. Do không biết đường đến Kim Tự Tháp nên cả quãng đường chinh phục sa mạc của tôi gắn liền với tiếng nhắc nhở: “Dear Mai, right, left, right, left” (Mai, đi trái, phải, trái, phải) của ông chủ lạc đà, tôi thì luống cuống giật dây miệng hét liên tục: “left, right...” (tên tôi ở Ai Cập là Mai vì không một người Ả Rập nào gọi được cái tên Hương trúc trắc của tôi cả). Suốt quãng đường chỉ có một “tai nạn” nho nhỏ, con gái muôn đời vẫn là con gái. Nửa chừng thấy tóc tai rối bời vì gió cát, tôi buông dây cương để buộc tóc, nhân cơ hội chú lạc đà bướng bỉnh tận hưởng tự do, quay tít mấy vòng và còn định lấy đà phi nhanh. May mà ngọn roi của ông chủ đã ghìm nó lại. Hú vía!

Một giấc mơ nữa của tôi trên đất nước này cũng đã được thực hiện, đó là chạm tay vào làn nước biển của thủ phủ nơi có huyền thoại bất tử về Alexander Đại Đế. Chuyến đi Alexandria ngắn ngủi sau nhiều lần lỗi hẹn, nhưng bù lại, tôi được chiêm ngưỡng một buổi bình minh không thể quên với những ngôi nhà, những con thuyền soi bóng trên mặt nước. Chúng tĩnh lặng đến nỗi dù lướt đi mà dường như không chuyển động. Pháo đài cổ đại thấp thoáng phía xa khiến khung cảnh càng đắm chất sử thi. Tôi cũng đặt chân đến thư viện Alexandria nổi tiếng nhất thế giới. Dù dấu tích của thư viện cổ không còn gì nhưng kiến trúc thư viện mới rất đẹp và quy củ. Bên trong thư viện, những cô gái đạo Hồi trùm khăn kín mít ngồi đọc sách và lướt internet. Bên ngoài, em nhỏ ngây ngô chưa biết ngại ngùng tránh ống kính máy ảnh mang lại cho tôi những nụ cười hồn nhiên nhất. Kỷ niệm đáng nhớ nhất của tôi ở đây là khi chuẩn bị chụp ảnh với bức tượng Alexander Đại Đế (Alexander the Great) thì cô bạn Anne của tôi dí dỏm trên chọc: “Alexander the Great... and Huong the small” (Alexander vĩ đại và Hương nhỏ bé).

Ở Cairo, những giấc mơ có từ thời thơ ấu của tôi dường như được kéo dài vô tận. Chúng tiếp nối nhau như thể một ngày nào đó sẽ

đưa tôi tới các vì sao từ đỉnh của Kim Tự Tháp.

Tình cảm tôi dành cho mảnh đất này không chỉ bắt nguồn từ những huyền thoại được truyền tụng mà còn từ những căn nhà lụp xụp, xác xơ ngay gần Kim Tự Tháp, những góc phố bụi bặm, những con số kỳ quặc mà mất mấy ngày tôi mới học thuộc được, những ngọn đèn đường xiêu vẹo đổ nát trong đêm, đẹp như một khoảnh khắc thời gian, những ánh mắt châu Phi ám ảnh nét cổ xưa và cả những đêm mất ngủ triền miên.

Đằng sau những giấc mơ

Tám ngày ở Cairo là tám ngày tôi sống với ngập tràn cảm xúc. Thành phố này hấp dẫn như một tình yêu thời thơ bé, không để tôi tỉnh tại với một cảm xúc nào quá lâu. Tôi chưa kịp hết kinh ngạc với dấu tích của một nền văn minh cổ đại phát triển rực rỡ thì đã ngỡ ngác khi so sánh với sự hỗn độn, nghèo nàn của Ai Cập hiện tại. Tôi chưa hết choáng ngợp vì sự giàu sang tột cùng của khu trung tâm thành phố thì đã phải ghen lòng trước những mảnh đời cơ cực quá sức tưởng tượng. Tôi chưa kịp sung sướng với một món đồ lưu niệm đẹp để mới mua được thì đã phải bực bội vì biết mình bị hớ với cái giá gấp đôi, gấp ba. Và khi tôi chưa kịp hân hoan với bức ảnh chụp cảnh biển Alexandria thì đã hoảng hốt vì đợt tắc đường kéo dài hàng tiếng đồng hồ làm lỡ chuyến tàu quay lại Cairo.

Nếu chỉ ở khách sạn sang trọng và khám phá sông Nile bằng thuyền du lịch năm sao, tôi chắc đã thấy một Cairo rực rỡ sắc màu mà không biết rằng, ngoài kia, em bé đánh giày bên bờ sông Nile đang lặn mò trong đêm trên những vỉa hè đầy khách du lịch, những khu nhà ổ chuột thiếu điện, thiếu nước, những niềm tự hào đang chìm vào quá khứ dưới bóng của những chứng tích bị xói mòn bởi thời gian... Sau ba ngày, tôi đã không uống suýt nước cam buổi sáng của tôi nữa mà cố tình để lại trên bàn. Hôm trước, tôi vô tình nhìn thấy người phục vụ nam lặng lẽ cúi đầu uống chỗ nước cam còn thừa lại của tôi.

Anne tóc vàng cao lớn và tôi - cô gái châu Á bé nhỏ với linh kính đồ đạc trong đó có cả máy ảnh đã vô tình được xếp vào hàng khách du

lịch giàu có. Và thế là chúng tôi được các chàng trai tán tỉnh mọi chỗ để mời chào mua hàng và vò tiền. Không ít lần tôi muốn than trời vì bị quấy rầy. Tôi quá mệt mỗi khi mỗi lần ra đường là mỗi lần chiến đấu với các cuộc mặc cả taxi mà tôi luôn luôn là người thua cuộc. Nhưng rồi, tôi lại động lòng. Tôi thấy mình có phần “nhẫn tâm” khi biết rằng “cuộc chiến” của tôi với ông lái taxi già chỉ đáng giá mười euro cent - số tiền không đủ để tôi mua bất cứ thứ gì ở Áo, nơi tôi sống lúc đó.

Cairo cứ thế len lỏi vào trong trái tim rồi bời cảm xúc của tôi.

Những đôi mắt phụ nữ ám ảnh luôn theo tôi trên mọi ngõ ngách, theo tôi cả vào những giấc mơ. Lần đầu đến đây, tôi cứ thắc mắc: ở đâu cũng thấy bán váy ngắn mà không hiểu bán cho ai khi các cô gái ra đường đều kín bưng trong những tấm khăn choàng Hồi giáo rộng thùng thình. Để ý kỹ tôi mới biết họ mặc váy ngắn với quần jean hoặc quần dài bên trong. Trên cơ thể họ, thứ duy nhất họ có thể khoe ra là đôi mắt nên chúng thường được trang điểm rất kỹ và ấn tượng. Lúc ấy tôi mới hiểu tại sao trước đó và mãi về sau nữa, tôi luôn nhớ đến Cairo trước tiên là hình ảnh những đôi mắt ấn tượng ấy. Chúng vừa hoang dại, vừa bí ẩn lại đầy khát vọng. Tôi tôn trọng mọi tôn giáo, phong tục nhưng trong lòng luôn cảm thấy gợn buồn khi nhìn những người phụ nữ trong bộ đồ đen bịt bùng ấy. Với tôi, vẻ đẹp cơ thể của phụ nữ luôn là tài sản của tạo hóa, không phải là của riêng ai. Tuy nhiên ở một đất nước mà cứ đến giờ cầu nguyện là tiếng loa lại vang khắp nơi giục giã hàng ngàn người cúi rạp đầu, bất kể lúc nào bật TV cũng thấy các giáo chủ cầu nguyện thì tôn giáo mới chính là thước đo của cái đẹp. Thế mới biết cuộc sống thật bao la.

Khách sạn cũng là một vấn đề đáng phải lưu tâm ở Cairo. Trước khi đến đây, tôi không thể đặt được khách sạn trực tuyến vì không tìm đâu ra hostel hay khách sạn ba sao. Không hiểu vì lý do gì mà ở Cairo chỉ toàn các resort bốn đến năm sao. Suy đi tính lại, tôi đành phải nhờ một người bạn sống ở Cairo đặt giúp phòng trong một nhà nghỉ ọp ẹp. Cái thang máy cơ trong nhà nghỉ này long ra như xương cốt người già, nhìn rõ cả xích và ròng rọc. Phòng tắm có bình nước

nóng dùng gas to đun như quả bom và vô vàn muỗi đêm vo ve. Khách sạn ở Alexandria cũng chẳng khá hơn ở Cairo bao nhiêu với cánh cửa chỉ có thể chốt từ bên ngoài khiến tôi cả đêm thắp thỏm, dù cuối cùng mọi thứ khá ổn. Tôi vô cùng hoang mang về “quyền làm việc hay xuất hiện ở nơi công cộng” của phụ nữ nơi đây khi tiếp tân, phục vụ phòng, đầu bếp đều là nam giới. Đến bán hàng ở chợ cũng hầu như toàn là đàn ông. Tìm đồ mát, cuối cùng tôi cũng gặp được một người phụ nữ hiếm hoi mặc đồ Âu, làm việc ở trung tâm nghiên cứu quốc gia Cairo, nơi tôi đến tham dự hội thảo. Lúc đó, tôi mới cảm nhận được rằng xã hội Cairo cũng chia làm nhiều tầng lớp, có tầng lớp chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa châu Âu và đa phần còn lại giữ nguyên nề nếp của một quốc gia Hồi giáo khát khe.

Một vấn đề khác làm tôi bối rối là hệ thống giao thông chằng chịt và hỗn độn ở đây. Là người Việt Nam, quen với hệ thống giao thông nhiều bất cập vậy mà tôi cũng phải tá mắt mỗi khi sang đường ở Cairo. Mỗi lần xuống đường ở Cairo là một thử thách. Tôi thậm chí không biết phải theo chỉ dẫn của ai vì không thể phân biệt nổi công an, cảnh sát giao thông hay trật tự. Sau này tôi mới biết ở đây có đến hơn hai mươi lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ điều khiển giao thông trong nội thành. Tuy khá mệt mỏi nhưng hơn ai hết tôi biết rằng, đó là một đặc điểm rất riêng của Cairo, sự quyến rũ khác biệt của thành phố nghìn năm này. Phải chăng vì Cairo không dành cho bạn quyền được buồn tẻ? Vậy nên khi ở Cairo, hãy xác định bạn lúc nào cũng ở trong tình trạng mọi việc đều có thể xảy ra nhé. Tuy nhiên, vấn đề an ninh ở Cairo làm tôi khá thích thú và ấn tượng. Dù tôi mang theo nhiều đồ đạc cầm tay nhưng chưa bao giờ cảm thấy lo lắng. Chuyện ăn cắp, cướp giật dường như quá hiếm ở quốc gia đạo Hồi này. Nghe nói đó là một tội nặng đến mức có thể bị bêu riếu công khai hoặc chặt tay.

### Cuộc sống đời thường ở Cairo

Người ta vẫn nói muốn hiểu cuộc sống ở một thành phố thì hãy đến chợ. Ở Cairo, chợ nổi tiếng nhất là Khan Khalili. Chợ này bán nhiều đồ trang sức lóng lánh, lương thực, vải vóc, quần áo và nhiều thứ khác nữa. Bông Ai Cập bày bán khắp nơi. Các cửa hàng gia vị có

đủ thứ gia vị, thậm chí có cả những thứ tôi chưa nhìn thấy bao giờ. Khác với nơi khác, tất cả gia vị ở đây đều đựng trong những thùng gỗ nhỏ. Cũng ở khu chợ này, lần đầu tiên tôi mua được vanilla khô, mùi thơm đậm đà, mặc dù từ bé đã ăn biết bao món có mùi vani. Ở đây, tôi lại bắt gặp nhiều ánh mắt ám ảnh của những người phụ nữ bán bánh, một bóng lưng còng của cụ già chở hàng, một cái nhìn tựa cửa của hai người đàn bà sống nơi ngõ nhỏ. Tất cả họ đều có gương mặt buồn bã, khắc khổ, hiếm khi thấy những nụ cười.

Chúng tôi hẹn nhau ở quán cà phê El Fishawy – cái quán trứ danh đã hơn hai trăm năm tuổi của Cairo. Nghe tiểu sử vẻ vang là thế mà El Fishawy chỉ nằm lọt trong ngoằn ngoèo ngõ phố chằng chịt của khu chợ này. Đây cũng là lần đầu tiên tôi uống trà đen có thả vài lá bạc hà tươi và thử shisha. Cảm giác ngồi ở El Fishawy thật thú vị. Một chút tĩnh lặng giữa sôi động, một chút cũ kỹ, một chút nhếch nhác. Tất cả đều tỏa ra thứ cảm giác gần gũi khó tả. Sự thích thú lạ lẫm này khiến tôi “cả gan” để một người phụ nữ xa lạ vẽ hoa văn henna lên tay mình dù tôi chưa bao giờ thích xăm hình hay những thứ đại loại thế. Hình vẽ này như để tôi lưu lại một dấu ấn nhỏ của Cairo đa sắc màu trên cơ thể mình. Cairo làm tôi tò mò đến mức, dù có chút e ngại, tôi vẫn cùng mấy người bạn lang thang Cairo về đêm. Trong đêm, nhiều cảm giác được dung hòa khiến tôi thấy mình như cô gái nhỏ lang thang giữa sa mạc để hưởng thụ tự do một cách tuyệt đối nhất.

Cairo với tôi là thành phố không ngủ. Suốt thời gian ở Cairo, mỗi ngày tôi chỉ ngủ khoảng bốn tiếng. Những đêm đầu là do tôi không quen với tiếng động ồn ã và muỗi, đêm sau nữa là do Anne và Yahya, một anh bạn của Mohammed, thuyết phục tôi đi chơi để thấy một Cairo khác, và đêm cuối thì tôi chính là người đòi được đi lang thang vòng quanh Cairo bằng được.

Tôi và Anne đã được chứng kiến “Cairo by night” (Cairo về đêm) khi theo Yahya đến một quán vỉa hè trong một ngõ nhỏ ngoắt ngoéo. Ở đây mỗi khách đến phải tự kéo ghế nhựa ra ngồi như giống như ở Việt Nam. Cái quán nhìn đơn giản vô cùng nhưng trà pha rất đậm vị và âm nhạc thì dù không hiểu tiếng, tôi vẫn tin lời Mohammad nói:

“Anh đã được sinh ra từ bài hát ấy”. Rồi Yahya đưa chúng tôi đi tiếp tới một quán bia xập xệ khác nằm ở cuối phố để thưởng thức vị bia Stella đặc trưng. Vị Stella này chỉ duy nhất Ai Cập mới có. Rồi khỏi quán bia, chúng tôi tiếp tục ghé vào một quán bar đêm dưới tầng hầm một căn nhà cổ. Ngay khi Yahya bước vào, từ chủ quán đến nhân viên phục vụ và các cô gái múa bụng đều đồng thanh hô tên anh. Là bạn anh, chúng tôi được đón tiếp như khách ruột. Ngay đến bây giờ khi đã rời xa Cairo một thời gian rất dài, mỗi khi một điệu nhạc Ả Rập nổi lên, tôi lại nhớ cái dáng cao gầy lòng không của Yahya dậm chân xoay theo tiếng nhạc với ánh mắt say

mê ngút lửa đấm đuổi nhìn các cô gái múa bụng đang hòa nhịp cùng anh. Họ thật gần mà thật xa. Tôi nghe nói có một quy tắc là dù có gần đến mấy, hai vũ công cũng không được chạm vào nhau. Có lẽ giới hạn mong manh mà thiêng liêng này làm điệu nhảy trở nên vô cùng bí ẩn và quyến rũ.

Cairo không của Kim Tự Tháp và lạc đà là thế đấy! Tôi vừa sợ sệt không dám đến gần, vừa tò mò muốn hòa vào dòng chảy phức tạp của cuộc sống dường như vận hành theo những quy luật ngầm khó hiểu nơi đây. Tôi vừa giận những phiền phức mà cái hệ thống không ổn định của thành phố ấy mang lại, vừa thương cái giàu nghèo pha trộn thật thà hiển hiện khắp nơi trên đất Cairo.

### Những nẻo đường kết bạn

Trước khi đặt chân đến sân bay Cairo, tôi và Anne chưa từng quen biết một ai ở đây ngoài vài thông tin ngắn ngủi của Mohammed. Tôi không thể tưởng tượng rằng ở Cairo, mình lại được ăn cơm với hơn hai mươi người Brazil - đồng hương của Anne và uống cà phê cũng với chừng ấy anh em bạn bè Việt Nam của tôi. Đúng là mọi chuyện đều có thể xảy ra ở Cairo!

Suốt thời gian ở đây, tôi được sống trong sự quan tâm chu đáo của cả những người mới quen và không quen, được nói tiếng Việt nhiều chưa từng thấy trong ba năm xa xứ với những câu chuyện thú vị bất tận, những cuộc điện thoại tưởng chừng không thể dứt. Anne cũng thế. Tình cờ trong một lần ngồi uống cà phê, nghe thấy bên cạnh

vang lên tiếng Bồ Đào Nha giọng Brazil, Anne sung sướng đứng bật dậy đến chào hai người phụ nữ gần đó và thế là câu chuyện nói dài không dứt. Một người là phu nhân đại sứ, một người lấy chồng Ai Cập. Điều đầu tiên mà cả hai muốn nói và thuyết phục chúng tôi, đó là tình yêu Cairo trong họ cũng có thể trong trái tim nhiều người khác, trong đó nhất định có chúng tôi: “You should see it as it is, then you will love it” (Hãy nhìn Cairo như nó vốn thế rồi em sẽ yêu thành phố này). Không ngần ngại, chúng tôi đến thăm nhà họ trong một khu chung cư yên tĩnh và trong lành, khác hẳn không khí Cairo ồn ã ngoài kia. Chúng tôi nghe họ giới thiệu về một góc khác, yên bình và khuất nẻo của Cairo, nghe họ kể về những sáng thong dong cưỡi ngựa ngắm bình minh sa mạc và họ đãi chúng tôi ăn bữa cơm vội vàng nhưng thú vị với những món ăn Brazil. Anne hào hứng đến nỗi không ngớt lời giới thiệu cho tôi về các món ăn với ánh mắt xanh biếc lấp lánh mà lâu lắm rồi tôi không nhìn thấy ở chị.

Cả Yahya cũng vậy! Suy cho cùng, anh chỉ là bạn của Mohammad - bạn của tôi, nhưng anh đã giới thiệu Cairo của anh cho tôi với những tình cảm thân thương và triu mến nhất. Chưa kể còn bao nhiêu cái tên mới quen mà tôi chưa kịp thuộc. Có thể vì thế, cả tôi và Anne đã khóc khi rời Cairo phút cuối - điều mà cuộc sống bận rộn với mật độ hai tháng lên máy bay đi xa một lần khiến chúng tôi ngỡ rằng mình đã chai sạn, rằng không còn chỗ cho những giọt nước mắt khi chia tay. Cairo đã trả lại cho chúng tôi những cảm xúc của cuộc sống, cảm xúc của tình người. Chúng tôi mang món nợ tình cảm với Cairo.

Mohammad gọi tôi quay trở lại với công việc ở Áo. Sau khi nghe tôi huyền thuyên một hồi về những kỷ niệm “tích lũy” sau tám ngày, anh bảo tôi: “Now, you are back to your reality” (Giờ thì em quay lại với hiện thực nhé). Có thể anh nói đúng, tôi phải chia tay giấc mơ Cairo để trở về với cuộc sống thực tại của mình nhưng tôi biết mình đã, đang và sẽ nhớ Cairo, dù dấu vẽ henna trên tay tôi đã mờ chỉ sau vài ngày và cuộc sống lại rồi sẽ đưa tôi đến với những hành trình mới mẻ khác.

Tôi luôn biết rằng, mình còn lỡ hẹn với Cairo nhiều lắm, còn bao nơi chưa ghé thăm, còn bao dự định vẫn dang dở, còn bao điều muốn nói. Nhưng thôi, như tôi tự an ủi mình, sự thiếu sót sẽ làm nên cái đủ đầy. Những vết khuyết trên hành trình đó sẽ khiến nỗi nhớ Cairo của tôi trở nên trọn vẹn hơn.

Cho đến giờ, sau nhiều năm xa cách, nếu hỏi vì sao tôi yêu quý Cairo, tôi cam đoan rằng mình sẽ không trả lời hết được. Tình cảm đó là sự pha trộn của Cairo văn hóa và huyền bí, của Cairo bụi bặm hỗn độn và thử thách, của những điệu nhạc say đắm, bùng lên vỡ òa sau bao ản ức và dồn nén, của những tình cảm xây đắp trên hành trình mang tên Cairo của tôi.



# Athens - Lời thì thầm của những cây ô liu

Như một cuộc hẹn hò, nếu Ai Cập - một đất nước ở châu Phi xa xôi, nằm trên con đường bước vào châu Âu đã khiến tôi tìm về với những cảm xúc đích thực trong trái tim mình thì Hy Lạp là một điểm đến mơ ước của tôi trên con đường ấy. Hy Lạp - một nơi quá lý tưởng để khám phá những nền văn minh cổ đại, để bắt đầu một tình yêu châu Âu chưa bao giờ dứt mẻ trong tôi.

Để đi được Hy Lạp, tôi phải “dành dụm” nhiều hơn vì Hy Lạp là địa điểm du lịch nổi tiếng, là đất nước tương đối thịnh vượng ở châu Âu thời điểm đó. Chính về vậy, sau khi đọc thông tin và biết số ngày nắng ở Hy Lạp ít nhất là ba trăm ngày trong năm, tôi quyết định đi vào mùa xuân, tránh được mùa hè vốn là mùa du lịch đắt đỏ, lại vẫn tận hưởng được vẻ đẹp đặc trưng của Địa Trung Hải.

Có một cảm xúc trái ngang xuất hiện trong tôi khi đặt chân đến Hy Lạp và cả Cairo trước kia, ấy là đột nhiên tôi “ghét” bảo tàng Louvre của Paris mà tôi đã từng háo hức ghé thăm. Cảm xúc choáng ngợp, xúc động và bay bổng tôi có được khi nhìn những cột đá cẩm thạch, những bức tượng đặc trưng của kiến trúc Hy Lạp cổ giữa đỉnh đồi Acropolis ngập tràn nắng gió Địa Trung Hải hoàn toàn khác với sự trầm trồ nhưng nuối tiếc và có phần mệt mỏi khi nhìn những tượng đá im lìm trong bộ sưu tập đồ sộ của Louvre.

Ngay từ khi máy bay lượn vòng trên bầu trời Hy Lạp xanh ngắt, xôm xốp mây trắng, tôi bồi hồi nhớ về những câu chuyện thần thoại Hy Lạp đã đọc từ bé, về Achilles, Odysseus, thần Zeus, về tư tưởng của Socrates, Plato, những điều cao xa mà tôi bắt đầu làm quen từ thời phổ thông nay dường như đến thật gần bên tôi. Vừa đặt chân đến sân bay, tôi lại nhớ lời cậu bạn thân người Thái dặn: “Nhớ học lại Toán trước khi đi Hy Lạp”. Đúng là nhìn tứ phía chỗ nào cũng toàn những ký tự “E,λ,η,ν,ε,ς...”, đến cái tên thành phố Athens mà mãi

tôi mới suy ra được từ dòng ký hiệu khá loằng ngoằng “Αθήνα”. Ngay từ giờ phút đầu tiên Athens đã hấp dẫn và bí ẩn như thế đấy!

“Live at the Acropolis - Athens”

Có lẽ rất nhiều người mê mẩn những giai điệu trong chương trình hòa nhạc ngoài trời Live at the Acropolis của anh chàng đẹp trai Yanni. Tôi cũng không là ngoại lệ. Tôi biết đến đời Acropolis huyền thoại của Athens từ đĩa nhạc đó, để rồi khi ngồi giữa những phiến đá còn sót lại từ một nhà hát cổ đại ở Acropolis, tâm trí tôi lại tràn ngập những giai điệu cuốn hút của Yanni.

Giá vào thăm toàn bộ khu di sản không hề rẻ - mười hai euro - nhưng lại miễn phí cho sinh viên các nước thuộc cộng đồng châu Âu EU. Và thế là tôi sung sướng cầm tấm thẻ sinh viên đại học Innsbruck của mình chạy ùa dưới những rặng ô liu đang trổ hoa để để dành một ngày trọn vẹn Live at the Acropolis.

Mới sáng sớm mà trời đã nắng chang chang, tôi có thể đội mũ tránh nắng, nhưng không cách nào trốn được những cơn gió mát lành, thơm nức mùi cây ô liu Địa Trung Hải vi vút thổi khắp bốn bề. Ấn tượng về Địa Trung Hải đầu tiên đối với tôi có lẽ là cây trái. Cây cối ở đây đều xanh tươi khỏe khoắn vươn mình đón nắng còn trái của chúng thì thơm lựng, ngọt ngào. Ngay ở khu khảo cổ trong khu vực Acropolis cũng đầy những cây dâu tằm cổ thụ thân to bằng mấy vòng ôm, sai trĩu trĩu quả, rụng đen thẫm dưới chân. Đây là món quà giải khát “miễn phí” cho tôi dưới cái nắng chói chang nơi đất này. Một điều đặc biệt nữa là quanh đây ở đâu cũng thấy những cây lô hội cao vút kiêu hãnh, cây cải dầu vàng ươm nở đầy hoa và lũ chim sẻ chí choách khắp nơi. Những mảnh ghép sống động này khiến những hàng cột đá uy nghiêm đã đứng đây cả mấy ngàn năm dường như vẫn hòa cùng nhịp đập cuộc sống với thế giới hiện đại.

Đọc về lịch sử Athens trước khi đến Athens, tôi không khỏi mông lung trước những biến động của Athens dù nhiều huy hoàng chói lọi suốt mấy nghìn năm nhưng có lúc lại bại trận, chỉ còn là một thành phố nhỏ dưới tay đế chế Ottoma. Nếu như ở các địa danh khác, tôi gần như chỉ cần đọc và ghi nhớ điểm đến trước khi đi, thì với

Athens, lúc nào tôi cũng phải kè kè bên mình một cuốn cẩm nang du lịch, bởi nhiều khi đang lang thang vô định trên đường, tôi lại bất ngờ bắt gặp những cột đá cẩm thạch khổng lồ, đổ vỡ rêu phong không tên tuổi. Hình dáng của chúng đủ gợi nhớ đến một công trình hoành tráng xưa kia và chắc chắn chúng là nhân chứng cho một giai đoạn lịch sử bi tráng đã qua. Phải vừa đi vừa dò đọc sách vừa tưởng tượng, tôi mới có thể hình dung ra phần nào nơi mình đang đứng đã từng chứa đựng một nền văn minh phát triển rực rỡ, một trung tâm của nghệ thuật và văn hóa thế giới cổ đại như thế nào.

Không giống như Cairo, nơi mà dấu tích của thành phố cổ đã biến mất nhiều còn kiến trúc hiện đại bị ảnh hưởng nặng nề của thời Pháp thuộc, Athens vẫn còn nguyên kiểu kiến trúc Hy Lạp đặc trưng. Tôi là người ngoại đạo về kiến trúc nhưng đứng bên những cột đá cẩm thạch trụ tròn, tạc hoa văn ở đỉnh cao vút sừng sững giữa mây trời, tôi nhận ra hình ảnh của những cột đá đồ sộ này trong những tòa nhà ở Vatican, Rome, Paris. Trải qua mấy ngàn năm, hầu như các công trình chỉ còn lại dấu tích của những cột đá đỡ gan cùng tuế nguyệt. Những phần còn lại của đền Partheon, Erechtheion với cột trụ là tượng sáu thiếu nữ carytids(\*) hay còn được gọi là những cô gái nô lệ xứ Caria được chạm khắc trên đá tinh xảo, đủ cho thấy những công trình này đã từng quy mô đến mức nào. Có lẽ muôn đời nhân loại vẫn không thể giải đáp đầy đủ câu hỏi: “Tại sao từ hàng ngàn năm trước những những cột đá cẩm thạch khổng lồ ấy lại được mài nhẵn thín, chính xác đến từng milimet, xếp chồng lên nhau tới độ cao vài chục mét qua một sự tính toán Toán học tài tình như vậy?!”.

---

(\*) Carytids: Tượng thiếu nữ thay cột trong kiến trúc châu Âu với ý nghĩa: Phụ nữ là trụ cột.

Đi bên những đền đài nhuộm màu gió cát cao sừng sững, tôi như sống trong khung cảnh uy nghiêm của những cuộc tế lễ xưa kia với những trinh nữ Hy Lạp đầu đội vòng nguyệt quế, tay bưng bình nước thanh tân mà đẹp đẽ như lịch sử nghìn năm của dân tộc vĩ đại

này. Thịnh thoảng, những chàng trai Hy Lạp của thời hiện đại đẹp như tượng bất ngờ hiện ra đâu đó ở Acropolis minh họa cho những điều trong tưởng tượng của tôi. Họ cao lớn cân đối, tóc quăn cắt ngắn, mũi cao thẳng, mắt xanh thăm thẳm, gương mặt nhẹ nhàng mà uy nghiêm như giấu hết mọi cảm xúc vào bên trong.

Tôi lang thang đi vòng quanh những phiến đá vuông vức xếp thành những vòng tròn bậc thang đồng tâm, nơi xưa kia là một nhà hát, nhà trình diễn cổ đại. Chỗ ngồi hạng thường là những phiến đá, chỗ ngồi của khách VIP là những chiếc ghế bằng đá chạm trổ cầu kỳ. Tôi chạm tay vào chiếc ghế hạng VIP ở vị trí cao, chợt cảm nhận sự giới hạn của thời gian và không gian vĩnh cửu khi có thể hàng nghìn năm trước đây, biết đâu, một dũng sĩ Hy Lạp cổ đã từng ngồi đây cười hào sảng với những lớp lang kịch nghệ đan chéo và quynh rũ.

Khám phá Acropolis và thành Athens, tôi phải tìm hiểu kĩ sách hướng dẫn hành trình bởi được cảnh báo rằng sẽ rất dễ rơi vào tình trạng rối trí trước hàng loạt công trình có niên đại khác nhau dày đặc trên bản đồ Athens. Nếu Acropolis níu lại những dấu vết của Athens cổ đại thì khắp nơi trong thành Athens vẫn có thể bắt gặp những Roman Forum (Hội quán của người La Mã), Obelisk (Đài kỷ niệm hình tháp), đền đài cột đá thẳng tắp và rất nhiều dấu ấn khác của người La Mã ở Athens. Tôi ghé thăm đền thờ thần Olympia Zeus vào cuối ngày khi nắng đã gần tắt, ánh hoàng hôn đọng lại trên những cột đá đổ nghiêng, xung quanh là dây leo um tùm khiến khung cảnh càng trở nên huyền tích.

Tôi cũng không bất ngờ khi bắt gặp hình ảnh người anh hùng Cộng sản Che Guevara khắp nơi. Đặc biệt ở khu vực quảng trường Syntagma, những bức tượng công nông “cờ đỏ búa liềm” giữ vị trí quan trọng. Chủ nghĩa Cộng sản giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử Hy Lạp sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Hy Lạp là đất nước của những vị thần, xứ sở của những người hùng nên họ được tôn thờ và vinh danh bậc nhất ở đây. Tượng đài chiến sỹ vô danh, chính vì thế, trở thành một điểm đến hấp dẫn của Athens. Tượng đài này được canh gác suốt ngày đêm bởi một đội lính gác, có lẽ nói không ngoa là đẹp trai và đặc biệt nhất thế giới

với cái tên “lính Evzones”. Evzones đặc biệt vì họ có cách phục trang thật kiểu cách với váy xếp ly, giày sarouchi pom-pom và cục bông nổi đặc trưng. Mùa hè họ vận bộ kaki, mùa đông bộ xanh biển và những dịp đại lễ thì trang phục đặc biệt hơn một chút. Những trang phục này trở nên đẹp hơn rất nhiều bởi người mặc chúng là những chàng lính Evzones mà tiêu chuẩn tuyển chọn tiên quyết: cao trên 1 mét 87. Tôi đến trước giờ đổi gác đúng mười phút và chứng kiến nghi lễ đổi gác trang nghiêm nhưng cũng rất tự nhiên, giản dị và có phần dí dỏm. Mấy em bé sau một hồi quan sát bỗng cười lí lắc rồi cũng bắt chước các chàng Evzones, cao tay gấp chân thực hiện lễ đổi gác giữa quảng trường Syntagma rợp bóng bồ câu. Lúc ấy là sáu giờ chiều. Riêng tôi đã kịp có một kỷ niệm vui với các chàng Evzones, ấy là sau khi chụp ảnh xong liền ngay lập tức đăng trên flickr của mình. Bất ngờ, một trong các chàng Evzones đã liên hệ email với tôi và xin ảnh. Qua cách nói chuyện của anh, tôi hiểu rằng được làm Evzones là một điều rất thiêng liêng và vinh dự. Chàng trai cao 1 mét 92 này là người Athens.

Phố cổ Plaka, Monastiraki: ô liu, gió và ẩm thực Hy Lạp

Vẫn giữ thói quen lang thang từng ngõ ngách khi đi du lịch, tôi không thể bỏ qua khu quảng trường cổ, nơi rất dễ bị lạc vì một loạt hàng quán với cảnh quan giống giống nhau. Mặt hàng phổ biến ở đây là các đặc sản: từ quả ô liu, đồ ăn và mỹ phẩm đến những món quà của biển như: miếng bọt biển vớt từ tự nhiên dùng để tắm, đá kỳ lưng và ốc... Dường như ở Hy Lạp chợ ở đâu cũng có cùng một không khí như thế. Ngoài việc bán rất nhiều đồ đặc sản và sản phẩm thỏa mãn sở thích mua sắm của các cô gái thì chợ ở Monastiraki có một nét vô cùng đặc biệt đối với tôi. Đó là gió Địa Trung Hải.

Những cơn gió nhỏ từ Địa Trung Hải ùa khắp phố, thổi tung những tà váy quyến rũ. Gió nâng thêm bước chân của các chàng trai Athens phóng khoáng, gió cũng làm cà phê trở nên thơm ngọt đậm đà hơn rất nhiều và gió cũng thổi tới tai tôi lời phán của bà cụ tiên tri quàng khăn xanh đang ngồi xem hậu vận cho hai cô gái trẻ. Dù tôi không hiểu tiếng Hy Lạp nhưng khuôn mặt bí ẩn của bà lão và

gương mặt kính cần của hai cô gái khiến tôi tin rằng, hình như bà nói đúng.

Tuy nhiên, những ngọn gió mát lành cộng cái nắng chói hanh hanh đặc trưng khiến người ta dễ rơi vào tình trạng buồn ngủ, không biết có phải vì thế không mà hầu hết các chú khuyến tôi gặp trên đường phố Athens ban ngày đều đang ngủ say sưa, ngon lành, mặc những bước chậm rã rã của khách du lịch.

Cái nắng, cái gió hanh hao ấy cũng buộc tôi phải dừng chân rất nhiều lần trước các quán KΑφε (chữ “cà phê” viết theo đúng kiểu Hy Lạp) để thưởng thức “frappé” - cà phê đá đánh bọt nổi ngọt mát và salat Hy Lạp, món ăn mà sau chuyến đi này đã trở thành món khoái khẩu của tôi. Tôi thử salat Hy Lạp ở nhiều nơi nhưng không đâu ngon bằng chính xứ sở đã tạo ra món ăn này. Chắc bởi có lẽ chỉ ở đây, miếng pho mát sữa dê Fetta mới béo ngậy đến thế, trái ô liu mới đậm đà đến thế và nắng gió của quán ăn mới tràn trề đến thế.

Sau món salat, tôi lại say sưa thưởng thức “souvlaki” - thịt xiên nướng bán ngoài đường giống như các quán bún chả Việt Nam. Souvlaki gần giống với món Việt có lẽ vì cũng làm từ thịt gà, thịt lợn xiên qua que gỗ nướng trên than. Món này ăn với muối tiêu chanh, một kiểu kết hợp mà lần đầu tiên tôi thấy ở một nước châu Âu. Điều khiến cho hương vị món ăn trở nên rất quyến rũ và dậy mùi có lẽ là gia vị Địa Trung Hải. Nó bao gồm hỗn hợp phơi khô của hương thảo, cỏ xạ hương, kinh giới ô, húng quế và lá nguyệt quế. Tôi bỏ nhúm gia vị trong tay, hít hà mùi hương hoang dại và tinh khiết chất lọc từ nắng, từ gió, từ sự cần mẫn của người nông dân trên những cánh đồng trồng toàn gia vị, từ sự khéo léo của một nền ẩm thực truyền thống lâu đời.

### Thảm thực vật Athens

Tôi còn nhớ rất rõ, khi lang thang trong các cung điện hay nhà thờ lớn châu Âu, thỉnh thoảng tôi vẫn bắt gặp những khoảng vườn rợp bóng cọ, vàng rực những trái cam chín và xanh mướt ô liu. Các vua chúa xưa thường mang chúng về cùng những chiến lợi phẩm như ngầm ý rằng: chúng tôi đã đặt chân tới, đã chinh phục những mảnh

đất xa xôi chan hòa nắng gió ấy. Với tôi, những cây ô liu, cây cam, cây dâu và cả những bông hoa dại đùa với gió luôn ẩn hiện trong tôi mỗi khi nhớ về Hy Lạp, về Địa Trung Hải.

Vừa đặt chân xuống Athens, qua cửa kính xe buýt, tôi vẫn thấy những quả đồi, những rặng ô liu vi vút gió, cây lớn cây bé xen kẽ, có cả những cây thân to gốc không biết đã đứng ở đó từ bao giờ. Trước khi đi Hy Lạp một người bạn đã nhờ tôi chụp hình quả ô liu trên cành, nhưng mùa này, ô liu mới chỉ trổ hoa, chỉ có những trái cam trĩu cành hươm vàng hơn vì đọng nắng. Đặc biệt là những rặng dâu chi chít quả đã giúp tôi giải tỏa cơn khát giữa cái nắng khô rất đặc trưng của miền biển Nam Âu.

Đất của nắng, đất của gió nên trái cây cũng đẹp và tràn trề.

Ném những quả cherry chín mọng, ngọt lừ, tôi không khỏi ngạc nhiên vì rất nhiều trái đôi và nhiều trái hình thù rất kỳ dị trong giỏ quả. Chuyện vẫn với mấy người bán hàng thạo tiếng Anh, tôi được biết nguyên nhân cũng là vì... gió. Gió làm quá trình thụ phấn ra trái của cây hơi đảo lộn một chút. Tôi cảm nhận rõ điều này khi say sưa chụp hoa mà không thể lấy nét được vì những bông hoa dại bé nhỏ cứ ngã nghiêng phần phật cùng gió.

Tôi yêu những bông cocolico dại bé xíu mà kiên cường, những bông cúc biển khô nắng và cả những bông hoa mà tôi chưa kịp biết tên len lỏi vươn lên từ những thềm đá cổ. Chúng bé nhỏ, gầy guộc nhưng sao tôi cứ nhớ mãi. Có lẽ vì cái nắng chói chang, những thềm đá cẩm thạch khô trắng và màu xanh dịu dàng đặc trưng của biển trời Địa Trung Hải đã khiến chúng trở nên xinh đẹp bội phần, như một cô gái vừa dịu hiền vừa bản lĩnh, vừa nhỏ bé vừa anh dũng, hiên ngang.

Một tuần tôi ở Athens đúng vào những ngày cuối xuân, hôm nào trời cũng nắng, gió thì thổi ngập tràn khắp nơi và nền trời thì xanh ngắt ngát. Thảo nào mà cờ Hy Lạp mang hai màu trắng và xanh thắm như biểu trưng cho trời xanh, biển xanh và cát trắng ở đây.

Chỉ một tuần thôi có lẽ chưa đủ để tôi đi hết những công trình còn sót lại của một thành phố cổ xưa huy hoàng rực rỡ, dù chúng đã đổ nát xê dịch rất nhiều. Cả một hành trình dài suốt mấy ngàn năm vật đổi sao dời đã đi qua Athens nên tôi hiểu rằng những dấu tích còn lại ở đồi Acropolis, ở Athens đã là một kỳ tích, là sự may mắn cho nhân loại. Tuy nhiên, tôi vẫn ước giá như những đền thờ đá cẩm thạch sừng sững ấy không bị phá hủy bởi chiến tranh, giá như những bức tượng tuyệt tác không tản mạn về những bảo tàng khắp nơi trên thế giới mà vẫn còn uy nghi giữa Acropolis, như sự hiện diện của các công thức chứa đầy các ký tự “β,π,α,θ,ψ...” trong khoa học và cuộc sống hiện tại thì tốt biết mấy.

Có một điều, tôi biết chắc mình không cần phải mơ ước đó là: trời Athens vẫn trong xanh như nghìn năm chưa bao giờ quét qua đó vậy.



# Santorini - Âm ảnh xanh

Hoàng hôn trên biển

Sẽ là không ngoa khi người ta nói: “Chỉ một lần cùng nhau ngắm hoàng hôn ở Santorini cũng khiến người ta yêu nhau cả đời”.

Trong hành trình đến Hy Lạp, tôi khá lưỡng lự khi đặt vé tàu biển đi Santorini, bởi giá cả không rẻ, chưa kể, vốn là kẻ thích lang thang khám phá những miền đất nhiều thử thách, ban đầu tôi không mặn mà lắm với địa điểm luôn được quảng cáo là “điểm hẹn cho các đôi tình nhân”, trong khi đi cùng với tôi là hai cô gái khác cũng đang độc thân.

Khi vừa đặt chân đến Santorini, tôi biết mình không có gì phải hối hận. Êm đềm và lãng mạn, Santorini không thử thách tôi điều gì cả. Mọi thứ ở hòn đảo xinh đẹp, rạng ngời nắng gió của Hy Lạp này đều nhẹ nhàng, thư thái, trật tự và rất mộng mơ. Đó là một thứ âm ảnh đẹp đẽ. Không, đúng hơn phải gọi là một âm ảnh xanh!

Santorini là một trong những hòn đảo đẹp nhất của hệ thống đảo Hy Lạp. Hình như ai đến Santorini cũng sẽ phải lòng hòn đảo này. Một người bạn của tôi đã thốt lên: “Santorini à! Có lẽ tình yêu của anh với những hòn đảo Cyclades(\*) của Hy Lạp bắt đầu ở đây, từ một buổi sáng ngỡ ngàng thức dậy nhìn thấy miệng núi lửa huyền thoại giữa một màu xanh ngắt của trời và biển”. Tôi không có may mắn được sống hơn một tuần trên đảo như anh. Chỉ cần vài ngày ngắn ngủi cũng khiến tôi ngắm đến tận đáy tim tình yêu sâu đậm ấy. Một tình yêu màu xanh thăm thẳm!

---

(\*) Một nhóm đảo của Hy Lạp trong biển Aegea

Tôi vốn là người yêu màu đỏ đến kỳ lạ, vậy mà hình như sau khi rời Santorini, tôi bắt đầu mua cho mình những đồ vật màu xanh nước

biển, từ chiếc áo phong xanh cho đến quần sô bìa xanh. Santorini xanh thật! Từ khi đặt chân lên tàu biển cao tốc Hellenic Seaway ở cảng biển Piraeus của Athens để đến với Santorini, trừ những lúc hoàng hôn, còn lại có lẽ mắt tôi không còn tiếp nhận màu nào khác ngoài màu xanh và trắng, xanh ngấn ngát của biển Địa Trung Hải với những hòn đảo phau phau cát trắng, nhà cửa xây dựng trên các đảo cũng nhỏ xinh, trắng tinh, chóp tròn đặc trưng nổi bật dưới nắng. Những khung cửa sổ cũng nhuộm xanh và chú mèo lười nhón chân chậm rãi khoan thai nhìn ra biển, chú chim sẻ chí choách cũng lẩn vào nền bức tranh màu xanh mát ấy. Dấu vết của người Hy Lạp cổ đại đã được phát hiện trên đảo này từ trước Công nguyên, nhưng những trận núi lửa dữ dội đã khiến Santorini phải làm lại từ đầu. Cũng chính những đợt phun trào đó đã đem lại một màu xanh coban đặc trưng cho nước, trời và nhà ở Santorini.

Một chiếc khóa cô đơn giữa màu xanh của biển

Hình như ở Santorini không thiếu gì cả, từ hàng hiệu cao cấp cho đến những đặc sản tứ phương; từ những sản vật riêng như những trái cà chua bi ngọt lịm nắng, những con cá nướng nhồi đầy bụng lá thảo hương, những con mực tròn căng bọc bột rán... cho đến những con búp bê Santorini trông như những nàng tiên cá xúng xính xiêm áo từ biển khơi dạt lên bờ hát những khúc tình ca say đắm; từ những chiếc cối xay gió vô danh đến hiệu sách nổi tiếng mang tên Atlantics, nơi cô chủ ngồi lặng thinh đọc sách, còn khách có thể chọn những cuốn sách cũ, ngồi bệt bên hành lang rụng đầy hoa giấy đỏ mà đọc. Tôi chọn cho mình một tấm postcard đen trắng có lẽ đã rất cũ và ngồi viết những suy nghĩ, ước mong giữa những cơn gió biển xanh ùa vào từ khung cửa sổ nhỏ.

Có thể khám phá Santorini bằng cách thuê xe máy tay ga với giá mười lăm euro một ngày, nhưng phải có bằng lái xe mô tô quốc tế, nếu không, đi bộ cũng thú vị không kém. Tôi bắt đầu cuộc hành trình bằng việc leo dốc đi lên trung tâm thành phố Fira, được coi là thủ phủ của đảo bằng con đường nhỏ mà thường chỉ có cư dân đảo và những chú lừa đưa nước tới từng nhà dân là vẫn còn sử dụng. Nước sinh hoạt trên đảo đã được lọc từ nước biển, chỉ có nước

uống là được chuyển đến từ đất liền. Những chum đất đựng nước ngày xưa nay đã nở hoa nhưng các chú lừa thì vẫn không được nghỉ. Thay vì chở nước, giờ đây các chú thường chở khách du lịch từ khu cảng cũ vượt dốc núi lên Fira. Sáng sáng, ông chủ dong cả đàn theo con đường nhỏ từ Fira xuống cầu cảng cũ chờ khách. Trong lúc chờ đợi, họ, với cách ăn mặc đặc sệt nông dân Hy Lạp xưa, ngồi hút thuốc, tán gẫu và đánh bài. Bọn lừa thì cũng tranh thủ lúc đó mà tán tỉnh nhau.

Mái nhà xanh và màu nước xanh

Sau Fira là OIA, một thị trấn nhỏ cách đó hai mươi phút đi xe buýt. Nếu Fira đem lại cho tôi ấn tượng mạnh mẽ về một cuộc sống sầm uất nhưng mơ mộng trên đảo xanh, về những chú lừa gõ móng cồm cộp nặng nhọc trên những dốc đá núi, dưới cái nắng chói chang và khô rát với một vẻ nhẵn nại đến khổ sở, thì OIA lại mang đến cho tôi cảm giác thư thái nhẹ nhõm lạ kì. OIA luôn đông khách từ bốn giờ chiều đến chín giờ tối vì địa danh này được bình chọn là một trong những nơi ngắm hoàng hôn đẹp nhất thế giới. OIA trong tiếng Hy Lạp chỉ đọc là IA nhưng tôi đùa bạn bè rằng, có lẽ du khách đến đây đã thốt lên ô í a trước vẻ đẹp ấn tượng và lãng mạn của hoàng hôn.

Không biết bao cặp tình nhân đã đến OIA, ngả đầu vào vai nhau cùng ngắm cảnh vàng mặt trời nhẹ nhàng đáp xuống mặt biển phẳng lặng. Tọa hóa đã khéo hòa sắc xanh của biển với ánh hoàng hôn vàng ấm, tím, rồi đỏ lựng để biến Santorini thành một cõi tiên với sắc màu ấm áp, bông bênh. Đầu tiên là những cánh buồm căng tràn gió trong ráng chiều, tiếp đến là những chiếc cối xay gió cổ như nổi dần lên trong khi vàng mặt trời cứ dần dần trốn xuống biển. Tất cả diễn ra một cách chậm rãi, nhẹ nhàng trong tiếng nhạc êm dịu và mơ mộng phát ra từ các quán cà phê bên những vách đá. Hầu hết các quán đều mang tên Hoàng Hôn, đến nhạc cũng mang tên Hoàng Hôn OIA. Trời đất dường như ngừng chuyển động và khi tia nắng cuối cùng của ngày trườn xuống lòng đại dương, không ai bảo ai, tất cả du khách trên đảo đều buông tay vẫy chào, thì thầm khẽ nói: “Bye bye, see you tomorrow!”. Ở Santorini, với nhiều người câu chào xã giao này đồng nghĩa với lời hẹn ngắm bình minh ngày mai.

Tiếc là tôi không được ngắm bình minh ngày hôm sau vì cả ngày leo dốc và đi lại khiến tôi chỉ có thể mở mắt khi mặt trời đã lên lưng chừng biển, chưa kể đó cũng là hôm tôi chia tay Santorini để quay lại Athens. Có bao giờ tôi quay lại Athens và Santorini không? Đó thực sự là một câu hỏi khó, vì sau những năm tháng tuổi trẻ học hành và khám phá, tôi biết rằng cuộc sống phía trước sẽ rất nhiều trách nhiệm và trăn trở. Nhưng tôi vẫn mơ về một ngày nào đó, nếu không là tôi thì là những người bạn đi cùng tôi hôm nay, sẽ ngả đầu vào vai người yêu bên ngôi nhà sơn trắng, cửa sổ xanh, trao nhau nụ hôn nhẹ trong ánh hoàng hôn Santorini và thì thầm khẽ nói: “Sagape” (I love you).

# Venice mùa yêu

Sau hành trình lãng mạn tới Santorini, tôi không còn ngần ngại “độc hành” tới những địa điểm trứ danh của tình yêu, bởi tôi hiểu rằng, không nhất thiết phải mang tới đó một tình yêu mà tôi hoàn toàn có thể mang về từ đó những cảm xúc đẹp đẽ, như thể tôi đã phải lòng nơi ấy.

Từ mùa xuân Cairo đầu tiên, tôi bắt đầu sắp xếp những kỳ ức và hành trình của mình theo bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Và tôi chợt nhận ra, có một mùa chẳng biết nên xếp vào quãng thời gian nào, vì mùa ấy quanh năm đều thấy bóng dáng. Đó là mùa yêu.

Thực ra thì mùa nào Venice cũng đẹp và lãng mạn nhưng mỗi du khách đến đây đều coi ngày mình đến, mùa mình đến là mùa yêu, nơi họ gửi gắm những giây phút mơ màng, những kỷ niệm êm đẹp bên thành phố cổ kính vốn được mệnh danh bởi rất nhiều mỹ từ như “nữ hoàng của Adriatic”, “thành phố của những cây cầu”, “thành phố của ánh sáng”. Đối với rất nhiều du khách, Venice đơn giản chỉ là thành phố của tình yêu.

Nếu chưa có dịp đến Venice, tôi nghĩ bạn nên xem bộ phim Casanova. Tôi mê mẩn bộ phim này cũng chỉ vì những góc quay thật đẹp về Venice, và khi đến “Venezia”, tôi chợt nhận ra Venice thế kỷ mười tám và bây giờ không khác nhau nhiều. Thời gian dường như bỏ qua thành phố này. Có lẽ chàng trai nào đến đây cũng sẽ trở thành Casanova đa tình mất vì những căn nhà như cổ tích, những góc phố mơ mộng dường như luôn sẵn sàng để chứng kiến những chuyện tình ngọt ngào.

## Thành phố êm đềm trên mặt nước

Vừa ra khỏi ga tàu Venezia, tôi đã bắt gặp ngay hình ảnh đặc trưng của Venice: cây cầu gạch cong cong bắc qua dòng kênh cùng hàng đoàn thuyền tấp nập đi lại bên dưới. Cũng như khi đến mọi thành

phố châu Âu khác, tôi mua vé xe buýt và thoáng ngạc nhiên khi đến đón tôi là chiếc thuyền máy “waterbus” xinh xịch. Mỗi bến đỗ cũng là một bến tàu xinh xinh. Ngồi trên chiếc “xe buýt” dập dềnh trên mặt nước này, mái tóc cô gái nào cũng rối tung trước những cơn gió biển mát lạnh, mần mẩn.

Nước len lỏi khắp thành phố, chảy qua hàng trăm cây cầu lớn nhỏ, vỗ êm đềm bên bậc thềm của những ngôi nhà màu gạch ấm áp, lấp lánh theo những tay chèo của các chàng trai Venice áo kẻ trên những chiếc “gondola”, nhìn là biết thuyền Venice. Không phải ai cũng có điều kiện ngồi trên những chiếc gondola trang trí cầu kỳ đẹp đẽ với giá hơn một trăm euro mỗi lượt đi, nhưng ngồi bên bờ kênh ngắm nhìn đoàn gondola xuôi ngược cũng là một cái thú ở Venice. Mỗi chiếc thuyền hình như đều chở theo một câu chuyện, khi là đôi tình nhân chụm đầu ngồi ngắm hoàng hôn, khi là cả gia đình trong trang phục xưa cùng nhau tận hưởng ly champagne ngọt ngào, có khi lại là một chàng lãng tử ngồi ôm đàn guitar hát bên cạnh đóa hồng đỏ không biết dành cho ai, một cảnh tượng dễ làm mũi lòng những cô gái trẻ. Vào một chiều hè muộn, tôi có dịp chứng kiến một đoàn hơn mười chiếc gondola phủ vải đỏ, các chàng thủy thủ đẹp trai mặc áo kẻ đỏ và dải ruy băng trên mũ cũng màu đỏ phát phơ trong gió. Họ và các du khách trên thuyền say sưa hát những bài ca dập dềnh theo tiếng accordion và tiếng mái chèo kiu kịt. Tiếng hát cho tôi biết cảnh tượng trước mắt là thực nhưng khung cảnh thì như mơ, bởi tất cả mờ ảo trong ráng chiều muộn và ánh đèn vàng lung linh.

Là thành phố trên mặt nước nên Venice là xứ sở của những cây cầu lớn nhỏ. Cầu Rialto đồng thời cũng là một khu chợ sầm uất nhất nhì. Tôi đến đây không chỉ để mua sắm những món đồ Venice mà còn đến để thưởng thức một không khí sinh hoạt cộng đồng từ xa xưa. Chỗ này bán hải sản, chỗ kia bán trang sức thủy tinh Murano hoặc đồ da, giữa cầu có hai cô gái xinh đẹp mắt xanh biếc đang kéo violon réo rắt. Cây cầu chạm trổ bằng đá vôi mang tên Ponte dei Sospiri hay “cây cầu của những tiếng thở dài” dường như trong đêm vẫn ánh lên màu trắng sáng. Tương truyền ngày xưa, đây là nơi những người tù thể hiện sự luyến tiếc và nhìn lại Venice xinh đẹp

lần cuối trước khi bị đẩy xuống xà lim. Ngày nay, Ponte dei Sospiri là nơi du khách trầm trồ trước vẻ đẹp của Venice hoặc thì thầm với nhau những bí mật riêng tư của hai người.

Không chỉ những cây cầu lớn mà cả những cây cầu nhỏ cong cong cũng là chốn hẹn hò lý tưởng. Nếu không có một cái hẹn thú vị nào thì sáng sớm bạn có thể ngồi bên cầu ngắm những tia nắng ban mai dần đổ xuống, ngắm những chú chim hải âu và chim sẻ ríu rít chào ngày mới cũng đủ để thấy cuộc sống Venice thật lãng mạn. Không lãng mạn sao được, khi ngay cả những cột gỗ neo thuyền bên dòng kênh và cửa biển cũng được người dân trang trí lên đó những ruy băng xanh đỏ và những chùm hoa đồng đưa.

Thành phố của những điều kỳ diệu

Có lẽ điều kỳ diệu nhất mà không ai có thể phủ nhận chính là những căn nhà, những công trình kiến trúc trên mặt nước ở Venice. Nhìn chúng thật đẹp và quyến rũ. Nếu bạn tự hỏi làm sao mà những căn nhà ấy có thể chịu đựng nước biển qua nhiều thế kỷ, chưa kể không hiếm những trận lụt xâm nhập, bạn sẽ hiểu rõ hơn tại sao Venice là một kỳ quan. Venice có một lịch sử hàng ngàn năm với không biết bao nhiêu những biến cố lịch sử, từ khi còn là nước cộng hòa Venetian cho đến khi trở là thành phố xinh đẹp bậc nhất của “Bella Italiana Uno” (một nước Italia tươi đẹp). Móng của những căn nhà hầu hết đều hình thành từ hàng ngàn súc gỗ lán biển và không biết bao nhiêu sức lực, ý chí của con người.

Kiên cường là thế, nhưng nơi nào ở Venice cũng toát lên vẻ lịch lãm, lãng mạn, cầu kỳ, hào hoa và không kém phần xa hoa. Nhà cửa nếu không trang trí bằng những phù điêu tinh xảo hay những tấm màn nhung thì cũng sơn phối màu rất bắt mắt, kèm theo những ban công đón nắng thơ mộng. Ở trong một căn nhà cổ Venice, tôi có dịp tận hưởng một căn buồng gỗ với chiếc giường ngủ bằng gỗ nâu bóng phủ màn rèm tinh tế, phòng tắm nhìn ra khoảng sân đầy nắng và buổi sáng, dường như bất kể nơi nào trong không gian cũng tràn ngập tiếng chuông nhà thờ ngân nga. Khi đi “waterbus” đến làng Murano, nơi vẫn còn những lò thổi thủy tinh màu từ bao đời nay, tôi còn có dịp chiêm ngưỡng những căn nhà được dát bằng

những mảnh thủy tinh nhỏ đủ màu sắc. Có lẽ các cô gái sẽ luôn tìm được ở nơi đây những món trang sức bằng thủy tinh màu được chế tác hài hòa và khéo léo.

Những quán hàng ở Venice luôn gợi nhớ châu Âu thời phục hưng với phong thái phục vụ sang trọng có đôi phần “nịnh đầm” và những món ăn bày biện cầu kỳ. Có lẽ tôi đã rất nhớ món mực ống còn giữ nguyên túi mực tạo màu đen tuyền cho món ăn kèm với bánh bột ngô, không chỉ vì vị ngon mà còn vì cái khoát tay dọn đĩa điệu nghệ và nụ cười mỉm của anh bồi bàn trong tiếng dương cầm về chiều réo rắt. Ở đây, bày hải sản có lẽ cũng là một nghệ thuật. Những con cá, tôm, bạch tuộc... luôn khoe vẻ tươi rói, đủ đầy, mời gọi trước những gian hàng san sát hai bên bờ kênh. Hải sản tươi ngon là phải vì chợ cá vẫn tồn tại trong thành phố như bao đời nay vẫn thế. Bạn muốn uống cà phê ư, cứ việc lần theo những góc ngách ngang dọc khắp Venice để tìm những quán cà phê ẩn khuất sau những căn nhà cổ, nép trong một sân vườn nho nhỏ nơi có thể nhìn lên những khung cửa sổ gỗ khép hờ dưới ánh trăng. Trên những quảng trường hay con phố lớn gần “mặt nước”, cà phê có lẽ sẽ đắt hơn nhiều, nhưng đó cũng là cái giá mà bạn nên trả cho những cảm xúc đặc biệt không dễ gì có trong đời. Tôi đã không tiếc gần mười euro cho một cốc espresso nhỏ giữa Piazza San Marco chỉ để tận hưởng cảm giác đẹp đẽ khi ngắm nhìn quảng trường với hàng vạn con chim bồ câu bay lượn, sà xuống mổ những hạt ngô trên tay người mà không hề e sợ, ngắm nhìn những chú ngựa bằng đồng kiêu hãnh trên nóc nhà thờ San Marco và hàng ngàn du khách tháo giày dép lội bộ giữa quảng trường chỉ vì chiều nay nước biển vừa dâng lên. Lang thang trên gác hai của nhà thờ San Marco, ngắm nhìn những vòm mái dát vàng với những bức tranh mô tả những câu chuyện của Kinh Thánh, tôi không tìm được cho mình câu trả lời vì sao nơi này lại đẹp đến thế, hào hoa và quyến rũ đến thế.

Tôi tự cho mình là người may mắn khi cùng các bạn mình có được một phút giây đẹp đẽ như vậy trong buổi chiều hè trên quảng trường San Marco. Hình như hôm ấy có một đêm nhạc mùa hè nên người ta đang thử dần âm thanh và khi tiếng guitar dạo đầu của ca khúc Hotel California vừa cất lên, hàng ngàn hàng vạn chú chim bồ



câu bông giạt mình xò cánh cùng một lúc tung bay khắp nơi, chao liệng bên gác chuông trong tiếng nhạc êm đềm. Bỏ câu thì bay lên nhưng tất cả những người có mặt ở quảng trường thì dường như sững lại trong giây lát vì cảnh tượng quá thanh bình, êm đẹp và đáng yêu. Venice luôn ẩn chứa trong mình những điều kỳ diệu dù trong cả những giây phút bình dị nhất của cuộc sống.

### Chút mơ mộng với Venice

Mỗi lần đến Venice, tôi đều mua cho mình một chiếc mặt nạ nhỏ nhỏ, gợi nhớ đến lễ hội hóa trang đình đám vào tháng Hai ở đây. Ngày xưa, các quý tộc và cả dân thường thường vui hết mình trong những lễ hội hóa trang vui nhộn, hào nhoáng đôi lúc phù phiếm ấy. Giờ đây, lễ hội hóa trang Venice vẫn tập nập vào xuân, những trang phục cầu kỳ khi xưa vẫn được tái hiện để giữ nguyên cho Venice vẻ đẹp văn hóa độc đáo. Những chiếc mặt nạ tôi mua đều có gương mặt khác nhau, lúc nhẹ nhàng, lúc bí ẩn, có lúc đơn giản đến mộc mạc, lúc kiêu kỳ quyến rũ và đầy thách thức như bao hàm tất cả vẻ đẹp và cảm xúc phong phú mà người ta có khi đến Venice.

Venice mùa nào cũng đẹp, dù là nắng, là mưa hay là mùa nước lụt. Chỉ tiếc là chưa mùa nào tôi đi Venice với người tôi yêu. Có lẽ đây cũng là cái có xác đáng để tôi quay trở lại Venice, không chỉ để cầm máy lang thang khắp ngõ ngách chụp ảnh mà để một lần xuống gondola, uống ly vang sóng sánh cùng nước biển để tạo cho riêng mình một kỷ niệm nên thơ và lãng mạn của Venice mùa yêu.

# Verona - Thành phố của những câu chuyện tình

Ngoài Venice, tôi còn có dịp lang thang khắp nhiều thành phố khác của Ý như Roma, Trento, Torino, Milan... Nhưng thành phố thứ hai để lại cho tôi nhiều ấn tượng và tình cảm nhất lại là một thành phố nhỏ xinh đẹp mang tên: Verona.

Tôi còn nhớ trên chuyến tàu ngang dọc nước Ý, tôi ngẫu nhiên làm quen với một cô gái Ý tên là Cecilia. Cô có nước da ngăm và khuôn mặt xinh đẹp. Chính cô đã giúp tôi quên đi nỗi buồn phải ngồi chờ ở Milan hai tiếng đồng hồ vì tàu chậm (việc rất thường ở Ý) nhờ những câu chuyện phong phú của cô về cảnh đẹp và hệ thống giao thông của đất nước phóng túng và xinh đẹp này. Trước khi chia tay nhau, cô hóm hỉnh bảo tôi: “Nước Ý có quá nhiều thành phố xinh đẹp, nhưng nàng phải và nhất định phải đi Verona”. “Tại sao?”. “Vì đó là thành phố quê hương tôi và là nơi bắt đầu cũng như kết thúc của rất nhiều những câu chuyện tình”.

Vì câu nói đó, vì Romeo và Giulietta, tôi hăm hở cùng các bạn mình lên đường đi Verona, mặc dù chuyến tàu đưa tôi tới ga Verona Porta Nuova vẫn chậm như thường lệ. Nhà ga không tráng lệ như Milan mà nhỏ xinh, hiền hòa như chính thành phố Verona này vậy. Đoàn xe buýt nối đuôi đưa chúng tôi về trung tâm thành phố trong cái nắng chiều nhàn nhạt và bầu trời gợn gợn đầu tháng Hai, mùa xuân.

Trời tối dần và lạ thay, mặc dù đây là lần đầu tiên đến Verona nhưng tôi cứ có cảm giác như đang... về nhà. Tối đến, không khí ở Verona giống hệt như phố cổ Hà Nội ngày mùng Hai Tết, lát đác người qua lại trên những khu phố có những ngôi nhà nhỏ hơi cũ kỹ, cửa hơi sờn, đèn đường thì tối mờ mờ kèm thêm hơi lạnh khiến khung cảnh khá lãng mạn. Đêm đầu tiên ở Verona của tôi trôi qua êm đềm sau tách cà phê espresso cùng người bạn ở một quán nhỏ có sân, vườn

và cả chiếc đèn bão đu đưa trước gió. Ngay phút gặp gỡ đầu tiên, tôi biết mình đã dành tình yêu cho thành phố xinh đẹp Verona này rồi.

Trước khi đặt chân đến Verona, tôi chỉ biết đây là thành phố của câu chuyện tình nổi tiếng Romeo và Julietta, nhưng khi cầm cuốn sách về Verona và lang thang trong các ngõ nhỏ phố nhỏ của thành phố, tôi bàng hoàng nhận ra Verona có quá nhiều điều đáng để ngưỡng mộ.

Là thành phố nhỏ nhưng Verona trải qua một quá trình lịch sử biến động lâu dài suốt từ thời La Mã cổ đại đến nay. Đến nỗi bản đồ du lịch Verona phải chia thành các khu vực như Verona thời La Mã, Verona thời Trung Cổ, Verona dưới thời cộng hòa Venice, thời đế quốc Áo và đặc biệt là Verona với ảnh hưởng của những nghệ sĩ vĩ đại như: Verona của kịch gia Shakespeare, Verona của nhà thơ Dante. Chẳng thế mà Verona còn được mệnh danh là “một bảo tàng khảo cổ ngoài trời” hay “sân khấu ngoài trời” của các sự kiện lớn.

Verona chỉ đứng hàng thứ hai sau Rome về số lượng các công trình kiến trúc thời La Mã vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Tôi run run bước chân trên con đường mang tên Postumia, vừa đi vừa ngắm nhìn cả những viên gạch dưới chân bởi tôi được biết, con đường này không khác nhiều như nó vốn thế từ hai nghìn năm về trước. Công trình nổi bật nhất của Verona thời La Mã chính là Arena, nhà hát ngoài trời với kiến trúc vòng tròn bậc thang. Được xây dựng từ thế kỷ đầu tiên của Công nguyên, Arena dường như thách thức với thời gian. Cho đến giờ, Arena vẫn là nơi diễn ra Festival Opera hàng năm vào mùa hè. Mùa hè 2011 là festival lần thứ 89. Tôi chưa có dịp tham dự một kì Festival nào, nhưng tôi luôn thầm nhủ rằng nếu chàng trai nào tặng tôi vé mời thưởng thức những giọng opera cao vút ở Arena vào một đêm hè thì đó là món quà đánh gục trái tim tôi cũng như bất kì người phụ nữ lãng mạn nào khác.

Dù không thờ Thiên Chúa, chắc chắn bạn cũng sẽ trào dâng niềm kính Chúa khi chạm tay vào những pano bằng đồng ở cửa của nhà thờ San Zeno, ngắm nhìn những phù điêu trang trí như ngắm khoe sự thịnh vượng uy quyền một thời ở nhà thờ San Anastasia, và

nghe thánh ca ở nhà thờ lớn Duomo Verona. Đây cũng là những công trình tiêu biểu của Verona thời Trung Cổ nếu không kể đến hai căn nhà hay hai “pháo đài tình yêu” vô cùng nổi tiếng: nhà của chàng Romeo và nhà của nàng Giulietta. Từ nhỏ, tôi đã không thích câu chuyện này của Shakespeare vì nó quá bi kịch. Tôi thì chỉ thích những mối tình đẹp đẽ, mạnh mẽ dù trọn vẹn hay dang dở. Tuy nhiên, tôi vẫn ghé thăm nhà của “chàng” và “nàng”. Chẳng ai biết hai người có thực sự sống ở Verona hay không, nhưng những chứng tích của câu chuyện tình ấy vẫn còn đây, kể cả mộ nàng Giulietta đặt trong hầm của tu viện San Francesco al Corso. Đến giờ tôi vẫn chưa biết lý do tại sao tôi không vào được nhà Romeo. Trước mặt tôi cánh cửa gỗ nặng trĩu đóng kín với hàng gạch xây ken dày, một người phụ nữ hiện đại quý phái từ trong đi ra nói một tràng tiếng Italia và... đóng sầm cánh cửa lại. Điều trái ngược là nhà của nàng Giulietta với bức tượng đồng của nàng dưới sân lại luôn rộng mở. Người ta cũng bán kèm những đồ lưu niệm tình yêu trong nhà nàng. Ban công căn nhà nàng vẫn còn đó và rất nhiều du khách, đặc biệt là những đôi yêu nhau thường để cô gái hát trên ban công còn chàng trai đứng dưới ngóng lên, tha thiết và say đắm. Tượng nàng bằng đồng nơi cánh tay phải xinh xinh buông lơ và khuôn ngực bên phải sáng bóng vì rất nhiều du khách, đặc biệt là các chàng trai thường đặt nụ hôn lên đó (tôi cũng không biết vì sao không phải là cánh tay và khuôn ngực bên trái, hay nơi đó chỉ dành riêng cho chàng Romeo?).

Những công trình cầu kỳ, điệu đà của Verona thời Venice, tráng lệ của Verona thời đế quốc Áo khiến tôi chùn chân, mỏi gối, say sưa ngắm nhìn và mơ mộng. Sau tất cả những lãng mạn ngập tràn ấy, tình yêu của tôi với Verona có lẽ sâu đậm hơn nữa nhờ những phút lang thang trên những con phố nhỏ xộc xệch mà tôi không thể nhớ hết tên. Gọi là xộc xệch cũng không sai, quảng trường trung tâm Centro Storico rộng lớn với dãy nhà cổ nổi dài còn giữ nguyên những bức tranh sơn trên cửa, nhưng cửa sổ thì cũ và long chột, rơi rụng nhiều, mái sập và cần cầu vẫn bắc ngang ở trên mái. Tôi đi đi lại lại khu vực này nhiều vì bên cạnh dãy những cửa hàng xa xỉ tráng lệ là khu chợ trời bán đủ thứ, kể cả đồ nhái Gucci. Ở đây, tôi tìm cho mình được một quán ăn rất rẻ và ngon, có người hành khát

cứ năm giờ chiều là kéo violin những bản tình ca da diết. Tôi cũng tìm được một góc nhỏ để uống cà phê với chiếc tách cũ sơn vẽ cầu kỳ và cả chiếc thìa khuấy chạm trổ bằng bạc. Những buổi tối lang thang vô định là thú vị nhất vì Verona khá yên bình chứ không lộn xộn như Rome. Những chiếc đèn đường luôn tỏa ra thứ ánh sáng nhàn nhạt như trăng cuối mùa. Đi một đoạn là bắt gặp nhà thờ hoặc tu viện, kỳ bí và thâm nghiêm, ngẩng đầu lên gặp ngay những ban công xưa cũ, cứ như lúc nào cũng có nàng tựa cửa hát đợi chàng. Chàng trai duy nhất của nhóm chúng tôi bị gọi đùa là Casanova (tên của một chàng đã tình nổi tiếng), và khi tôi bắt chợt gọi tên bạn để hỏi giờ, tiếng gọi Casanova vang lên giữa đêm tối khiến nhiều người giật mình ngoái lại nhìn, cánh cửa sổ căn nhà phía trên cũng lục tục mở ra. Hình như cư dân Verona đều sẵn sàng đón nhận những câu chuyện tình hiển hiện trong thành phố của mình. Bạn sẽ bắt gặp rất nhiều đôi lứa nắm tay nhau đi dạo ở Verona, nhưng cũng chẳng hiếm những người đi một mình, vừa đi vừa đốt thuốc, làm tôi liên tưởng đến lời nói của Cecilia: “Verona là nơi bắt đầu và kết thúc của những câu chuyện tình”.

Tôi không biết lời Cecilia nói là thật hay không, giống như chẳng ai biết chuyện Romeo và Giulietta là thật hay huyền thoại, tôi chỉ biết rằng, khi đứng tư lự bên dòng sông Adige vào tháng Hai, tình yêu của tôi với Verona đã thực sự bắt đầu và sẽ không bao giờ kết thúc. Hoa thủy tiên vàng đã nở ven sông báo hiệu mùa yêu tháng Hai đã về. Chưa chia xa mà tôi đã mong sẽ có dịp trở lại với Verona, uống cà phê espresso vào mỗi tối để đủ tỉnh táo lang thang khắp thành phố dịu dàng này mỗi khi màn đêm buông xuống.

# Ba Lan mùa tuyết chưa tan

Tượng nàng tiên cá bằng đồng “the Warsaw mermaid”

Nhìn lại các chuyến đi, tôi phát hiện ra mình vẫn giữ một thói quen đặc trưng của người Việt: du xuân. Nói vui thế bởi mùa xuân châu Âu của tôi luôn đầy ắp các cuộc hành trình. Đó là mùa tôi phải đi hội thảo ở nhiều nơi, nhân thể đi du lịch, thêm nữa lại có dịp nghỉ lễ Phục Sinh dài - một cái cớ tốt để tôi không thể ngồi nhà.

Tôi đến Ba Lan vào một ngày đầu xuân khi tuyết vẫn còn chưa tan hết, chỉ có hàng cây phủ sương trắng với nắng mai tràn hai bên đường.

Ấn tượng đầu tiên của tôi với Ba Lan là một thoáng ngạc nhiên vì sân bay ở Warszawa quá nhỏ so với tưởng tượng của tôi, có lẽ chỉ giống như Nội Bài của mười năm về trước. Hải quan sân bay thì khá lạnh lùng. Ngoại trừ hộ chiếu visa, họ còn hỏi han rất nhiều thủ tục giấy tờ phức tạp khác, thậm chí còn nói tiếng Đức với tôi để kiểm tra xem có đúng tôi là sinh viên Áo không. Tôi thảm nhủ chắc là do ở Ba Lan người Việt quá đông. Hồi đi Praha, tôi cũng gặp tình trạng tương tự như thế này. Sau khoảng hơn ba mươi phút, tôi thở phào vì đã được cho phép vào địa phận Ba Lan. Cảm giác căng thẳng và hơi khó chịu ban đầu nơi cửa khẩu biến mất ngay khi cơn gió lạnh lạnh mùa xuân ùa đến cùng nụ cười ấm áp của cô gái Ba Lan bán những bông hoa thủy tiên vàng xinh xắn bên góc sân bay. Hình ảnh các cô gái Ba Lan xinh đẹp với ánh mắt mê hồn còn theo tôi suốt dọc hành trình khám phá Ba Lan, đất nước chịu sự tàn phá của chiến tranh nhưng vẫn đẹp và quyến rũ vô cùng.

Ba Lan - Những dấu vết thời gian

Thủ đô Warszawa còn được gọi là Phoenix City - Thành phố Phượng hoàng bởi sự vươn mình mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Khu phố cổ Warszawa (Rynek Starego Miasta) vẫn giữ

nguyên nét cổ kính với những phù điêu trang trí bằng đồng tinh xảo bên nhiều khung cửa, những viên gạch đỏ xếp nếp hẳn in bao dấu giày. Nhìn bên ngoài, khu chợ xinh đẹp dường như chưa bao giờ trải qua những đau thương. Ít ai biết rằng, để khôi phục lại khu chợ cổ này sau Chiến tranh thế giới, người ta đã chắt chiu từng viên gạch nhỏ, vẽ lại từng ngôi nhà còn lại trong ký ức mỗi người, với nỗ lực phi thường để trả lại nét đẹp nguyên sơ cho khu chợ. Khu chợ cổ của Warszawa tuy đơn giản mà khiến tôi đi không biết mỏi! Những ngõ gạch nhỏ, những quảng trường đông đúc cuối tuần dường như đã là đặc trưng của phố cổ châu Âu, nhưng ở Warszawa, tôi thấy bên cạnh vẻ tráng lệ, phố cổ có nét gì đó rất hiền, hiền nhất ở cách trang trí đẹp mắt mà hài hòa, giản dị. Dù không sắc sảo nhưng vô cùng gợi cảm. Đường phố ngày thứ bảy tấp nập người qua lại nhưng những cửa hàng cũng không vì vậy mà trở nên vội vã. Người bán hàng trong lúc bày lên kệ những món đồ xinh xắn còn tranh thủ tưới vạt hoa hồng chưa nở bên cửa sổ. Bên trong cửa hàng bán đá hổ phách, thứ đá vàng trong vắt gợn vân nâu rất phổ biến ở Đông Âu. Ông già chủ tiệm tũm tũm cười ngã giá với những du khách trẻ, vừa nói vừa dùng đũa lau một miếng đá bóng loáng lên. Quảng trường chợ rất đông người tụ tập, đám uống rượu mạnh Leroux, đám uống bia Zywiec hay Warka, vài người đàn ông hút thuốc, vài người đàn bà chuyện trò. Đông đúc là thế nhưng lạ thay vẫn có vẻ gì đó yên tĩnh lạ thường. Có lẽ bởi họ chỉ rì rầm nói chuyện và lim dim tận hưởng ánh nắng sớm. Gây “ồn ào” nhất có lẽ là tiếng accordeon và violon phía góc phố, nơi những bản nhạc của Chopin đang vi vút ngân lên. Tôi cũng ngồi tận hưởng chút rượu hoa quả Nalewka với bánh ngọt Delicje bên chiếc bàn gỗ ở góc quảng trường, sung sướng đeo thêm vào cổ chiếc vòng kết từ bánh mì, một nét đặc trưng của khu chợ danh tiếng này.

Ở Ba Lan, khi đi dọc những con phố của thành phố Warszawa và Łódź - hai điểm dừng của tôi, tôi rất nhớ Hà Nội. Có lẽ vì Ba Lan vẫn còn giữ nhiều dấu ấn của một thời Xã hội chủ nghĩa Đông Âu xưa, với những khu nhà làm việc xây đơn giản mà kiên cố, những chung cư đông đúc pháp phối áo quần và những nhà máy công xưởng lớn. Có nhà máy đã hồi phục, trở thành một công ty khang trang, có những nhà máy dột giờ chỉ còn là khu nhà gạch đỏ bỏ không, nghe

nói chuẩn bị sửa lại thành trung tâm thương mại. Kiến trúc ở Warszawa còn lưu lại cả những căn nhà sừng sững vững chãi, canh gác bởi những bức tượng chiến binh Xã hội chủ nghĩa kiên cường. Nhiều cửa hàng khiến tôi liên tưởng đến những cửa hàng mậu dịch ở Việt Nam ngày xưa với kiệu bày hàng, bán hàng y hệt nhau. Người Việt sinh sống ở Ba Lan rất nhiều nên đi đâu bạn cũng bắt gặp những quán nhỏ mang tên Quê Hương, Sài Gòn, Hương Sen... Những cái tên ấy khiến tôi nhớ da diết hương vị món ăn quê nhà dù đã bụng bảo dạ là sang đây chỉ ăn món Ba Lan cho biết.

Ở một phía khác của thành phố Warszawa, những căn nhà chọc trời, những trung tâm thương mại lớn mọc lên tự bao giờ. Tầm biển quảng cáo của hãng thời trang H&M choán đầy cả vỉa hè. Tôi thò ơ ra vào khu trung tâm này vì mua giày Clark, Geox hay đồ Esprit thì ở đâu chẳng có, có gì phải đến Warszawa. Tôi thích lang thang ở khu chợ cổ hơn, nhưng khu thương mại này cũng cho thấy một góc khác của Warszawa hiện đại, trẻ trung và năng động. Những cô gái tóc vàng đang rải bước rộn ràng bên lề đường còn đọng những đồng tuyết chưa tan làm trái tim tôi xao xuyến, như một lần chợt rung động trước những vẻ đẹp mới mẻ, thoáng qua trong cuộc đời.

### Ba Lan - Tượng tượng và hơn thế nữa

Ba Lan trong suy nghĩ của tôi khi còn bé chính là một câu thơ của nhà thơ Tố Hữu trong bài Em ơi Ba Lan. Có lẽ vì vậy mà hình ảnh Ba Lan trong tôi luôn là một rừng bạch dương với sương trắng nắng tràn đầy trên thân cây đẹp như tranh vẽ. Ba Lan trong tưởng tượng của tôi là nơi người ta ăn bánh mì với cục mỡ to tướng, như đưa bạn hàng xóm có bố đi nghiên cứu sinh ở Ba Lan kể với tôi ngày xưa.

Khi tôi đến nơi này, Ba Lan hiện ra với một phần những gì mà tôi biết và muôn phần những điều khiến tôi phải nhớ. Con gái Ba Lan thật đẹp! Tôi không quên kỷ niệm khi ba đưa tôi hỏi đường một cô gái Ba Lan mảnh dẻ để đến nơi có tượng nàng tiên cá bằng đồng "the Warsaw mermaid", cô gái say sưa chỉ dẫn, chúng tôi cũng gật lia lịa. Và khi cô đi rồi thì chẳng ai trong chúng tôi nhớ được những gì cô nói vì tâm trí còn vương vấn theo bước chân cô mãi. Chàng



tra trong nhóm bị hớp hồn đã đành, hai đứa con gái chúng tôi cũng ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của cô. Hình như các cô gái Ba Lan đều như thế: cao ráo, mảnh dẻ, tóc vàng ánh lên dưới nắng và mắt thì biếc xanh thăm thẳm. Không những rất đẹp, các cô còn luôn dành cho chúng tôi ánh mắt thân thiện và nụ cười đủ xua tan đi cái lạnh lẽo của mùa tuyết chưa tan.

Món ăn Ba Lan cũng ngon và ấn tượng như vẻ đẹp Ba Lan vậy! Món bánh mì kẹp mỡ có cái tên Ba Lan rắc rối làm tôi không thể nhớ được nhưng ăn thơm mà không ngán, xúc xích và cải bắp muối chua rất dễ chịu, món súp lúa mạch đen Zurek đựng trong quả bí ngô nhìn lạ mà hấp dẫn, lại còn món “Kaczka na jabłkach” - vịt nướng táo thì đã ăn rồi không ai có thể quên.

Chắc chẳng cần dùng những mỹ từ để ca ngợi thì âm nhạc của Ba Lan cũng làm rung động đến tận tâm can tôi như hàng thế kỉ qua đã làm đắm say nhân loại! Như bao người khác, tôi chỉ biết đến Chopin nên đã cố công tìm đến công viên có bức tượng đá của ông dù trời mưa tuyết rất lạnh. Tôi nghe lại những bản nhạc của ông mà tôi biết. Lòng tôi xáo động, tự cảm thấy sao những âm hưởng nhẹ nhàng ấy hợp với khung cảnh bình yên, trầm mặc mà đầy suy tưởng của đất nước này đến thế. Sao ám áp đến thế khi tay cầm bánh mì nóng vừa đi vừa chạy cho kịp tàu điện mà nhạc Chopin từ Ipod cứ diu dặt bên tai. Khi đến thành phố Łódź, tôi còn biết thêm Arthur Rubinstein, cây piano người Ba Lan - Mỹ, một trong những người chơi dương cầm vĩ đại nhất thế kỷ hai mươi. Ông sinh ra ở thành phố Łódź trong một gia đình người Do Thái. Bức tượng bằng đồng thể hiện hình ảnh ông chơi đàn tọa lạc trên con phố cổ Piotrkowska gần khách sạn tôi ở. Sáng nào tôi cũng dậy sớm, ngồi bên cạnh bức tượng này, gần chiếc khóa son cũng bằng đồng to tướng trên hè phố để đón nắng mai, nghe nhạc, uống cà phê với một người bạn đi cùng. Hai chúng tôi cùng say sưa ngắm nhìn khu nhà Do Thái ở Łódź với những hình vẽ trầm mặc trên tường như bàng quan trước mọi biến động của lịch sử.

Người Ba Lan rất thân thiện, đàn ông, đàn bà và cả trẻ con đều thế. Một cậu bé được bà mình dắt đi học và chỉ cho bức ảnh Giáo hoàng

Jean Paul trong một cửa tiệm. Giáo hoàng vốn là người Ba Lan, ông đã chụp bức hình này trong lần về thăm quê hương. Cậu bé chỉ bức ảnh Đức Giáo hoàng đó cho chúng tôi và nói: “Ông ấy là người Ba Lan đấy. Còn các anh chị người nước nào?”. Nghe bà cậu bé dịch lại, chúng tôi giới thiệu chúng tôi từ đâu đến, bắt tay và chụp ảnh với cậu bé. Giờ chắc cậu lớn lắm rồi, nhưng tôi vẫn nhớ ánh mắt tinh nghịch, thân thiện và đầy tự hào của cậu.

Ba Lan đã đem lại cho tôi những điều hơn cả tưởng tượng của tôi từ thuở ấu thơ. Tôi yêu mến Ba Lan, chính vì thế, tôi muốn viết lại những dòng này, biết đâu sẽ lại xây dựng cho những đứa trẻ khác, như các con Maia, Mayo của tôi chẳng hạn, những tưởng tượng đẹp về đất nước đáng yêu ấy.

Một ngày nào đó, khi lớn lên và có dịp đặt chân đến nơi này, các con tôi sẽ thấy Ba Lan còn hơn cả những gì trong tưởng tượng của chúng.

Khi tôi rời Ba Lan, tuyết năm ấy vẫn chưa tan.

# Hà Lan - Lời hẹn tháng Tư

Tháng Tư là mùa hoa tulip và chắc chắn đó là mùa của Hà Lan. Khi cánh đồng hoa tulip nở tung tạo thành những dòng kẻ đầy sắc màu cũng là lúc vườn hoa Keukenhof bắt đầu mở cửa và vụ pho mát mới đã vào mùa ở Alkmaar.

Thực ra thì mùa nào Hà Lan cũng có vẻ đẹp riêng nhưng có lẽ tháng Tư là mùa hợp với Hà Lan nhất. Vào mùa ấy gió và nắng bắt đầu tràn về quán quýt bên những cối xay lừng lững, hội chợ pho mát ở thành phố Alkmaar cũng bắt đầu rộn ràng và triệu triệu bông hoa tulip đua nhau khoe sắc trên những cánh đồng thẳng tắp nơi chân trời.

Tôi chỉ có năm ngày ở Hà Lan trong khi tháng Tư Hà Lan có quá nhiều sự kiện như vậy nên những ngày ở Hà Lan là những ngày tôi cuống quýt với mùa xuân.

“Pho mát”, cười lên nào!

Tôi lục tung cả đồng bản đồ và sách du lịch để tính toán hành trình sao cho hợp lý nhất. Cuối cùng tôi chọn làng Alkmaar cách Amsterdam hơn một giờ tàu là điểm đến đầu tiên. Lý do cho sự lựa chọn này là lời giới thiệu thật hấp dẫn của anh chàng lễ tân đẹp trai người làng Alkmaar ở khách sạn mà tôi ở. Đặc biệt hơn, thứ sáu đầu tiên của tháng Tư cũng chính là lễ hội pho mát đầu tiên của năm, mở màn cho hai mươi hai thứ sáu trong năm. Thời điểm này đã nườm nượp các chàng trai cô gái gánh gồng pho mát về dự lễ hội nên không khí đông vui nhộn nhịp vô cùng.

Đúng như lời chàng lễ tân nói, tuy còn sớm mà dòng người khắp nơi đã tấp nập đổ về Alkmaar. Vui nhất là khi hỏi thăm đường tới quảng trường Waagplein nơi diễn ra lễ hội, tôi luôn nhận được câu trả lời: “Just follow that stream of people” (cứ đi theo dòng người đằng kia). Vậy là tôi nhập bọn, chẳng cần biết đi đâu cứ hòa vào

dòng người đang nói cười lao xao khắp con đường dẫn ra quảng trường trung tâm. Trong dòng người đổ về, tôi ngỡ ngàng bắt gặp nhưng cô gái Hà Lan trong bộ trang phục váy diềm đăng ten điệu đà và mũ trắng, chân đi đôi giày gỗ xinh xinh. Những người đàn ông về dự lễ hội thường mặc cả bộ quần áo trắng, đội mũ trắng, điểm khác biệt duy nhất là dải ruy băng thắt trên mũ màu xanh, đỏ hoặc vàng. Sau này tôi mới biết, màu sắc dải mũ tượng trưng cho các đội từ các làng khác nhau về thi pho mát. Có một điều đặc biệt là ai cũng khá gầy và rất cao khiến những cô gái châu Á như tôi cứ phải ngược mắt lên nhìn. Không chỉ neho ánh mắt tinh nghịch trên đùa cùng các thiếu nữ và khách du lịch, họ còn hát dân ca rồi nhảy rất tự nhiên trong khi tay vẫn cầm chai bia Heineken và miệng thì ngậm tẩu xì gà. Một không khí lễ hội tràn ngập khắp thành phố xinh xắn Alkmaar.

Đúng mười giờ sáng, lễ hội bắt đầu. Sau tiếng vỗ tay hiệu lệnh của người điều khiển, người mua và người bán sẽ cân những bánh pho mát tròn vàng, mịn màng trên những chiếc đôn bằng gỗ và gánh ra quảng trường, xếp lại ngay ngắn. Tất cả đều diễn ra rất nhanh, nhịp nhàng và chuẩn xác. Tôi đoán những bánh pho mát đó khá nặng vì dường như người đàn ông nào cũng phải gồng mình để gánh chúng. Những bước chân của họ thật điệu nghệ và uyển chuyển cuốn theo hàng tràng vỗ tay háo hức của người xem và khách du lịch. Người thủ lĩnh của nhóm gánh pho mát được gọi là “cheese father”, cũng là người quyết định đưa ra hiệu lệnh và tiếng hô để hai hoặc cả nhóm người phối hợp cân rồi đưa những bánh pho mát ra sân một cách nhanh nhất. Thỉnh thoảng, họ còn tiện thể gánh hai ba đứa trẻ con tóc vàng hoe nở nụ cười ngộ nghĩnh, ngây thơ. Các cô gái Hà Lan trong bộ váy truyền thống sẽ đi một vòng quanh sân, mời bạn ném thử những miếng pho mát địa phương thơm ngon. Tiếng loa bán đấu giá vang lên lanh lảnh khắp quảng trường. Không khí thật sôi nổi, hồi hộp, vui tươi kéo dài từ mười giờ sáng đến mười hai giờ ba mươi vẫn chưa dứt, dù đó là thời điểm kết thúc của phiên đấu giá. Nắng lên vàng ươm và trên quảng trường cũng đầy những bánh pho mát vàng ươm xếp chồng lên nhau.

Như tất cả những người dân tham gia lễ hội, tôi cũng nếm pho mát và tò mò hỏi thăm giá cả. Sau một vòng tham khảo thì vị giác của tôi bão hòa đến nỗi không thể phân biệt được loại pho mát nào nữa. Đó cũng là điều dễ hiểu vì pho mát ở đây không phải là những loại trứ danh của Hà Lan như Edam hoặc Gouda mà hoàn toàn là sản phẩm địa phương. Bạn cũng đừng mong có thể mua pho mát tại sân đấu giá này vì cả phiên chợ tấp nập đang diễn ra trước mắt bạn chỉ để cho bạn biết rằng: người Hà Lan mấy trăm năm trước đã bán mua pho mát như thế nào. Chợ pho mát Alkmaar có từ năm 1593 đến nay đã trải qua biết bao đổi thay, thăng trầm, nhưng cái cách người Hà Lan bảo tồn khu chợ đã khiến du khách đến đây ai cũng yêu mến thành phố Alkmaar. Trên đường phố Alkmaar ai cũng biết cách chào nhau bằng câu nói “say cheese” (hãy nói “pho mát” nào, vì khi phát âm chữ “cheese”, bạn sẽ đương nhiên nở nụ cười thật tươi).

### Cối xay gió ven bờ sông Zaan

Ai chẳng biết Hà Lan có nhiều cối xay gió, ai chẳng biết ở đây gió thổi mái tung tăng trên vùng đồng bằng trải tít tắp đến chân trời, nhưng khi tận mắt chứng kiến những chiếc cối xay gió bên bờ sông Zaan, tôi mới thật sự choáng ngợp.

Không chỉ có những chiếc cối xay gió đồ sộ vẫn kéo kẹt khi gió ulla đến, khung cảnh chung của ngôi làng Zaanse Schans đều thật lãng mạn và nên thơ. Hai bên bờ sông lồng lộng gió, những căn nhà thấp bằng gỗ sơn xanh, cửa sổ trắng xinh xắn nằm trong những khu vườn nho nhỏ được bài trí thật hợp lý. Hoa thủy tiên nở vàng soi bóng bên dòng kênh, hoa đầu xuân rực rỡ xung quanh khuôn viên một căn nhà nhỏ, hoa tulip đua đưa trước gió và lũ vịt đủng đỉnh bơi giữa đám lau cứ như thể tôi đang sống ở nước Hà Lan trong những câu chuyện cổ tích xưa kia vậy. Bác đưa thư vẫn cặm mẫn bên chiếc xe đạp sơn đen với hai thùng thư bằng sắt đằng sau. Và khi ai đó gõ cửa bất cứ căn nhà nào trong làng thì một chú cún con lẳng xẳng chạy ra sủa trước, át cả tiếng đàn gà xáo xáo. Nếu muốn mua giày gỗ, bạn cứ đi loanh quanh trong làng, thế nào cũng thấy một bác thợ mộc (lạ là cũng khá gầy và rất cao) đang cặm mẫn bên những

súc gỗ, loáng một cái là đã làm ra đôi giày gỗ trắng, sơn vẽ thế nào thì tùy ý người mua. Những đôi giày này thường được làm bằng gỗ liễn, gỗ dương hay gỗ sồi. Ngày nay không ai dùng giày gỗ hàng ngày nữa nhưng cảm giác xỏ chân vào đôi giày gỗ man mát thật thú vị. Một số chiếc giày treo bên cửa, giờ đã biến thành bình cắm hoa tulip hay hoa đầu xuân.

Gió vẫn đùa nghịch trên khắp ngõ ngách trong làng và những cánh quạt cối xay đồ sộ vẫn quay đều. Thỉnh thoảng khi gió chao nhanh, đám trẻ con cười khanh khách hòa nhịp cùng tạo nên những âm điệu đồng quê ngập tràn hạnh phúc. Một số cậu bé giả làm Don Quijote vung tay thách đấu với cối xay. Một số nhà cối xay vẫn xay lúa mạch, bụi bay mù một góc. Tuy vậy, đa số khách đến làng chẳng màng đến chuyện xay lúa mà chỉ tìm cách leo lên tầng hai của nhà cối xay để rướn tay chạm vào những cánh quạt lưng lửng, tưởng như muốn theo đó đu lên không trung.

Tôi thả bộ bên bờ sông Zaan vi vút gió, mỗi chân thì ngòi vát vẻo bên những lan can gỗ nhô ra sông, đạp chân vào đám lau sậy đang vẫy cờ phấp phật. Bình yên biết bao, ngày thứ hai ở Hà Lan.

### Triệu triệu bông tulip

Trên những chuyến tàu ngang dọc Hà Lan tháng Tư, tôi bắt gặp những cánh đồng đẹp như tranh vẽ bởi sự hòa sắc của muôn ngàn luống hoa thẳng tắp, màu đỏ gối màu vàng, màu hồng kết hợp với nền trời mùa xuân xanh lơ. Nhưng phải đến tận vườn hoa Keukeuhof của thành phố Lisse, tôi mới biết thế nào là hoa tulip ở Hà Lan. Vườn châu Âu này vốn là triển lãm ngoài trời cho những người trồng hoa mỗi dịp xuân về nên xuất hiện những bông tulip thật lạ. Có những bông màu đỏ huyết dụ, màu đen và cả những bông có cánh diềm lua tua. Không chỉ tulip, những bông dạ lan hương xanh tím, bông thủy tiên vàng cũng chen nhau khoe sắc. Mấy cây hoa anh đào ở góc vườn cũng lặng lẽ thả muôn vàn những cánh hồng phớt mong manh lên vạt cỏ và dòng suối nhỏ trong veo. Tôi thích hoa diên vĩ cũng chỉ vì mê bức tranh Hoa diên vĩ của Vincent Van Gogh nên tôi cứ lang thang khắp vườn để tìm hoa, dù biết rằng hoa diên vĩ phải đến hè mới nở.

Trong khu vườn, hoa tulip vẫn là nhiều nhất, bạt ngàn cả công viên, quay tứ phía cũng chỉ bắt gặp hoa tulip mà thôi. Riêng tôi vẫn thích nhất vật hoa tulip đỏ, màu đỏ thật mê hoặc. Tôi cảm tưởng như mình mê đi giữa màu đỏ rực rỡ mà đậm thắm, dữ dội mà bí ẩn từ hàng vạn bông tulip đu đưa trước gió như muôn ngàn những cây đèn lồng nhỏ.

Tôi không ngạc nhiên khi biết, có đến hơn bốn triệu bông hoa tulip khoe sắc ở vườn này mỗi độ xuân về. Tuy nhiên, con số đó khiến tôi liên tưởng tới bài hát Triệu bông hồng mà tôi hằng yêu thích. Không biết có anh họa sỹ nào đang vẽ tranh trong vườn hay không, nhưng có lẽ cô gái nào cũng sẽ vô cùng cảm động nếu được cùng chàng trai mình yêu nắm tay nhau đi dạo trong vườn mà như đi giữa cả đại dương hoa tulip đỏ này.

### Hẹn hò với Hà Lan

Sáng sớm tháng Tư nắng trong veo, đường phố Amsterdam vốn nhộn nhịp về đêm bỗng trong trẻo lạ thường. Hôm nay tôi lên chuyến tàu sớm để tạm biệt Hà Lan, và tôi quyết định thả bộ ra ga. Sáng sớm mà ai đó đã dựng vội chiếc xe đạp cũ bên bờ cây cầu xinh xinh, giỏ xe rực rỡ bó hoa tulip màu cam gói trong giấy báo còn dẫm ánh sương đêm. Tôi tưởng mình ngái ngủ vì đâu đâu cũng thấy những căn nhà gạch nâu đen cứ xô ngã nghiêng trái phải. Thấy tôi và các bạn cứ nheo mắt bàn tán, chàng trai Hà Lan đi ngang giải thích rằng điều đó là sự thực vì với đặc thù đất lấn biển, nền đất ở đây tương đối mềm khiến các căn nhà cứ phải nghiêng nghiêng dựa vào nhau mà sống. Rồi thật bất ngờ chàng đổ tôi vì sao trên mái mỗi căn nhà đều có móc như để treo ròng rọc, đó tôi cảng biển Rotterdam lớn thứ mấy thế giới, giày “klompe” là giày gì... Hỏi và trả lời, tôi chợt phát hiện ra còn biết bao điều tôi chưa biết về Hà Lan. Tôi ước gì kỳ nghỉ Phục Sinh của tôi kéo dài thêm mấy ngày nữa để tôi có thể lang thang khám phá thêm mảnh đất kiên cường miệt mài lấn biển mà vẫn không quên giữ những nét văn hóa thật đặc sắc.

Tàu đã đến rồi và đã đến lúc tôi phải nói lời tạm biệt.

Thôi thì Hà Lan ơi, mình hẹn lần sau nhé, khi tháng Tư lại về!



# Trắng đêm Phần Lan

Phần Lan là một trong những địa danh hiếm hoi mà tôi đi vào giữa hè, chỉ vì cái ham mê được ngắm nhìn và đi chơi trong đêm trắng.

Tôi vẫn còn nhớ cảm giác ngỡ ngàng, sửng sốt khi đặt khách sạn online, bởi tôi bắt đầu đặt từ tháng Tư, vậy mà tất cả các khách sạn ba sao ở Helsinki đến cuối tháng Sáu đều “fully book” (không còn chỗ). Cuối cùng, tôi đành phải bấm bụng qua trang web Otel để đặt khách sạn Scandic Helsinki, khách sạn bốn sao duy nhất mà tôi ở trong suốt quãng thời gian dài rong ruổi khắp châu Âu. Cuối cùng thời gian tôi ở trong phòng khách sạn rất ít, bởi nếu không ra ngoài tận hưởng mùa đẹp nhất của Bắc Âu thì phí lắm.

Khi đến đây, tôi mới biết mùa hè rất ngắn và người Phần Lan dành gần như cả mùa đó để nghỉ ngơi sau quanh năm giá lạnh, còn dân tứ phương cũng đổ về Phần Lan dịp này để chiêm ngưỡng cảnh quan kỳ thú mà ai cũng muốn có dịp thưởng thức: đêm trắng.

Từ trên máy bay, đất nước Phần Lan hiện ra trước mắt tôi với vô số các hòn đảo lớn nhỏ, hòn đảo nào cũng tròn tròn, xinh xinh và rợp bóng cây. Cảm giác đầu tiên của tôi về nơi đây là một chút chông chênh về không gian. Ở Bắc Âu bạn hình như sẽ có cảm giác bầu trời rất gần mặt đất, tưởng như chỉ một cơn mưa cũng khiến chúng nối vào nhau. Khách sạn tôi ở ngay gần một công viên xanh và chiếc hồ phẳng lặng, nơi lý tưởng để tôi ngắm hoàng hôn lúc... chín giờ tối và đi dạo mỗi sớm bình minh.

## Điểm hẹn mùa hè

Mùa hè của người ta thôi còn tôi thì vẫn quàng khăn len, mặc áo khoác và đội mũ như thường. Thời tiết mùa hè ở Phần Lan lạnh còn hơn mùa thu Hà Nội, là cái lạnh êm ái dễ chịu. Hình như mùa này, dân Phần Lan đều đổ ra đường. Đang ngày thường mà trung tâm

Helsinki đông nghịt. Người ta đi mua sắm, uống cà phê, chơi nhạc, đi dạo, hay chỉ đơn giản là nằm lười tận hưởng ánh nắng mùa hè.

Đất nước Bắc Âu này rất hiếu khách, không theo kiểu vồn vã mà rất tinh tế. Trên đường lang thang tôi gặp rất nhiều những chàng Scandinavians cao to lừng lững, đội mũ kẻ, quần soóc kẻ, hút thuốc nhiều và ăn mặc bụi bụi kiểu rock fans, bước đi như những chàng lãng tử không màng sự đời, nhưng chỉ cần ngo ngoác đôi phút với tấm bản đồ trên tay, sẽ lập tức có người chỉ đường cho tôi với khả năng tiếng Anh đáng nể. Những cô gái Bắc Âu thì mang một vẻ đẹp đặc trưng: tóc thẳng vàng ươm, mắt xanh biếc, cao lớn và duyên dáng, chỉ có điều họ cũng hút thuốc rất nhiều với cách bật lửa nghiêng đầu tạo dáng rất điệu đà.

Điều làm tôi thích ở Helsinki không phải là kiến trúc đồ sộ, văn hóa phô bày mà cuộc sống luôn diễn ra trước mặt khách lạ (là tôi chẳng hạn) như nó vốn thế. Những cung điện, ngôi nhà đáng chóp “củ hành” nhìn bên ngoài khá lộng lẫy nhưng bên trong lại giản dị, chỉ có đủ những thứ cần thiết mà không màu mè gì hơn. Nhà gạch xám, đồ kiên cố như thể thách thức mùa đông giá lạnh. Có lẽ do khí hậu lạnh khắc nghiệt mà những sinh hoạt cộng đồng của người Phần Lan thường chỉ tập trung trên đường phố vào mùa hè, còn mùa đông người ta gặp nhau ở sauna, ở những nhà hàng cổ phục vụ các món cá nướng, âm nhạc thì chỉ cần một người đàn ông chơi accordion cũng đủ để cả đám đông rộn ràng vì những điệu nhảy đôi truyền thống.

Bạn tôi nói dân Bắc Âu mê rock kinh khủng và tôi tin điều đó khi đến đây. Chỉ đi dạo một ngày quanh thành phố mà tôi gặp ba đại hội nhạc rock. Người ta tập trung ở các quảng trường lớn, sân vận động, cánh đồng để biểu diễn, ca hát, nhảy múa, như xả đi hết năng lượng tích tụ cả mùa đông dài. Vốn không phải là fan của heavy metal rock nên tôi không thạo lắm những ca khúc được trình diễn, vậy mà khi tôi lo ngại trong rừng người cao lớn để ngó lên sân khấu thì một chàng Bắc Âu lừng lững nhấc bổng tôi lên giúp tôi chụp ảnh. Tôi cũng thoáng hoảng sợ, nhưng nụ cười hiền của họ và cách họ

kể với tôi về buổi trình diễn không những trấn an tôi lại còn khiến tôi cảm thấy thật vui và ấm áp.

Tôi nhanh chóng rời đại hội nhạc rock để về với nơi yên tĩnh của tôi: khoảng hồ bình yên gần khách sạn. Tám giờ tối mà hoàng hôn còn vàng ươm, phủ lên đám lau lách và những cây bạch dương một màu êm dịu đến nao lòng. Những đôi tình nhân, những đứa trẻ con đi dạo quanh hồ khiến Helsinki lúc này trở nên yên bình hơn bao giờ hết.

Trắng đêm với đêm trắng

Tôi và bạn tôi, hai đứa con gái vô cùng lưỡng lự khi quyết định đi ngủ sớm để mười giờ đêm bắt đầu đi chơi, tận hưởng đêm trắng. Chúng tôi cũng phải tính toán giờ buýt và metro để có thể dùng hết sáu euro vé ngày và không bị phạt giữa đêm. Hơi lo lắng về sự an toàn nên tôi chuẩn bị rất kỹ càng. Dự tính cẩn thận là thế mà lại thừa thãi vì những đêm trắng vẫn rất đông người ra đường. Trời không sáng trưng như tôi tưởng tượng nhưng cũng không tối om, mà là một thứ ánh sáng trắng nhờ nhờ, đủ nhìn rõ mặt người từ khá xa, cộng thêm ánh trăng non khiến không khí có nét gì đó mờ ảo liêu trai.

Tôi ghé thăm nhà thờ trắng Helsinki Cathedral, một công trình kiến trúc nổi tiếng của thành phố vào giữa đêm. Màu trắng toát tinh khôi của nhà thờ nổi bật giữa đêm trắng khiến cho khung cảnh tựa như một giấc mơ. Đàn bò câu, hải âu ngái ngủ bay lờ lờ trước khoảng không gian bao la phía trước nhà thờ.

Những đài phun nước cũng trở nên vô cùng huyền ảo trong đêm trắng, và mái tóc vàng của các cô gái sáng lên như những nàng tiên. Mười hai giờ đêm, tôi tưởng như bắt gặp rất nhiều nàng Cinderella vội vã trở về nhà sau dạ tiệc cùng hoàng tử.

Khó khăn lắm tôi mới chọn được một quán cà phê ở khu vực Uudenmaankatu and Eerikinkatu để ngồi ngắm trời đất và người qua lại. Quán cà phê ở đây rất hiếm nhưng quán bar thì có thể nhìn thấy ở bất cứ đâu. Giá cà phê không rẻ chút nào, nhưng để ngắm

nhìn thành phố trắng đêm thì cái giá nào cũng là quá rẻ. Các quán bar luôn đông nghịt người nhưng không vì thế mà làm cuộc sống trên đường phố bớt đi sự phong phú. Những đám thanh niên ngồi hút thuốc tán gẫu, nhóm các cụ trung niên thì chơi accordeon, vài cậu thanh niên khác còn mãi nhảy hiphop giữa đêm, cảnh tượng không phải nơi nào cũng có. Giọng tiếng Anh các kiểu lao xao khiến tôi hiểu nhiều người có mặt ngoài đường là du khách phương xa tới thưởng thức đêm trắng giống như tôi. Dân bản xứ chắc chắn không lạ lắm gì với cảnh tượng này nữa rồi.

Đêm hè mà tôi và bạn mình đều khoác những chiếc áo khá dày. Nếu là mùa đông chắc tôi phải quấn chăn ra đường mát. Lúc này tôi chợt nghĩ chỉ cần một người tay trong tay đi cùng thì đêm trắng cũng sẽ thành trắng đêm.

Hơn hai giờ sáng, cơn buồn ngủ níu chân tôi về lại khách sạn. Bốn giờ sáng trời đã sáng bừng trở lại và bình minh ghé khung cửa từ lúc nào.

### Chuyện tình của biển

Lâu lắm rồi tôi mới được thưởng thức và ngắm nhìn “đặc sản” của biển Bắc Âu, đó là cá hồi, chim hải âu và những hòn đảo thiên thần.

Đứng trước biển, tôi luôn cảm thấy mình nhỏ bé nhưng đứng trước cảng Helsinki vào sáng sớm, tôi có cảm giác như mình là công chúa bé nhỏ sống một mình trên một hành tinh xa xôi, vì trời và đất gần nhau quá nên muốn giang tay ôm lấy tất cả.

Nắng lên một chút là chợ hải sản lao xao tiếng cười nói của khách tứ phương. Lâu lắm rồi kể từ khi bước chân sang châu Âu du học, tôi mới lại có được cảm giác khoan khoái như vậy khi ngồi trong một quán ăn bên cảng biển, gọi những món ăn chợ trời rẻ mà rất ngon. Những quán ăn với thực đơn chỉ có cá hồi, cá hồi và cá hồi nhưng mùi thơm lừng một góc phố, vừa ăn vừa phải canh chừng vì chỉ cần mất cảnh giác một chút, lũ chim biển có thể sà xuống thưởng thức hộ món ăn ngay trước mặt du khách. Tôi chưa thấy ở đâu mà lũ hải âu lại bạo dạn đến thế, đĩa thức ăn vừa mang ra là chúng sà xuống,

nhón trứng miếng cá hồi rồi bay vút lên, để lại thực khách ngẩn ngơ. Không chỉ thế, nếu chưa kịp định thần lại ngay thì một con chim khác cũng sẽ tha nốt lon Coke uống dở. Người bạn Phần Lan giới thiệu với tôi rất nhiều món ăn nhưng có lẽ tôi chỉ nhớ nổi cá hồi, vì đi đâu cũng được ăn những khoanh cá ngọt lừ, vàng ươm, chế biến các kiểu khác nhau.

Gian hàng bán đồ lưu niệm bên bờ cảng khá phong phú. Đồ mùa đông với mũ len, áo lông làm từ lông hải ly xuất hiện ở rất nhiều nơi. Tất cả ướp đượm mùi của biển. Tôi thích không khí ở chợ cảng, gần gũi mà rất đặc trưng văn hóa. Những người đàn ông râu xồm, cao lớn, một tay cầm chai vodka, tay kia nhón những miếng cá rán, ngồi gật gù bên cảng. Những cô gái chàng trai đi lại tấp nập, túi quần túi áo có một chai rượu mạnh con con, thỉnh thoảng lại lôi ra nhấp một ngụm. Có lẽ cảnh thú vị này chỉ có thể thấy ở Bắc Âu.

Tôi đón chuyến tàu Viking Line ra đảo Suomenlinna (Castle of Finland), cụm đảo xinh đẹp nên thơ, là di sản văn hóa thế giới với một pháo đài nổi tiếng. Đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến cảnh những chú chim hải âu dập dềnh cánh sóng. Hàng trăm con chim hải âu bay đuổi theo thuyền, bông bành, chấp chới, tao tác xung quanh, cảnh tượng thật đẹp mắt và thi vị. Chúng chỉ chịu rời đi khi thuyền đã rất xa bờ và gió biển đã quạt lên boong tàu. Pháo đài được xây dựng trên cụm sáu hòn đảo có tên Kustaanmiekka, Susisaari, Iso-Mustasaari, Pikku-Mustasaari, Länsi-Mustasaari và Långören. Nơi đây đã chứng kiến nhiều cuộc chiến tranh với người Nga, người Thụy Điển, những cuộc nội chiến giành đất. Còn bây giờ, Suomenlinna chỉ đơn giản là một cụm đảo thần tiên. Cụm đảo xanh biếc, nước trong vắt, hoa nở tưng bừng và pháo đài xây uốn cong bên những cây cầu gỗ đã lên rêu xanh. Tôi gặp trên đảo những đứa trẻ con tóc bện kim cườm như nấc nẻ dưới nắng, những cô dâu mặc váy trắng, đội vành hoa trắng tinh khôi, còn cả những chàng thủy thủ đẹp trai nheo mắt cười hằn dấu chân chim. Hoa dại mọc đầy đảo um tùm, nắng bạc lấp lánh, gió ào vào từng vách đá khiến tôi như Alice lạc vào xứ sở thần tiên, tận hưởng cảm giác tự do, khoan khoái và thư giãn tuyệt vời. Tôi gom những cành hoa dại

và những viên đá cuội trên đảo mang về như một kỷ niệm của biển Bắc, của Suomenlinna.

Những ngày ngắn ngủi ở Phần Lan, tôi đã được thưởng thức mùa hè Bắc Âu với đêm trắng, được ăn cá hồi với rượu vodka Koskenkorva và cocktail Salmiakikossu, được dạo chơi ở những hòn đảo thần tiên, tham gia vào những đêm nhảy truyền thống với người Phần Lan. Chỉ duy nhất có một thứ nổi tiếng tôi chưa thử. Đó là sauna. Các bạn rủ tôi đi nhưng nghe cảnh vào sauna phòng gỗ hơi nóng ngùn ngụt, phải nude 100%, tắm xong lấy lá bạch dương quất người và đặc biệt cuối cùng phải nhảy ùm xuống hồ băng giữa mùa đông hoặc bể nước lạnh toát giữa mùa hè. Một đũa sợ nước, không biết bơi như tôi rất ngại ngần. Rồi thời gian cuốn đi khiến tôi chưa kịp thử.

Lúc này, tôi chợt ước ao sẽ có dịp quay lại Helsinki vào mùa đông, ngắm cảnh trời đất trắng tuyết và đi sauna một lần cho biết, để rồi sẽ lại kể câu chuyện mới mang tên: “Phần Lan - những ngày mùa đông không thể nào quên”.

# Đôi dòng cho Paris ngày mưa

Paris không phải là một nàng tiên bí ẩn. Có lẽ vì nàng quá nổi tiếng nên có cảm giác vẻ đẹp của Paris đã phơi bày hết trong tranh, trong sách, trong ảnh và trong những câu chuyện mất rồi. Tôi không yêu Paris ngay từ lần đầu tiên đến, bởi hành trình mãi miết khám phá những địa danh nổi tiếng của Paris như Place de Bastille, Champs-Élysées, Khải Hoàn Môn, đại lộ Montaigne, đồi Monmatre và sự chật chội của hệ thống metro chằng chịt ở Paris khiến tôi mệt mỏi, như kiểu tiếp nhận quá nhiều thông tin để rồi không biết phải xử lý thế nào. Chưa kể, tôi đến Pháp mà không biết tiếng Pháp hình như là một cái tội. Tôi không gặp được sự chỉ dẫn ân cần hay ít ra sự chào đón nồng nhiệt nào ở đây khi thật thà khai báo mình chỉ biết tiếng Anh và Đức. Paris của lần đầu tiên tôi đến có phần kiêu hãnh và xa lạ.

Tôi chỉ bắt đầu yêu Paris vào lần thứ hai hay thứ ba đến đây, khi được chậm chậm lang thang đi dạo bất định với một người bạn, ngắm vẻ đẹp phớt đời của những quán cà phê, thăm những hiệu sách lâu đời đồ sộ và ngắm đường phố sau màn mưa. Đặc biệt, tôi được truyền tình yêu Paris từ những người bạn đã sống và học tập ở đây mấy năm. Họ đã ở lâu đủ để hiểu Paris như bản chất của một thành phố văn hóa lâu đời chứ không phải một nàng công chúa kiêu kì, đỏng đảnh.

Trong những câu chuyện văn với bạn mình, tôi chợt nhớ và kể lại câu chuyện cười “rất kiêu kiểu Pháp” mà tôi đã đọc đâu đó trên báo:

Người ta đổ nhau: “Có điểm gì giống và khác giữa Paris và một trinh nữ”.

Giống: Đương nhiên là đẹp, là lãng mạn, là tinh khôi, là đỏng đảnh, là nhiều thứ để khám phá.

Khác: Paris mãi mãi là Paris (có cần nói thẳng ra là trinh nữ thì không không nhỉ?).

Đúng, Paris mãi mãi là Paris cho dù không thiếu những biến động lịch sử đã đi qua thành phố này.

Không hiểu sao tôi đi Paris ba lần vào hẳn ba mùa khác nhau vậy mà lần nào cũng mưa. Những cơn mưa gột sạch đường phố, trải một lớp nước óng ánh lên những tòa nhà, những con phố xinh đẹp, những cơn mưa lành lạnh khiến người ta chỉ muốn nép vào nhau. Và tôi chợt nhận ra, Paris đẹp đến nao lòng khi mưa, vẻ đẹp khác hẳn cái hào nhoáng, phú quý thường ngày.

Đương nhiên, tôi không phải là Parisienne để có thể hiểu Paris đến tận chân tơ kẽ tóc, tôi cũng không như các bạn đã “quá rành” về Paris, tôi chỉ là một người khách phương xa đến đây, trót “để quên con tim” khi rời Paris và cũng mang về từ Paris những nhung nhớ cả đời không thể quên được.

Viết về Paris, tôi luôn cảm thấy thiếu và thừa, thiếu những ngôn từ chính xác để biểu lộ hết những điều mình cảm nhận, thừa vì đã có biết bao người đến Paris để rồi sẵn sàng trải lòng mình qua những trang viết, những bài thơ, hay những giai điệu lãng mạn như tôi. Văn hóa Pháp không quá xa lạ với người Việt Nam để mỗi khi nhắc đến những địa danh nổi tiếng ở Paris, ai cũng biết và cũng tìm tới khi đến đây. Tôi cũng đi nhưng là đi vào một ngày mưa. Và rồi khi theo chân những người bạn lang thang qua vài ngõ nhỏ phố nhỏ, tôi đã thấy một Paris khác với sách du lịch giới thiệu, một Paris càng ngắm càng yêu. Tôi chỉ dám nói về Paris những ngày mưa và mượn những bức ảnh để nói hộ lòng mình.

Mưa thường khiến trời buồn, đất buồn và lòng người cũng dâng lên nỗi buồn man mác nhưng mưa ở Paris thì khiến người ta trở nên lãng mạn. Khi cơn mưa về, người ta vào nhà thờ Đức Bà Notre Dame chứ không chỉ đứng ngoài chụp ảnh, và rồi chợt chùng lòng trong tiếng kinh cầu để tưởng tượng lại câu chuyện Nhà thờ Đức Bà Paris với sự bi thương của nàng Esméralda xinh đẹp.



Khi mưa về, từng hàng người xếp hàng để được lên tháp Eiffel. Những hàng ô nhiều màu sắc, xanh đỏ tím vàng. Trời mưa bao nhiêu cũng đợi. Có lẽ vì ai cũng nghĩ rằng nhìn toàn cảnh Paris dưới màn mưa là đẹp nhất.

Khi cơn mưa ào xuống, người ta cũng vội vã, hối hả chạy mưa, xô nhau vào các bến metro, thế nhưng có những người không chạy, họ đứng giữa cầu che ô cho nhau, thật là tình cảm.

Và có mưa hay không thì người ta vẫn cứ đợi nhau như vậy. Nếu làm nền cho dáng người đứng chờ cúi đầu (vì mưa, vì suy nghĩ) là những công viên thơ mộng của Paris như Parc Royal hay vườn Luxembourg, thậm chí chỉ là tòa nhà mái xám đặc trưng của Paris, thì khung cảnh còn trở nên dịu dàng và cảm động hơn nữa.

Mưa rơi ướt tóc, đáng lẽ nắm tay nhau đi dạo thì người ta lại nắm tay nhau trong quán cà phê. Quán cà phê lý tưởng nhất là những quán sát hè đường ở Palace St Michelle. Thế là vừa ngắm nhau vừa ngắm mưa vừa ngắm phố đông người qua lại. Tách cà phê thì nóng nhưng bàn tay tình nhân thì ấm và bánh croissant nóng rất thơm. Nếu quên đi giá cả của cà phê ở đây thì thế là quá đủ nhớ cho một chiều Paris rồi còn gì.

Sau cơn mưa không khí mới thật là đẹp!

Mọi thứ vẫn như trước nhưng trong trẻo lạ thường. Mặt đường đọng những vũng nước mưa nho nhỏ, tuy hơi vướng chân nhưng lại là những chiếc gương tự nhiên in về đẹp của Paris xuống đường phố. Người ta lại nắm tay nhau đi dạo hoặc ngồi nói chuyện bên những chiếc ghế gỗ dọc bờ sông Seine. Sông bình thường không đẹp như trong các bài hát và cũng khá nhiều rác, nhưng cơn mưa đã xóa đi tất cả. Những người bán báo, tạp hóa, đồ lưu niệm lại dọn hàng ra, tuy còn hơi ướt nhưng còn hơn là đóng quày để đó. Thế là những bức tranh Paris nét vẽ đen trắng, những mảnh gốm in dòng chữ "Paris, Je t'aime" để khách du lịch mua về treo trong nhà cũng điểm xuyết những hạt mưa. Những người chơi đàn lại hòa lên những bản nhạc giữa phố, say đắm và trong trẻo. Những em bé bỏ ô, tháo tung

cả ủng và áo mưa xanh đỏ để chạy nhảy, cười lí lắc, chân dẫm lép bép lên những vũng nước còn đọng lại.

Mưa hết rồi nhưng trời còn lạnh, lúc này mà mò lên quận Mười ba ăn phở hoặc lang thang đâu đó kiếm bánh crepe nhân socola ăn nóng thì thật là tuyệt. Đây là chưa kể những người sang hơn có thể nhâm nhi ly vang và thưởng thức bữa chiều nhẹ với chút pho mát “mốc xanh”.

Trời đã về chiều mà nắng lại lóe lên cuối trời sau cơn mưa làm cảnh vật long lánh như pha lê và để lại những mảng ráng chiều thật đẹp.

Vậy là Paris đã đi hết ngày mưa rồi đấy!

Lần sau tôi đến Paris, trời liệu có mưa nữa không?! Điều này tôi chưa biết, nhưng chắc chắn tôi sẽ đến quán cà phê Les Deux Magots, điểm hẹn mà vì nhiều lý do lần trước tôi đã không ghé qua. Nghe nói ngày xưa, mỗi sáng Jean Paul Sartre và Simone de Beauvoir thường ngồi viết liên tục ở đây hàng giờ, chỉ thỉnh thoảng họ mới ngẩng đầu lên nói chuyện với Ernest Hemingway, một khách ruột khác của quán.

Paris là thế, góc nhỏ nào cũng lịch lãm và mang tính lịch sử như thế, lẽ nào bạn không đến, cho dù là đến vào một ngày mưa.

# Kyoto - Những ngày sống chậm

Trong tình yêu bao giờ cũng có những lúc trái tim lạc nhịp. Kyoto là một lần lạc nhịp đáng yêu của tôi. Mang vẻ đẹp dịu dàng của một thiếu phụ phương Đông đã bước vào tuổi đằm thắm nhất, Kyoto kéo tôi trở về bên nàng từ những con đường châu Âu để rồi suốt đời thương nhớ ánh mắt si mê, huyền diệu ấy.

Mọi người vẫn bảo tôi “vô duyên” với các nước châu Á bởi lang thang khắp châu Âu, ghé qua cả châu Phi, châu Mỹ, tôi lại ít có dịp đi thăm những quốc gia hàng xóm.

Nhưng tôi biết mình không vô duyên với Kyoto!

Chỉ hai lần ghé thăm, một vào mùa hè nắng trải vàng như mật khi lá momiji còn xanh ngắt, một vào đầu thu khi lá đã vàng và mưa đã lạnh, tôi như cảm nhận được sự bí ẩn, giản dị, sâu lắng, khoan thai mà kiên định của mảnh đất này. Tôi có duyên với nước Nhật và Kyoto, bởi ở đây, tôi có những kỷ niệm đẹp, những cuộc gặp gỡ định mệnh với những người đã gắn bó với tôi trong nhiều phần của cuộc sống.

Kyoto là một thành phố xinh đẹp với những thắng cảnh nổi tiếng như chùa Vàng, chùa Bạc, lâu đài Nijo, chùa Ryoan-ji, Shugakuin, quận Gi-on... v.v, đủ để bạn đi mãi miết vài ngày không hết. Vậy mà không hiểu sao tôi chưa bao giờ vội vàng ở Kyoto. Tôi luôn chậm chậm đi từ nơi này đến nơi kia, không đi hết cũng chẳng sao. Có lẽ bởi phong thái cuộc sống ở Kyoto thanh bình và trầm mặc khiến người ta không muốn vội, chưa kể tôi đi với những người bạn thân mến nhất nên trọng tâm của hành trình không phải là danh thắng mà là những câu chuyện dường như chưa bao giờ có điểm dừng. Kyoto chỉ là “người chứng kiến” mà thôi. Tôi vẫn còn nhớ như in, ở chùa Vàng, tôi đã tâm sự với người thầy của mình về những dự định sau khi du học. Dưới những tán lá momiji vàng thắm đẫm nước mưa, ở ngôi đền với trăm ngàn chiếc cổng gỗ đỏ Fushimi-Inari

Taisha, tôi đã ôn lại những kỷ niệm đẹp thời sinh viên. Và bên dòng sông Kamo cùng những khu phố cổ chằng chịt ở Gi-on, tôi đã được sống những giây phút bình yên và ấm áp tình cảm nhất.

Tôi có một may mắn là hai lần đến Kyoto, tôi luôn được sống trong nhà của người Kyoto thật sự mà không ở khách sạn. Như thế cũng đủ để tôi hiểu phần nào cuộc sống đời thường của người dân Kyoto diễn ra như thế nào.

### Kyoto mến thương của đời thường

Ở Kyoto, tôi có dịp sống lại thời tuổi trẻ mơ mộng và không kém phần dại khờ. Đi lại trên đường phố Kyoto nhỏ xinh chằng chịt lối đi, tôi đã lạc một số lần, không phải vì không nhớ đường mà vì lúc nào cũng vừa đi vừa nghĩ vừa thảng thốt, để rồi đi quá xa mới chợt nhận ra mình đã lỡ mất rồi. Kyoto đem lại cho bạn một cuộc sống thanh bình và dịu dàng hiếm thấy. Thành phố nhỏ có dòng sông Kamo hiền hòa uốn quanh, thỉnh thoảng mấy con nai lạc đàn xuống suối uống nước, xa xa là những ngọn núi mờ sương. Những ngôi nhà ở đây còn mang đậm kiến trúc xưa, xinh xắn ấm cúng, xen kẽ là những hiệu bánh, hiệu ăn, cửa hàng gia đình, những quán cà phê nho nhỏ. Người ta chỉ kê thêm ghế bên ngoài như để mời khách đến thăm nhà mà thôi.

Được sống ở nhà người bạn thân đã từng gắn bó máu thịt suốt ba năm trời xa xứ, tôi tạm thời không còn là con người với những trách nhiệm và lo lắng bộn bề của công việc và gia đình nữa, mà trở lại thành đứa em bé bỏng của chị như ngày xưa, được chị lo lắng cho từ chỗ ngủ, món ăn và cả những tâm tư giấu kín trong lòng. Chúng tôi không còn nhiều thời gian như xưa mà bị cuốn vào nhịp sống khít khao của Nhật nên chẳng còn những bữa ăn phong phú, những tách cà phê cầu kỳ mà chỉ có những hộp Bento mua sẵn ở siêu thị, những lon cà phê Nhật pha sẵn loang loãng. Chỉ có một điều vẫn ở lại cùng chúng tôi đó là những nụ cười với hàng ngàn câu chuyện. Bạn tôi vẫn như xưa, nhiệt tình nhưng đấng trí, quên quên nhớ nhớ. Tôi cũng vẫn như xưa, mọi việc đều lên kế hoạch và thực hiện chính xác như một cái đồng hồ nhưng khi cần là sẵn sàng cho kim quay ngược thời gian. Điều tôi xót xa nhất là bạn tôi đã phải đến bác

sỹ tâm lý vì những căng thẳng trong cuộc sống chỉ có làm việc và làm việc trong guồng quay của nước Nhật. Tôi cũng gặp ở phòng khám hôm ấy rất nhiều người Nhật lặng lẽ một cách ám ảnh, đôi mắt vô định luôn nhìn vào khoảng không xa xa.

Có lẽ, khủng hoảng “thiếu thời gian” đã tạo nên áp lực cho cuộc sống tưởng là chậm nhưng lại rất căng thẳng của họ. Những ngày trải nghiệm cuộc sống của một công chức Nhật sáng đi tối về trên tàu điện ngầm, tôi nghiệm ra rằng, hầu hết dân Nhật đều tranh thủ ngủ trên bất kể phương tiện công cộng nào, từ tàu, metro tới xe buýt... để tiết kiệm thời gian. Một điều kì lạ mà đến giờ tôi vẫn không giải thích được là họ chẳng bao giờ lỡ bến. Dường như ngay cả cái việc chộp mắt chốc lát của họ cũng được “lập trình” chính xác đến từng phút, đủ để làm sao khi tàu, xe dừng lại thì họ cũng đã có được một giấc quý giá. Tôi vẫn còn nhớ những chuyến xe chật ních mà im phăng phắc, những chuyến tàu điện ngầm lúc mười một giờ đêm đầy những gương mặt lặng như robot sau một ngày vất vả. Cái khoản giữ trật tự trên các phương tiện giao thông công cộng hẳn người Nhật ăn đứt người Việt và cũng hơn hẳn người dân ở các nước châu Âu. Tôi lỡ khá nhiều chuyến tàu điện ngầm ở Nhật, phần vì mãi nói chuyện, phần “cố tình” lỡ để lại được đi bộ hoặc đi xe đạp, tận hưởng những thanh bình dịu dàng mà Kyoto đem lại cho tôi.

Tôi sống trong một căn nhà chung cư đặc trưng kiểu Nhật, trong tiêu chuẩn của người Việt Nam thì quả là chật nhưng lại sạch sẽ và tiện dụng tới từng góc ngách. Chỗ ngủ mà bạn tôi sắp xếp cho tôi những ngày ở Kyoto khiến tôi nhớ quá căn phòng của mình thời thiếu nữ, đồ đạc gồm rất nhiều thứ nhỏ xinh xinh và chật ních nhưng kỷ niệm có thể thấy ở khắp nơi trong nhà. Nhà ở Kyoto rất nhỏ nhưng trong mắt tôi lại gần gũi và ấm cúng đến lạ. Chiều nào đi về, tôi cũng khẽ quan sát những căn nhà mình đạp xe qua và có thể thấy sự hiện diện quán quýt của mỗi thành viên trong đó. Căn nhà kia có chiếc xe đạp mini của ai mới đi làm về, cạnh đó là ô, là mũ, là túi đi chợ của một người phụ nữ, góc kia là quả bóng đồ chơi của một đứa trẻ trong nhà. Tôi lặng người khi ngắm cửa sổ của ngôi nhà cuối ngõ, mặc dù chiếc rèm trắng mỏng manh đủ che hết bên trong,

nhưng chiếc đèn chụp thả treo trên trần tỏa ánh vàng xuống bàn ăn chiều đã khiến tôi tưởng tượng ra khung cảnh cả nhà rủ rủ chuyện trò bên bàn ăn. Với tôi, đó là một bức tranh tuyệt đẹp.

Ai cũng nói cuộc sống ở Nhật hối hả và quá nhanh nhưng với tôi, nhanh hay chậm đôi khi là một khái niệm tương đối. Ai lần đầu đến Nhật cũng sốc vì hệ thống tàu nhanh, tàu điện ngầm, việc đi lại vội vã trên đường phố nhưng nếu bình tâm một chút, quan sát một chút, tôi cũng sốc vì cách người công nhân trẻ tuổi tỉ mỉ sơn từng mảng tường bằng cây chổi nhỏ xíu, chậm rãi đến sốt ruột. Trên quãng đường đạp xe thong dong mỗi sáng, tôi mỉm cười khi thấy cứ đúng tám giờ ba mươi sáng hàng ngày, những người đàn ông lại cầm mỗi người một cây chổi, quét sạch sẽ, gọn gàng và kỹ lưỡng khoảng sân nhỏ trước cửa văn phòng mình. Tôi cảm động vô cùng trước cách người ta bán thuốc cho tôi, ghi chú rõ ràng tỉ mỉ liều dùng, bọc thuốc trong từng túi giấy nhỏ ngăn nắp và sạch sẽ. Tôi cũng yêu cách người ta chuẩn bị bát ramen (mì Nhật), nâng niu từng sợi mì, miếng thịt, lát hành, để khi đưa đến cho tôi, bát mì không chỉ là thức ăn mà còn là sự trân trọng người chủ dành cho khách hàng của mình. Đêm ấy ở Kyoto, tôi không thể nào ăn hết bát mì muộn và cảm thấy rất có lỗi với người bán... Chiếc xe đạp cũng đưa tôi đi từ nơi này nơi kia ở Kyoto, đôi khi xe đạp chỉ là để dắt còn tôi thì đi bộ, nhưng tiếng xe lóc cóc trên mặt đường, tiếng bánh xe rào rạo in vào đêm khiến tôi cảm nhận rõ Kyoto yên tĩnh và dịu dàng biết nhường nào. Những buổi đi chơi, xe đạp cùng tôi rong ruổi, những khi về muộn, xe đạp cùng tôi bon bon qua bờ sông róc rách tiếng nước chảy, để tôi cảm nhận hương cuối hè mát rượi thổi lên từ tận dưới lòng sông.

Tôi nhớ những bữa ăn ở Kyoto, không phải vì tôi vốn thích đồ ăn Nhật mà tôi yêu không khí ấm cúng chân tình của các quán ăn, sự ấm cúng tỏa ra từ người chủ cho đến thực khách. Sushi trong quán ở Shi-jo không quá đặc biệt nhưng quán đông như thế mà chúng tôi vẫn phải rủ rủ nói chuyện vì xung quanh tĩnh lặng quá. Khi ăn bánh xèo Nhật (Okonomiyaki) ở Shijokawaramachi, tiếng rán bánh xèo còn lớn hơn tiếng mọi người trò chuyện, chúng tôi nhắc lại những kỷ niệm ngày xưa khi cùng sống và làm việc bên nhau. Rồi

có hôm ăn mì soba ở quán nhỏ dưới chân núi ở Monkey Park, người chủ đã yêu mến dành cho tôi gói trà lúa mạch soba do quán tự làm, đơn giản chỉ vì ông từng làm ở trường đại học và quý mến những người yêu thích công việc trong phòng thí nghiệm. Ăn uống ở Kyoto với tôi hình như không chỉ là giải pháp cho cơn đói mà còn là chỗ dựa cho tâm hồn, bởi mỗi bữa ăn là một cuộc hẹn thú vị và ấm áp tình cảm.

Tôi cũng phải lòng thứ trà xanh của Nhật, với một vị đặc trưng riêng, thanh mát và khá dễ uống. Tách trà trên tay tôi trở nên mong manh hơn, vị trà cũng đượm hơn sau khi được tận thấy nghi lễ trà đạo mà cô gái trẻ Nhật Bản thể hiện trước sự hướng dẫn tỉ mỉ, nhẹ nhàng nhưng rất nghiêm khắc của người phụ nữ đứng tuổi. Trà Nhật nổi tiếng khắp năm châu bốn biển cũng bởi chính sự cầu kỳ, tinh tế và cẩn trọng của đạo trà, của những lá trà được kén chọn kỹ lưỡng như thế.

Tôi là một người rất mê các loại bánh truyền thống của Nhật, đến mức có thể dùng để ăn hàng ngày nếu có điều kiện. Tôi mê không chỉ bởi cái vị ngon mà mê cả cách gói, cách trình bày, cách bài trí quán bánh và mê luôn những người thợ bánh đội chiếc mũ vải xinh xinh. Bánh làm từ bột gạo, khoai lang, đỗ đỏ, đỗ xanh, sang hơn nữa thì là bánh trà mà chỉ ở Kyoto mới có, toàn những nguyên liệu rất mộc mạc và dễ kiếm, nhưng cái tài khéo của người thợ đã làm nên sự tinh tế cho từng chiếc bánh. Mỗi chiếc bánh nhỏ xinh được gói khéo léo trong tấm giấy mỏng tang, lồng vào chiếc hộp sang trọng bày trong những hiệu bánh (thường là những căn nhà gỗ cổ kết đèn lồng đỏ). Hình như, mỗi hiệu bánh đều đã có mặt ở đó từ mấy trăm năm rồi. Thảo nào mà hương bánh cứ thoang thoảng vị đậm đà của quá khứ.

Tôi luôn thích những quán cà phê nên ngay ngày đầu tiên trở lại Kyoto, tôi đã ngắm nghía một quán cà phê bằng gỗ màu nâu trầm, xinh xắn và duyên dáng nép nép bên đường. Chẳng hiểu sao, tôi không thích những quán cà phê lớn tấp nập người qua lại mà chỉ thích những nơi yên tĩnh - những nơi mà chỉ người địa phương mới biết. Ở nơi ấy người ta ngồi uống cà phê với nhau mà không cần

nói chuyện vì đã hiểu nhau quá rồi. Cũng vì cái sự hiểu đó mà ngay ngày đầu trở lại, tôi đã đến đây. Cho dù ly cà phê đá kiểu Nhật to như cốc sinh tố không hợp gu tôi lắm nhưng đây là cảnh đầu tiên của thước phim “trở lại ký ức ở Kyoto” mà tôi vô tình hay cố ý đã trở thành diễn viên chính. Chỉ có điều, kịch bản thú vị của thước phim, dù muốn, tôi cũng không bao giờ biết trước được.

## Ngày đầu ở Kyoto

Vốn là người rất thích đi dạo, đặc biệt là ở những khu phố cổ đan xen chằng chịt và có nhiều những quán hàng xinh xắn nhuộm màu truyền thống, tôi háo hức còn hơn đứa trẻ con nhận món quà mơ ước. Đó là khu phố cổ Kyoto-Shijo-dori. Đừng hỏi tôi tên khu phố và cũng đừng hỏi tôi ở đó bán những gì, bởi tôi chỉ mãi miết đi trong những ô bàn cờ của lòng phố, mỗi lần thấy một Geisha hay Maiko xuất hiện lại dừng lại chụp ảnh và ngắm nhìn không chớp mắt. Tôi yêu những căn nhà gỗ nhỏ vọng ra tiếng đàn hát u uẩn mời gọi, tôi yêu dòng kênh nhỏ chảy mãi miết bên những căn nhà dọc sông, treo đèn lồng ấm áp. Từng ô cửa của những quán hàng liên tiếp bên khúc sông như kể cho tôi từng câu chuyện nhỏ của cuộc sống. Ô cửa bên này có hai người lớn tuổi đang ngồi ăn tối, ngồi không gần nhưng nhìn nhau đầy tự lự và dịu dàng, ô cửa bên cạnh lại có một nhóm đang chuyện trò tâm sự rôm rả và thoải mái, còn khung cửa kính của quán hàng màu xanh cốm nằm sát ven sông lại có hai người ngồi, cũng không gần nhau nhưng cái cách họ nhìn nhau cho thấy hình như họ là một đôi tình nhân. Tôi đang quan sát họ và tôi nghĩ rằng họ cũng đang quan sát tôi, cô gái mong manh chẳng khác gì Charlotte trong bộ phim Lost in translation. Chỉ có điều, lần này cô lạc lối ở Kyoto chứ không phải Tokyo. Những cảnh quay của phim không diễn ra ở các quán bar và đường phố vun vút xe cộ của Tokyo mà ở những con đường quanh co của phố cổ Kyoto, nơi người ta có thể dễ dàng trốn từ một đại lộ sầm uất vào một ngõ hẹp nhỏ nhoi toàn nhà gỗ cổ trăm năm, trốn khỏi thuốc lá và tiếng nhạc rock vỉa hè của đám thanh niên, để những chuyện trò phải nói thật khẽ kéo cả phố nghe thấy. Khung cảnh đan xen giữa cổ kính và hiện đại, giữa sầm uất và giản dị ở Kyoto khiến tôi cũng lơ mơ như sống giữa hư và thực, giữa quá khứ và hiện tại. Những nỗi niềm riêng



mang đến và nhận được từ Kyoto khiến tôi rối bời. Có lúc, tôi muốn mang mọi nỗi niềm ấy thả bằng hết xuống nước để dòng sông Kamogawa cuốn đi, nhưng cuối cùng tôi đã nhặt nó lên bờ sông, hong dưới ánh trăng dù biết rằng hong dưới trăng thì có bao giờ hết ướt. Bờ sông hôm ấy gió lộng và trăng rất sáng, cho dù đó là ánh trăng bạc của nỗi buồn chia xa, trăng của tháng Ngâu.

## Kyoto - Chốn bình yên của tâm hồn

Tôi không phải là người đầu tiên nói về Kyoto như là nơi trú ngụ bình yên của tâm hồn. Điều tôi không thể ngờ là mình có duyên với Kyoto đến thế.

Lần đầu đến đây, tôi vội vã chạy shinkasen (tàu cao tốc) từ Tokyo đến Kyoto mà chưa hề đọc một dòng nào về thành phố này. Mục đích tôi đến đây chỉ để gặp người thầy giáo thân thiết và một người bạn của tôi. Chỉ có hai ngày ngắn ngủi mà tôi đã kịp đi chùa Vàng, chùa Bạc, kịp đi tắm onsen (tắm hồ nước nóng) ở một căn nhà nhỏ trong rừng trúc. Với người Nhật thì phải thân lắm mới đi tắm onsen với nhau. Người Nhật cho rằng khi trút bỏ toàn bộ trang phục, khi hòa mình với thiên nhiên đất trời là khi ta cởi mở tâm hồn, tình cảm với nhau nhất. Bể tắm onsen hôm ấy lạ thay chỉ có tôi và bạn tôi, bên trên là trời sao, bên cạnh là rừng trúc âm u, dầm nước mưa. Hòa mình vào dòng nước khoáng nóng trong bể gỗ thơm thơm, ngẩng đầu lên là trời đêm và cái lạnh buốt đặc trưng vùng núi, tôi cảm giác như gột bỏ tất cả những ưu phiền, những suy tư. Bạn tôi nói tắm onsen những hôm tuyết rơi đẹp lắm và tôi cũng mơ một lần được như thế.

Tôi cùng bạn mình đi nhiều chùa và các công trình cổ ở Kyoto, đi một cách chậm rãi, thong thả, vừa đi vừa chuyện trò ríu rần, mãi miết. Ở Kyoto ra ngõ là gặp chùa. Ngoài những ngôi chùa nổi tiếng nên ghé thăm, tôi rất thích những ngôi chùa nhỏ xinh bất ngờ hiện ra giữa đoạn đường tấp nập và sầm uất, có cảm giác như cuộc sống với những hồi hả, vội vã đã dừng lại phía trước cánh cửa gỗ nơi đây. Mỗi chùa có một vẻ đẹp riêng nhưng đều chung nhau ở nét trầm mặc, cổ kính, giản dị và đầy bí ẩn. Tôi leo lên chùa Kiyomizudera giữa cái nắng chang chang cuối hạ, nhưng không khí mát mẻ,

trong trẻo vẫn đọng lại trong cốc matcha mát lạnh bên bàn nước nhỏ xinh và những tán trúc, tán momiji lá ken dày. Tôi lang thang giữa hàng chục ngàn cánh cổng gỗ màu cam mà ngàn vạn người Nhật đã cúng tiến để tạo nên đền Fushimi Inari-taisha, lòng chợt dâng lên cảm giác khâm phục ý chí và sự kiên trì của người Nhật vô cùng. Tôi ngược nhìn rừng trúc và “con đường lãng mạn” (Romantic train) ở Arashiyama mà lòng vẫn tự hỏi mình, điểm cuối của chuyến tàu lãng mạn trong hành trình cuộc sống của mỗi con người sẽ là gì, hạnh phúc hay chỉ là ước mơ?

Lạ một điều, tôi luôn không thấy “tĩnh tâm” khi thăm những ngôi chùa và công trình kiến trúc cổ ở Kyoto, tất cả đều khiến tôi suy nghĩ về cuộc sống, về hạnh phúc và số phận con người. Có lẽ, với một người yêu tự do và khao khát được sống tự tại như tôi, chùa Nhật quá lễ giáo, tỉ mỉ, khá gò bó và u uẩn. Từ cánh cổng nặng cho đến lớp mái dày, dù có làm từ loại gỗ ép đặc biệt đi nữa thì đối với tôi vẫn có chút gì đó đè nén. Tiếng đàn u tịch vắng vắng từ phía chái nhà, tiếng bước chân cọt két trên sàn gỗ khiến tôi thu mình lại, dù nắng vẫn tràn qua khung cửa len lỏi vào trong dãy hành lang dài.

Đối với những ngôi chùa ở Kyoto, tôi chỉ nhớ nhất những khoảng vườn trong xanh yên tĩnh, hòa sắc đẹp giữa cây xanh, mây trắng, bóng nước im lìm cùng những chú cò mảnh mai, những chú cá lững lờ bơi lội. Mỗi khi đứng trước những khoảng vườn tĩnh mịch, tôi thấy lòng mình dịu xuống, yên ả và vô ưu lạ thường. Cuộc sống dường như nhẹ nhàng và mong manh như chiếc lá khẽ rơi trên mặt hồ tĩnh lặng, như tiếng quẫy nhẹ giữa làn nước của đàn cá vàng.

Tôi coi Kyoto cũng chẳng khác gì khu vườn yên tĩnh của tâm hồn mình vậy.

Ấy thế mà lần nào tôi đến Kyoto cũng ngẩn ngui và vội vã. Nhưng không vì thế mà Kyoto bớt đi sự triu mến với tôi. Tôi không biết tại sao hai lần tới Kyoto, tôi đều được thậm chí là bắt buộc phải sống cho chính mình, sống đúng tình cảm và con người mình. Dù có lý trí đến mấy, tôi cũng không thể giấu lòng mình với Kyoto. Ngay lần đầu đến Kyoto, tôi đã mang tới những rối bời khó tả và tôi đã có một đêm trắng tâm sự với bạn tôi để rồi khi về, mạnh mẽ hơn trong

những quyết định quan trọng của cuộc sống. Lần sau thì không phải một mà rất nhiều những tâm tư trong lòng vốn được chôn kín đã được tôi trải như lông ngỗng trên những chuyến xe buýt ngang dọc, giữa những buổi lang thang trên xe đạp hoặc đi bộ vô định trong khu phố cổ. Kyoto đã giúp tôi có thời gian lắng đọng và suy tư để nhìn lại quá khứ, giúp tôi có sức mạnh để “đạo diễn” tiếp cuốn phim cuộc đời mình mà không đơn thuần chỉ là một diễn viên cô đơn nữa.

Tôi yêu những chiếc lá momiji rung rinh trên cành, tưởng như mỏng manh mà đầy kiêu hãnh. Tôi không nỡ ngắt những chiếc lá vẫn còn trên cây, chỉ dám ngồi chờ lá rụng như một lần hưởng thụ cảm giác được thanh tịnh, yên bình. Khi tôi lang thang ở Arashiyama, có cô bé con sơ ý làm rơi cả một cành momiji và tôi đã nhặt lấy mang về. Chỉ tiếc rằng cả chùm lá đã khô héo lúc tôi còn chưa kịp rời Kyoto. Tôi hiểu rằng, lá momiji chỉ thuộc về nơi đó. Lá momiji mỏng manh chỉ có thể xanh tươi sau khi lia cành nếu nó được gỡ ra nhẹ nhàng, nâng niu, trân trọng và được thổi vào đó một niềm vui sống mới, được cảm nhận sự ấm áp, tin yêu của bàn tay người.

Lá momiji bé bỏng sẽ nằm trong trang sách để luôn bên tôi, nhắc tôi nhớ về khu vườn yên tĩnh Kyoto.

Ở khu vườn ấy, tôi đã yêu say đắm đến tận tâm can mình!


BÙI MAI HƯƠNG

# hen hơ cười Châu Âu

*"Tôi chạy lên đồi  
khi trái tim tôi cảm thấy cô đơn"  
(Mở bài ca từ dãy Alps)*

Phần 2

vh NHÀ KIẾT BẢN  
VĂN HỌC

 11573

# Mục Lục

1. [Thu vàng bên dãy Alps](#)
2. [Say đắm Barcelona](#)
3. [Tết châu Âu](#)
4. [Liechtenstein - Bài ca trên núi](#)
5. [Gruezi! Thụy Sĩ](#)
6. [Những lâu đài của vua Ludwig II](#)
7. [Cho bốn mùa nước Áo](#)

# Thu vàng bên dãy Alps

Sau mùa thu ẩm ướt mưa của Kyoto, tôi nhớ nhất những mùa thu vàng đẹp như tranh vẽ bên dãy Alps, nơi tôi sống và học tập trong mấy năm trời.

Không biết vì duyên cớ gì, tôi đến châu Âu lần đầu tiên vào mùa thu và rồi bao lần hội ngộ, chia ly cũng luôn là trong tiết trời thu khi những chiếc lá phong vàng rơi đầy theo bước chân người.

Đã bao lần bên tách cà phê nóng ấm và bánh nướng hạt dẻ thơm thơm, tôi cùng các bạn mình tranh luận với nhau về định nghĩa mùa thu. Tôi luôn nghĩ về mùa thu với nét lãng mạn trữ tình, bạn tôi lại thường cảm thấy nỗi buồn man mác mỗi độ thu về, một người bạn khác thì luôn nói rằng, mùa thu là lúc cô ấy nhớ nhà nhất, nhớ đến da diết. Chúng tôi chỉ có thể đồng cảm với nhau ở một điểm: chúng tôi cùng say đắm màu vàng dịu dàng của mùa thu châu Âu. Tôi chưa được chứng kiến mùa thu vàng trứ danh của nước Nga, cũng chưa biết mùa thu xứ Nam Âu nắng ấm nhưng tôi đã trải qua những mùa thu bên những cánh rừng của rặng núi Alps miền Trung Âu, những mùa vàng với phong cảnh nên thơ làm say đắm lòng người.

## Mùa vàng trên rừng

Có lẽ gọi mùa thu là mùa vàng cũng chẳng sai vì màu vàng dâng lên khắp nẻo thu.

Nhìn lên rừng, những vạt cây phong, cây sồi mới hôm nào còn xanh ngắt mà nay đã ngả màu vàng hươm. Lên đến độ cao hơn một nghìn mét của những rặng núi Alps mà nổi tiếng nhất là Lech, Bregenzswald và Montafon, phong cảnh tựa như một bức tranh của người họa sỹ lơ đãng, chỉ chọn gam màu nâu, vàng đậm, vàng nhạt và xanh cỏ úa cho bức tranh của mình.

Những sườn núi đá xám, những gác chuông nhà thờ chóp nhọn đường như cũng vàng theo mùa thu. Cỏ bên sườn đồi cũng đượm

màu nâu. Đặc biệt nhất là những cây phong, thông lá kim và cây dẻ, những loại cây góp phần nhuộm vàng cho dãy núi. Phần thông lá kim vàng bay lao xao trong gió như bụi kim tuyến nhỏ rắc lên đầu cô dâu. Những chiếc lá phong, lá sồi cứ đung đưa vi vút rồi chợt một cơn gió qua cũng khiến cả đám lá vàng ào xuống, trải thảm cho lối đi. Tôi cùng các bạn khoác balô tản bộ trong khu rừng mùa thu, đứa nào cũng cố gắng nhón chân để không dẫm lên những chiếc lá vừa rơi xuống. Nhưng dù cố gắng thế nào cũng không thể tránh được vì một sự thật là thu đã về rồi. Đám lá cứ bồi dầy dần trên lối thu qua. Có những lúc, chúng tôi ngồi luôn xuống thảm lá, tung lên trời những đám lá vàng để mùi lá khô khô, ngai ngái lan tỏa trong khí trời thu tuyệt đẹp.

Tuyệt vời nhất là khi bạn bắt gặp những chiếc ao hay hồ bé nhỏ nằm lọt trong núi. Được những cây thông cao vút bao bọc xung quanh, dường như không có cơn gió nào có thể lọt qua đám lá ken dày để làm xao động mặt hồ. Mặt hồ bỗng trở thành một chiếc gương khổng lồ để mùa thu soi mình, đồng thời cũng đem theo hình ảnh tất cả cảnh vật vào trong lòng nó: từ những hàng cây chờ đầy lá vàng cho đến bầu trời trong vắt lãng đãng gợn mây. Các cụ già nắm tay nhau đi dạo thường ném sỏi xuống mặt hồ để tạo thành những vòng tròn lung linh đồng thời làm cảnh vật soi bóng trên hồ nhòe đi một màu vàng trầm ấm. Họ mỉm cười thích thú, tận hưởng cảnh tượng thiên nhiên dịu dàng trước khi tuyết rơi che phủ tất cả.

Từ trên cao nhìn xuống ruộng ngô phát phơ những cảnh khô màu vàng nhạt cuối vụ, cánh đồng hướng dương đầy những bông hoa trĩu hạt, đám cỏ lau ven suối cũng ánh màu vàng của nắng. Những bó cỏ khô chuẩn bị cho mùa đông nằm lẫn lóc trên đồng chiều cũng hòa vào sắc vàng ấy. Một hương vị mê ly tan vào tim tôi khiến tôi không đành lòng mà bước đi được.

Trông lên cửa sổ mỗi căn nhà trên núi, những trái bí ngô vàng ruộm đã nở nụ cười tươi bên cửa sổ. Người ta sẽ khoét những trái bí này thành gương mặt cười rạng rỡ không chỉ để chuẩn bị đón Halloween mà còn ngậm báo hiệu mùa thu đã về. Nhiều nhà còn cắm những bông hoa đèn lồng màu da cam, cỏ lau và treo bên cửa những bắp



ngô vàng để đón mùa thu. Hoa của mùa thu cũng mang màu vàng, không chỉ hoa hướng dương cuối vụn cánh hiu hắt mà cả hoa ly cũng đua sắc vàng cam rực rỡ. Đặc biệt là những bông cúc với cái tên điệu dàng “mũ nắng” cũng nở rộ vào thu làm xáo động cả một góc trời.

Tôi chạy theo đám trẻ con tóc vàng đang cười đùa dưới tán cây dẻ. Bé gái tết cho mình vòng nguyệt quế bằng lá sồi rồi khẽ khàng đội lên đầu, cười rạng rỡ như nàng công chúa mùa thu. Chàng hoàng tử bé bên cạnh thì có lẽ vì còn quá nhỏ nên chưa nghĩ đến nụ hôn đánh thức nàng mà đang hí hụi dẫm chân “cốp, cốp” lên những quả dẻ, hạt óc chó để hồng chọn cho nàng những miếng hạt dẻ bùi bùi ngọt thơm. Hình như, mùa thu vàng khiến đám trẻ con cũng trở nên lãng mạn, hay người lớn đã thi vị hóa tất cả cảnh vật xung quanh chỉ vì mùa thu?!

### Mùa vàng xuống phố

Thu xuống phố thật rồi, điển hình nhất là các quán hàng đã không còn bày ghế ngoài hiên mà rút dần vào trong nhà. Người chủ quán chu đáo phủ những tấm chăn mỏng lên chiếc ghế gỗ để giúp thực khách tránh cái lạnh buốt về chiều. Quán cà phê nào cũng có thêm món bánh nướng hạt dẻ, hạnh nhân và trên bàn thì bày những quả dẻ gai cùng vài cọng lá phong. Các cô gái tung tăng dạo phố dường như cũng ý thức rằng thu đã về, họ hay diện những chiếc váy nâu, quàng khăn vàng cam, đứng lắng nghe nhạc qua Ipod dưới tán lá phong cũng đang lên sắc vàng.

Bây giờ là lúc chợ cuối tuần của người Alps bày bán những sản vật của mùa thu, từ nho tươi, hạt dẻ, ngô, nước táo tươi mới ép, phô mát mới làm và đặc biệt là “sturm” (rượu vang non), men còn chưa ngấu, vị dịu nhẹ như champagne. Các chàng trai cô gái và ngay cả các ông già đi chợ cuối tuần thường tụ họp bên những quán rượu, cười nói râm ran bên ly vang non sánh bọt. Bọn trẻ con thì chưa có được cái thú ấy nhưng chúng cũng cùng nhau say sưa cắn những trái táo tươi giòn tan, ngọt lịm màu nắng. Má bọn trẻ phúng phính hồng rậm nắng như vỏ táo.

Đây cũng là mùa của Winefest (lễ hội rượu vang), Oktoberfest (lễ hội bia) và Heurigen. Oktoberfest nổi tiếng nhất ở Munich nhưng hầu như các vùng nấu bia ở Alps đều tổ chức những lễ hội bia cho riêng mình. Họ thường thức những mẻ bia của mùa mới cùng xúc xích và bánh brezel, họ mặc những bộ trang phục truyền thống của Alps và chuyện trò tán gẫu với nhau như thể ngày mai mùa đông lạnh lẽo đã về rồi, khó mà có thể có những dịp tụ tập ngoài trời đông vui như thế nữa. Các chàng trai diện quần soóc da thêu hoa, còn các cô gái thì vô cùng gợi cảm trong những chiếc váy kẻ bó sát eo và trề ngực. Lễ hội rượu vang cũng không khác là bao vì từng đoàn người đổ về đều diện quần áo truyền thống, tụ tập dưới những tán cây sồi vàng, chơi đàn nhảy múa suốt buổi, những điệu nhạc vui tai, réo rắt vang lên. Chút rượu vang làm gương mặt ai cũng hồng hào và các điệu nhảy thì say đắm hơn. Rượu vang uống kèm với chút pho mát xiên cùng nho tươi thì quả là hợp vị. Chẳng thế mà từng bánh pho mát vàng ươm ùn ùn chờ đến lễ hội luôn được bán hết veo. Heurigen thì không phổ biến như thế vì dường như đây chỉ là đặc trưng của những vùng làm rượu vang ở Alps. Tiệc Heurigen thường được tổ chức bên những hầm rượu lớn như ở Wachau, nơi thực khách trước tiên sẽ xuống hầm ném rượu, sau đó tụ họp trong những căn nhà gỗ rộng lớn để uống vang và thưởng thức các món ăn buffet đặc trưng, ví dụ như các loại thịt nguội, pho mát sữa dê và vài món nóng như thịt lợn hầm hoặc rán. Đồ ăn của Heurigen khiến một số thực khách cảm thấy dễ ngán, nhưng bạn đừng bỏ qua cơ hội này vì đã có rượu vang hỗ trợ, quan trọng hơn tiệc Heurigen chỉ có khoảng vài tuần trong năm vào độ cuối thu. Heurigen cũng là dịp mọi người cùng nhau hòa mình vào những bài hát truyền thống thường cất lên từ hai nhạc cụ phổ biến là guitar và accordeon. Những điệu nhạc du dương như cơn gió thổi trên những đồng nho tỏa ánh chiều vàng, vị rượu vang ngọt ấm và cái lạnh se se len dần qua từng khung cửa gỗ khiến mọi người dường như xích lại gần nhau hơn.

Mùa vàng trong tim

Không thể chối bỏ rằng, mùa thu vàng khiến người vô tư nhất cũng có lúc giật mình thẳng thốt. Tôi nhớ cái kết của một bộ phim Mỹ đầy

ấp những tình tiết gấp gáp, khi cô gái hối hả trên đại lộ và vô tình đạp phải chiếc lá phong, cô chợt thần thờ nhận ra mùa thu đã về, mùa đã sang. Cuộc sống sinh viên của tôi bên dãy Alps chẳng hối hả như thế, nên tôi có thừa những giây phút thần thờ ngắm rừng thu dần ngả vàng, ngắm những chiếc lá sồi rơi rớt trên mặt hồ phẳng lặng. Tôi chẳng thiếu những giây phút ngồi đọc sách dưới tán cây bên rừng và chợt giật mình vì chú sóc láu táu đánh rơi bộp hạt dẻ đang cắn dở xuống trước mặt tôi. Không biết bao lần, tôi cùng bạn tôi ngơ ngác thả bộ trên những lối đi trải vàng lá thu.

Chúng tôi vẫn ngồi với nhau trong quán cà phê mái gỗ ven đồi để bàn luận về mùa thu, và tôi như chợt nhận ra rằng, không chỉ lãng mạn trữ tình, không chỉ buồn man mác mà hình như mùa thu còn là mùa của sự chia tay. Những chiếc lá vàng rời cành, những bông hướng dương trả hạt cho mùa sau, những trái nho hòa tan vào vị rượu và chúng tôi cũng tạm biệt nhau để đến với những mùa vàng nơi khác. Chỉ có điều sự chia tay ấy dường như chỉ là lúc những cành non ẩn mình, những hạt hoa vùi xuống đất, những gốc nho tạm thời ngủ đông để rồi xuân năm sau, tất cả lại bừng lên một màu tươi mới và tràn đầy sức sống.

Tôi giữ mãi trong tim mình hình ảnh những rừng dẻ, rừng sồi vàng ươm dưới nắng thu, tôi ép cho riêng mình những chiếc lá phong vàng của mỗi mùa trong cuốn sổ nhỏ và rồi đây, khi mùa thu lại về, tôi lại nhắn tin cho bạn: “Năm nay, rừng thu nơi ấy đã vàng chưa?”.

# Say đắm Barcelona

Ở Barcelona, nắng là dậy sớm nhất!

Đúng vậy, khi cả thành phố còn đang ngái ngủ sau đêm dài say điệu nhảy, nắng đã vỡ òa khắp các nẻo đường, len vào từng góc ngách. Đèn đêm còn chưa tắt mà nắng đã lên rồi, cho dù đây là ban mai của ngày Giáng sinh an lành.

Barcelona - Thành phố của nắng

Là xứ sở của nắng nên Giáng sinh Barcelona không trắng lung linh mà vàng ươm, dịu ngọt. Giáng sinh cũng trả lại cho Barcelona vẻ bình yên hiếm thấy đối với một thành phố biển nườm nượp khách du lịch vào mỗi độ hè về. Hơn mười giờ sáng rồi mà đại lộ La Rambla sầm uất vẫn còn khá vắng vẻ. Người đàn ông bán hàng hoa chậm rãi đẩy chiếc xe chất đầy hoa trạng nguyên, hai cô gái vẫn còn ngồi bệt trên đại lộ để nhâm nhi cà phê mà chưa muốn khoác vào người bộ quần áo công chúa nặng trĩu để bắt đầu ngày làm việc mới, ngay cả anh bồi cũng lơ đãng bỏ bình rượu hoa quả trứ danh Sangria bên cửa sổ mà chưa buồn rót cho thêm đầy.

Nắng cứ nhẹ nhàng chiếm lĩnh thành phố mà không gặp bất kỳ sự phản kháng nào. Nắng tràn vào những con phố còn vắng bóng người. Chỉ trên đại lộ Las Ramblas thôi, nắng đánh thức những chú vẹt còn đang ngái ngủ khiến chúng giật mình kêu râm rân, nắng phủ dầm lên bức tranh những cô nàng Flamenco váy đỏ hoặc những chàng cầu thủ lừng danh của Primera Liga, nắng ngời lên những cánh hoa tươi còn lung linh nước, và nắng đổ dài trên bóng những chàng trai đang đi tìm cà phê sáng, như tô đậm thêm những cái dáng mới trở về từ một cuộc vui thâu đêm hôm qua.

Mùa đông Barcelona, dù cái lạnh vùi vĩnh người ta khoác lên người nào khăn nào áo, bạn vẫn có thể thong thả dạo bộ và uống cà phê sáng bên sạp báo, bạn vẫn có thể chọn hoa tươi, mua hải sản tươi

cùng những trái ngọt bắt mắt. Sáng Giáng sinh, người Barcelona vẫn không quên nhảy những vũ điệu sôi động giữa bao ánh mắt cổ vũ háo hức, những nụ hôn nồng nàn. Tiếng người mua sắm lao xao dần trên đại lộ cũng không át nổi tiếng guitar của các chàng lãng tử ôm đàn dưới nắng gầy lên những bản Flamenco nồng nàn, say đắm, hay thả mình với những bản hòa tấu phong cách Latinh của Fransis Goya.

Tôi thường thức bữa sáng lúc mười giờ với bánh kẹp và ly hoa quả tươi to chưa từng thấy. Đùng ngạc nhiên khi ăn sáng giờ này ở thành phố của những đêm không ngủ vì bữa trưa thường bắt đầu lúc ba giờ chiều, và bạn có thể dọn bữa tối với tapas chẳng hạn khi chỉ còn hai tiếng nữa là sang ngày mới. Tôi sà vào những quầy hàng bán đồ mỹ nghệ Bohemian, ghé thăm ngân hàng và cửa tiệm của những người Hoa có lẽ đã ở đây từ lâu lắm do lịch sử thông thương xa xưa. Tôi ngồi lắc lư dưới tán cọ xem những người Thổ hoặc Bắc Phi vừa bán đồ cũ vừa chơi cờ. Tôi cũng không quên kín đáo ngắm những chàng trai Catalunya mắt xanh, tóc bông phát phơ, ngồi lim dim uống cà phê trong quán.

Tôi và bạn tôi cứ lang thang theo nắng đi khắp dọc La Rambla cho đến khi thấy tượng đài Colom cao vút, chúng tôi mới nhận ra mình đã tới cảng Port Vell tự lúc nào. Nơi đây, nắng cũng len vào từng kẽ lá của hàng cọ xanh vi vút, nắng làm mọng thêm những vạt cây lô hội tràn đầy sức sống và làm nước biển thêm xanh. Khu nhà Magnum, nơi phục vụ cho Olympic Barcelona xưa kia lóng lánh dưới nắng và một cuộc thi bơi vẫn diễn ra giữa mùa đông. Những chiếc thuyền trắng đậu sát trên cảng mời khách, còn những hạm thuyền to đậu ngoài bãi, thỉnh thoảng hú lên một tiếng còi chào cùng những tia nước trắng xóa.

Rất nhiều du khách ngược nhìn bức tượng Colom chỉ tay ra biển, nhiều người bảo Colom muốn nói: “There is a sea way to India” (đây là đường biển đi Ấn Độ), còn hai đứa tôi thì đùa rằng Colom đang nói: “There is the long way home” - đường về nhà của hai đứa học sinh xa xứ lâu lâu.

Barcelona - Những công trình kiến trúc và Gaudi

Người ta vẫn bảo, đại lộ La Rambla đã phản ảnh hết cuộc sống của Barcelona với những cửa hàng sầm uất, những hiệu sách lừng lững, những quán ăn lâu đời xen lẫn nhiều căn nhà chung cư cũ phấp phới quần áo phơi đủ màu. Nhưng còn hơn thế nữa, thành phố Barcelona kiêu hãnh với bao công trình kiến trúc lừng danh, với những bảo tàng nghệ thuật đẹp từ kiểu cách xây dựng. Barcelona còn rất tự hào với kiến trúc sư tài ba Antoni Gaudi.

Có lẽ người thờ ở với Barcelona nhất cũng biết đến danh tiếng của nhà thờ Sagrada Familia. Những bức ảnh chụp Sagrada Familia chả bao giờ thiếu cây cầu, vì nhà thờ dù được xây dựng từ năm 1882 mà cho đến giờ vẫn chưa hoàn thiện. Ngay cả Gaudi cũng nói: “Công trình này không có chỗ cho sự vội vàng”, còn du khách thì không hiểu đâu là điểm đầu, đâu là điểm cuối trong lối kiến trúc hyperbol của nhà thờ này nữa. Ở ngay gần Sagrada Familia nên sáng nào tôi cũng mê mải ngắm nhìn nắng tỏa dần cùng đàn bò câu chao lượn trên chóp nhà thờ. Hình ảnh ấy có vẻ gì đó thô ráp mà tinh tế, đơn giản mà cầu kỳ, khác hẳn với những nhà thờ uy nghi sắc cạnh mà tôi đã từng gặp. Có lúc, cái màu nâu đất nhạt đặc trưng của nhà thờ khiến tôi tưởng như đang lạc vào một hang đá mà tạo hóa đã khéo tạo nên những tượng, những phù điêu giản dị nhưng đầy biểu cảm.

Gaudi còn ghi dấu ấn với khu nhà Casa Batlló, Casa Mila và công viên Park Güell, nơi tôi ngỡ ngàng với không gian lá cọ xanh ngắt và đặc biệt là những căn nhà, bờ tường với hoa văn, họa tiết rực rỡ hài hòa, ghép từ những mảnh sành lớn nhỏ đủ màu sắc. Hình như, sự kết hợp giữa khoáng đạt mà chặt chẽ, giữa lỏng và chặt trong tư tưởng Gaudi đã làm cho mỗi công trình đều có vẻ hấp dẫn, quyến rũ riêng. Tôi ngả đầu bên bờ tường cong cong như lớp sóng dát hoa trong công viên Park Güell, khoan khoái tận hưởng bầu trời trong xanh, tiếng dương cầm vang xa và ngắm nhìn một cô bé tóc vàng đang cố leo lên đỉnh đồi nơi đặt cây thánh giá, chợt thấy ý nghĩa biết bao, một ngày Giáng sinh ấm áp và an lành giữa Barcelona. Làng Tây Ban Nha hay Poble Espanyol de Montjuic cũng khiến tôi say mê với những căn nhà gạch, khu đấu trường cũ kỹ còn sót lại. Khu quảng trường rộng lớn ngút tầm mắt sang cả dãy đồi thơ mộng bên

kia khiến tôi cứ thì thầm to nhỏ với bạn rằng, ngày xưa mỗi khi chinh phục những miền đất mới về cho đế quốc Tây Ban Nha rộng lớn, có lẽ các dũng sĩ cũng được đón tiếp ở đây, nơi mà mỗi đêm về, đài phun nước huyền thoại rục lên đủ sắc màu. Từng bước, từng bước, tôi đặt chân lên các “Spanish Steps”. Những bậc thang Tây Ban Nha nói dài từ cao xuống thấp này là lối kiến trúc đã trở thành thương hiệu đặc trưng, xuất hiện nhiều trong cả các công trình ở Rome hay các công viên ở nhiều nước châu Âu. Tháp thoáng giữa những tòa nhà uy nghi, những trái cam vàng ai bỏ quên không hái vẫn rơi lộp bộp nơi góc vườn.

### Một thoáng với Salvador Dalí

Vì đã trót mê Dalí chúng tôi bổ sung thêm Figueres, vốn cách Barcelona một trăm kilomet về phía Bắc, trên hành trình để ghé thăm bảo tàng của danh họa nổi tiếng Tây Ban Nha này. Vốn không phải là dân nghệ thuật nên tôi mê Dalí trước tiên không phải vì tranh mà vì... những chai nước hoa có thiết kế cầu kỳ bắt nguồn từ những bức tranh của Dalí. Từ chai Cô gái với chiếc đầu của hoa hồng tới chai Mặt trời hay Những đôi môi Ruby, tất cả tôi đều tìm thấy trong những bức tranh và những thiết kế trang sức tinh xảo ở đây. Căn nhà và bảo tàng cũng vậy, mọi thứ đều bắt xúng mà rất hài hòa, màu sắc chói lọi mà vẫn dịu dàng. Tôi mê luôn cả thành phố Figueres nhỏ bé này vì hình như tất cả mọi thứ ở đây cũng kỳ dị và đáng yêu như Dalí vậy. Bất kể góc nào trong thành phố bạn cũng có thể bắt gặp Dalí, từ một bức tượng vu vơ trên hè phố, từ một quán cà phê, nơi bọt của cốc cappuccino được vẽ chocolate tạo hình cặp râu vĩnh rất nghệ sỹ của Dalí. Ngay cả quả trứng cũng được vẽ cặp râu này. Biết chúng tôi đến Figueres vì Dalí, những anh bồi bàn vui tính tặng miễn phí cho chúng tôi những tấm postcard, cũng chỉ vẽ đơn giản đôi râu ấy với lời nhắn rằng: mong sẽ được nhìn thấy nhiều người Thái Lan, Việt Nam hay cưỡi giữa thành phố Figueres này. Tôi nhớ bức tranh có tên Thời gian của Dalí, nơi chiếc đồng hồ được vắt trên bàn như một miếng vải mềm và những con số thật lạc lõng. Vẫn biết thời gian chỉ có thể là tương đối nhưng thời gian cũng là thước đo có thật, vậy là đã một năm, ngày tôi đến Barcelona. Mùa Giáng sinh mới đã lại sắp đến rồi. Tôi đang mìm

cười nhớ lại tiếng hô Feliz Navidad của các chàng trai không quen trong đêm Giáng sinh năm ngoái. Tôi không buồn như anh chàng hát bài Last Christmas vì tôi biết rằng, Giáng sinh năm trước tôi đã gửi tình cảm của mình cho Barcelona và tình cảm ấy vẫn còn ở lại mãi mãi trong tôi. Tôi vẫn nhớ như in tiếng guitar Flamenco nồng nàn, tôi vẫn thèm một ly Cafè Sol của xứ Catalunya.

Barcelona, giờ này nắng đã ngủ dậy chưa nhỉ?



# Tết châu Âu

Giáng sinh và Tết Tây có lẽ là thời điểm đáng nhớ nhất đối với du học sinh ở châu Âu, vì đây là lúc được nghỉ dài, đi chơi thăm thú nhiều nơi. Tôi thì thường hay buồn vì nhìn cảnh người ta sum họp đầm ấm mà nhớ quê nhà da diết. Chính vì vậy, tôi thường cố gắng đi chơi hoặc về nhà một người bạn bản xứ nào đó để ăn Tết, trốn cái cảm giác cô đơn dễ đến ấy.

Chẳng biết có nên gọi là Tết không nữa, vì từ Tết bản thân nó đã là một nét rất đặc trưng của văn hóa đón năm mới theo Âm lịch ở châu Á. Đối với người nước ngoài từ Tết chỉ bó gọn trong một từ dịch chung “năm mới kiểu Trung Quốc” hay “năm mới theo lịch mặt trăng”. Nhưng tôi vẫn muốn dùng từ này để miêu tả lễ mừng năm mới ở các nước châu Âu mà tôi đã có dịp đi qua, vì dù ở bất kỳ đâu trên thế giới này, năm mới đều là dịp của sum họp, hội hè, tiệc tùng theo đúng nghĩa “vui như Tết”. Đây cũng là lúc phô bày những nét văn hóa đặc trưng nhất của mỗi vùng miền, từ lịch sử, tín ngưỡng, trang phục dân tộc, ẩm thực đến cả những điều “mê tín” đáng yêu.

Sẽ là chưa trọn vẹn nếu chỉ tưởng tượng về Tết châu Âu với một “công thức” chung: màn pháo hoa hoành tráng, chai champagne sủi bọt và những cái ôm thật chặt giữa trời giá rét để nói lên câu: “Happy new year”. Mỗi nước trong cộng đồng châu Âu lại bổ sung thêm những gia vị đặc trưng nhất để công thức đón năm mới thêm phần đậm đà.

Trước tiên phải kể đến lễ đón năm mới đặc biệt nhất mà tôi được biết ở châu Âu: năm mới vào ngày 13 tháng 1 hay còn gọi là “Chläuse” tại vùng núi Appenzell, nơi vẫn giữ nguyên văn hóa dân gian truyền thống của người dân vùng núi Alps, Thụy Sĩ. Dường như ai có dịp du lịch đến vùng nói tiếng Đức của Thụy Sĩ đều ghé qua Appenzell, nơi có những đồng cỏ rộng mênh mông, những căn nhà gỗ sơn đỏ vẽ hình các loài thảo mộc Alps trên cửa sổ, những bánh pho mát nấu theo kiểu truyền thống với vị đậm đà đặc trưng.

Có lẽ vì thế mà nơi đây vẫn tổ chức Alter Silvester, đêm giao thừa theo lịch cổ mà giáo hoàng Gregory II thay đổi từ lịch Julian. Để đến lễ hội này không dễ vì Appenzell mùa đông vốn rất lạnh và cũng chỉ có một chuyến tàu nội vùng đưa du khách đến nơi này. Tôi có cảm tưởng như bàn chân mình tê cứng, không còn cảm giác gì trong đôi giày to sụ dưới cái lạnh xuống đến âm mười độ về chiều. Ngược lại với sự lạnh lẽo tê tái như thế thì các Chläuse - người dân hóa trang thành quỷ thần với mục đích xua ma trừ tà - náo nức đổ về từng đoàn dài trên đường với rực rỡ sắc màu nồng nhiệt. Từ mười giờ ba mươi đến mười ba giờ là thời khắc vàng để Chläuse của các làng tụ họp về Urnäsch. Tương truyền là có ba dạng Chläuse: đẹp, xấu và Chläuse nguyên thủy rừng rú. Nhưng dưới con mắt của du khách như tôi thì Chläuse nào cũng đẹp trong những bộ trang phục thêu họa tiết cầu kỳ, màu sắc sặc sỡ, mũ vành to với điệu bộ vô cùng đáng yêu. Ngay phụ trang của Chläuse cũng thể hiện thần thái của vùng Alps với vật liệu như rơm, vỏ cây thông còn xanh mốc rêu và quả thông. Tôi cứ hút mắt theo hai Chläuse mới độ mười tuổi, má đỏ ửng vì lạnh, bước đi lạch lè trong bộ trang phục mang hơi hướng rừng xanh với lớp lá thông ken dày như áo tơi, đầu cũng đội mũ kết lá thông và trước bụng đeo một chiếc lục lạc to tướng. Hai chú bé có vẻ rất tự hào và cảm thấy mình quan trọng khi được là Chläuse. Với điệu bộ rất kiêu, hai chú dọa tôi bằng giọng Đức nặng trĩu: “Ta là ma đây” rồi khoái chí cười vang khi tôi tỏ vẻ sợ sệt. Các đoàn Chläuse chính thống thì thường đi nhóm sáu người, “lãnh đạo” là Rolli với quả chuông tròn trước ngực, bốn Schelli mang theo lục lạc và một Rolli nữa cuối đoàn. Tiếng lanh ca lanh canh của chuông, lục lạc, tiếng những bước chân nặng nề nhưng hối hả trên tuyết tạo nên một không khí lễ hội bao trùm Urnäsch. Thỉnh thoảng, các Chläuse còn lè lưỡi trêu tôi, rung rinh quả chuông trước mặt tôi với thiện ý chúc tôi năm mới thịnh vượng hạnh phúc. Khách xem có thể đưa lại cho Chläuse tốt bụng ít tiền lấy may nhưng thường người ta trao lại cho Chläuse cốc rượu Gluhwein - loại rượu nóng với vị táo, quế, thảo mộc - để làm ấm bước chân của các Chläuse không quản giá rét và tuyết dày đổ về đây chúc phúc cho mọi người. Trời càng về chiều càng lạnh và các Chläuse cũng đổ về các quán ăn để thưởng thức lẩu pho mát Fondue, nhâm nhi những ngụm schnapp

chống rét, hát và nhảy, vui chơi hết mình trước thềm một năm mới hứa hẹn nhiều niềm vui, hạnh phúc.

Nếu như Tết ở Appenzell - Thụy Sĩ gắn liền với cái lạnh giá, băng tuyết thì Tết Tây Ban Nha dường như lại rất ấm áp, nồng nhiệt, sôi động. Theo lời giới thiệu của cô bạn Carol, tôi cũng chuẩn bị đúng mười hai trái nho chín mọng để thưởng thức vào giờ khắc giao thừa, mỗi tiếng chuông vang lên là một trái nho ngọt lịm lại trôi qua cổ, dường như để cầu mong một năm mới ngọt ngào, cho dù đến trái thứ mười hai tôi đã ho liên hồi vì vị ngọt khé. Đó cũng là lúc bùng nổ của pháo hoa, âm nhạc và những điệu nhảy cùng những cái ôm hôn thật chặt của những người xung quanh, dù có thể chẳng hề quen nhau. Trời trong veo và se lạnh nhưng mồ hôi tôi vẫn túa ra vì không khí quá náo nhiệt. Lúc này trán tôi đã dính đầy kim tuyến, lấm tấm rượu champagne. Các quán bar sau đó đông nghịt người đi đón năm mới và chất giọng oang oang của người dân xứ Catalan cứ lan truyền khắp các ngõ ngách tạo nên một đêm Barcelona không ngủ chứ không còn là “Barcelona ngủ muộn” như mọi khi nữa. Nhiều nhóm cũng chẳng buồn vào quán bar mà tự chơi đàn, nhảy ngay ngoài đường. Điệu Flamenco, Tango hay bất kì vũ điệu nào đều tự động thoát ra từ đôi chân say say men rượu. Nhiều người Barcelona trải qua đêm giao thừa trên đường phố như vậy với mong muốn đón tia nắng đầu tiên của năm mới cùng cốc chocolate nóng theo truyền thống. Nhưng có vẻ như nắng lên lúc nào họ cũng chẳng hay bởi đêm giao thừa đã trở thành đêm say, đêm của đam mê và ngất ngây. Vì công việc, tôi không có dịp ở lại Barcelona đến tận ngày 5 tháng 1 cũng đúng là ngày giao thừa của Tam Vua (Melchior, Gaspar and Balthasar) vì thế mà các bạn Barcelona vui tính của tôi đã cho tôi thưởng thức “tortell de Reis” (bánh vua) trước. Chiếc bánh xốp tròn được tôi cắt ra trong sự hồi hộp vì mỗi mẫu bánh có thể đem đến một bất ngờ. Mặc dù tôi không đủ may mắn để sở hữu miếng bánh có tượng vua được đội vương miện giấy, cũng không có điểm phúc sở hữu miếng bánh có hạt đậu faba để không phải trả tiền cho chiếc bánh nhưng tôi cảm thấy mình thật sự hạnh phúc vì được đón năm mới ngọt ngào cùng những người bạn Tây Ban Nha nhiệt tình.

Đón giao thừa ở đại lộ Champs - Elysees thì hình như đã trở thành “thương hiệu” của Paris. Giới thượng lưu đến Paris đón năm mới thường chọn những khung cảnh xa xỉ hơn cho xứng với kinh đô ánh sáng như bữa tối lãng mạn trên du thuyền sông Seine, tiệc năm mới ở những nhà hàng Pháp kiểu cách, đến Casino Nouveau hay những câu lạc bộ sang trọng. Đối với người dân thường có vinh hạnh đến với Paris, đón năm mới trên đại lộ Champs - Elysees đã là một niềm hạnh phúc. Chính vì thế mà trước thời khắc giao thừa, dòng người chen chúc trên những chuyến metro cuối năm. Trong dòng người đó hình như người nước ngoài nhiều hơn người Pháp. Từng đoàn người với đủ mọi quốc tịch, có khi họ còn đem theo cờ tổ quốc như để tự giới thiệu bản thân, đổ về đại lộ với đích đến là Khải Hoàn Môn. Đại lộ Champs - Elysees danh bất hư truyền sáng bừng lên trong ánh đèn màu xanh xanh lấp lánh vẽ xa hoa, quý phái và kiêu kì. Hàng cây bên đại lộ rực sáng trong đêm chuyển giao giữa năm cũ và năm mới. Hiếm khi năm mới ở Paris có tuyết nên ở một số điểm trên đại lộ, người ta trang trí sẵn cây thông và tuyết giả, dường như dành cho du khách một chút không khí “white Christmas”. Ở Paris, bạn có quyền mua pháo bông, pháo hoa để đốt vào thời khắc năm mới nên tiếng chuông đồng hồ năm mới đã điểm, pháo từ đâu bay ngang, đan xéo trên đầu tựa như những vì sao băng vùn vụt bay. Champagne nổ bôm bốp, tưởng như có thể chảy tràn trên đại lộ, những đôi tình nhân hôn nhau say đắm với nụ hôn vất từ năm này qua năm kia và chúng tôi thì trao nhau những “bisou”, nụ hôn bạn bè chân thành và ấm áp. Tôi cũng nhanh chóng học câu chúc năm mới: “Bonne annee” để có thể nói với bất cứ ai mà tôi gặp, bởi suy cho cùng, gặp nhau trên đại lộ Champs - Elysees trừ danh để đón năm mới có thể là cơ hội không đến nhiều lần trong đời.

Nói về Tết châu Âu, tôi vẫn muốn trở lại với xứ sở tôi yêu mến nhất, nước Áo. Có một “đặc sản” năm mới của Áo mà không nơi nào có được, đó là Das Neujahrskonzert der Wiener Philharmoniker - buổi hòa nhạc năm mới vào sáng mùng Một Tết Tây ở thủ đô của âm nhạc - Vienna. Mấy năm sống ở Áo, tôi chưa bao giờ đủ tiền và vị trí để có thể mua vé vào xem buổi hòa nhạc này nhưng tôi luôn dành tiền để mua bản DVD hay CD gốc của buổi hòa nhạc như một kỷ niệm đẹp với thành phố mà tôi yêu mến. Hàng năm mua đĩa này,

bạn sẽ thấy nhiều bản nhạc trùng lặp, bởi vì buổi hòa nhạc này luôn bao gồm các tác phẩm của gia đình nhà soạn nhạc Strauss (Johann Strauss I, Johann Strauss II, Josef Strauss and Eduard Strauss) và thêm các tác phẩm của Mozart, Schubert hay Hellmesberger. Tác phẩm thường là các điệu waltzes, polkas, mazurkas và marches. Khán phòng đại sảnh “Großer Saal” phô bày hết vẻ xa hoa, quý phái, sang trọng và lịch lãm của kinh đô âm nhạc châu Âu. Đỉnh điểm của buổi hòa nhạc nhiều khi lại rơi vào phần cuối chương trình với phần trình diễn lại các tác phẩm kinh điển và quan trọng nhất, khán giả cũng tham gia “trình tấu” qua tiếng vỗ tay dưới sự chỉ huy của nhạc trưởng. Điệu waltz “Blue Danube” (sông Danube xanh) diu dặt vang lên cùng lời chúc năm mới, rồi bản Radetzky March sôi động vỡ òa trong tiếng vỗ tay theo nhịp của khán giả khiến không chỉ những người có vinh dự ngồi trong khán phòng mà cả những khán giả qua màn ảnh nhỏ cũng cảm thấy xúc động, ngời ngời niềm tin vào một năm mới an lành, hạnh phúc. Ngoài kia, đèn trang trí lấp lánh trên những con phố cổ, pháo hoa kết hình chữ số năm mới bùng lên dưới nhà thờ Stephan Dom, và dòng người dập diu nắm tay nhau đón mừng năm mới. Bông tuyết đầu năm phủ nhẹ trên bờ mi cô gái lấp lánh dưới ánh pháo hoa.

Cũng có cái Tết Âu, tôi không đón giao thừa ngoài đường mà về nhà bạn để thưởng thức không khí Tết gia đình. Cũng rượu đầy, cũng những món ăn Âu đặc trưng nhưng cảm giác ngồi cuộn tròn trên ghế sofa, lặng lẽ đón giao thừa bên người thân, ngắm pháo hoa qua ô cửa kính mờ hơi lạnh dường như là một niềm vui, niềm hạnh phúc ấm áp mà không hề hào nhoáng. Suy cho cùng, Tết ở đâu cũng vậy, chỉ cần một chút hương vị quê nhà và thật nhiều tình cảm ấm áp của gia đình, bạn bè, của tình người, mọi khoảng cách văn hóa, địa lý dường như đều bị xóa nhòa chỉ còn lại niềm tin vào một năm mới tràn đầy tình yêu và hạnh phúc.

# Liechtenstein - Bài ca trên núi

Khi lang thang trên những thảo nguyên xinh đẹp của Liechtenstein, công quốc nhỏ bé nằm lọt giữa dãy Alps hùng vĩ, không hiểu sao tôi nghĩ ngay đến giai điệu ca khúc Bài ca trên núi trong phim vợ chồng A Phủ. Ai đã từng một lần ghé qua mảnh đất xinh xắn “đầu trời có sao chiều sao sớm, đầu núi chỉ có hai người yêu nhau” này cũng sẽ đồng ý với tiêu đề ấy, bởi khi lang thang thả hồn bên những rặng núi cao ngút ngàn, những cánh đồng trải dài vô tận với suối nguồn trong veo, người ta chỉ muốn hát lên những khúc tình ca.

Tôi được làm “hàng xóm” của Liechtenstein ba năm, nghĩa là từ nơi tôi sinh sống đến Liechtenstein chỉ hai chặng xe buýt. Vậy mà hồi đầu lần lữa mãi tôi mới ghé thăm mảnh đất xinh đẹp ấy. Tôi cứ nghĩ rằng, công quốc nhỏ bé nằm lọt giữa hai nước Áo và Thụy Sĩ, lại cũng núi non trùng điệp, cũng nói tiếng Đức thì có khác gì đâu. Vậy mà khi ghé thăm Liechtenstein lần đầu tiên vào một ngày đông buốt giá đến tê tái, tôi biết rằng mình đã nhầm, để rồi tôi còn trở đi trở lại nơi này nhiều lần mỗi khi tâm hồn tôi cần gió ngàn, cần mây trắng, cần những thảo nguyên tuyệt đẹp của thung lũng thượng nguồn sông Rhine cứu rỗi.

Tôi còn nhớ rõ, hôm đó là ngày nghỉ lễ Thánh Epiphany vào ngày mùng Sáu tháng Giêng dương lịch, nhiệt độ ngoài trời là âm mười độ C, tôi còn chưa nghĩ ra ý tưởng gì cho ngày nghỉ ngoài nấu ăn và ngủ vùi thì được bạn rủ đi Liechtenstein bằng được với lý do rất dễ thương: “Đi đi và mang theo hộ chiếu vì sẽ nhận được một con dấu xinh xắn lên trang đi nước ngoài hẳn hoi đấy nhé”. Vậy là chỉ cần hai chặng xe buýt từ thị trấn Feldkirch của Áo, qua một chặng kiểm tra ở biên giới của hải quan Thụy Sĩ, tôi đã có mặt ở Vaduz, thủ đô của Liechtenstein. Vừa bước ra khỏi xe buýt, gió lạnh thổi ào ào, Liechtenstein đón tôi bằng một màu trắng tinh khôi lấp lánh, tuyết phủ mênh mang đỉnh núi, tuyết bọc trắng các bức tượng, đến cả những lối đi quanh thành phố cũng biến thành những con đường trắng long lanh dưới nắng. Ngay khi bước những bước chân lang

thang đầu tiên ở Vaduz, tôi đã nhận ra Liechtenstein là một bảo tàng nghệ thuật lớn bởi rải rác khắp các con phố nhỏ là những bức tượng đồng, tượng gỗ, tượng bằng các chất liệu mới kiểu “modern art” rất ấn tượng. Là một công quốc thuộc hàng giàu có thế giới với hệ thống ngân hàng tài chính chẳng kém gì Thụy Sĩ, khi đến đây tôi mới được “nghe đồn” rằng Liechtenstein giữ một nửa số tiền của giới nhà giàu châu Phi. Liechtenstein đầu tư khá nhiều cho các dự án nghệ thuật, các ý tưởng thử nghiệm mới. Thủ đô Vaduz có lẽ nhỏ hơn khu bả sáu phố phường Hà Nội, vậy mà có đến bốn bảo tàng, từ bảo tàng quốc gia cho đến bảo tàng nghệ thuật, bảo tàng tem và bảo tàng trượt tuyết. Tôi rất tò mò về bảo tàng nghệ thuật của vua chúa Liechtenstein nhưng hóa ra bộ sưu tập này không nằm ở Vaduz mà lại ở thủ đô của Áo, có lẽ để gần gũi với công chúng hơn. Đây thực sự là bộ sưu tập tư nhân đáng nể với các bức tranh có giá trị.

Mặc dù cái lạnh cộng với cái nắng gắt khiến tôi không còn cảm giác gì khi bấm máy ảnh, tôi vẫn quyết định đi tiếp chặng xe buýt nữa để đến làng Malbun của thị trấn Triesenberg. Cung đường này không dành cho những ai bị say xe bởi chiếc xe buýt cứ lắc qua lắc lại trên những đoạn đường đèo núi quanh co, đã thế mắt chỉ muốn nhắm tịt lại cho khỏi mỏi bởi cứ nhìn ra ngoài là thấy ánh sáng trắng lóa mắt của tia nắng phản chiếu từ ngút ngàn tuyết xung quanh, đến nỗi khi đã lên tới thị trấn với độ cao cách mực nước biển hai nghìn mét, tôi vẫn không hề hay biết. Đến đây tôi mới hiểu, “thú ăn chơi” của cư dân dãy Alps là thế nào. Vun vút trước mặt tôi là những dãy cáp treo và cáp để đưa người trượt tuyết lên đỉnh núi chằng chịt, ai nấy đều gọn ghẽ, ấm áp trong những bộ đồ trượt tuyết đặc hiệu với màu sắc chói lòa. Tôi đã từng thử đi trượt tuyết nên biết, đây là môn thể thao vô cùng vất vả và tốn kém, bởi nếu không khéo, bạn sẽ ngã liên tục, nếu không được bảo vệ bởi những mắt kính và bộ đồ chuyên dụng với giá còn đắt gấp nhiều lần mấy thứ đồ hàng hiệu bóng bẩy, bạn sẽ nhanh chóng bị cảm lạnh, mắt cũng bị tra tấn bởi tia UV rất mạnh do phản sáng ở điều kiện áp suất thấp. Ấy vậy mà nhìn trẻ con Alps chính hiệu mới ba, bốn tuổi, người còn lùn cùn đã trượt tuyết vèo vèo tôi thêm lấm, chỉ muốn thuê một bộ đồ trượt rồi lăn lê trên đám tuyết trắng xốp. Có đứa đầu tiên bị bố mẹ “luyện” trượt tuyết cho ra

dáng con nhà Alps thì khóc lóc âm ỉ, ngã oạch oạch, thế mà chỉ một lúc sau đã lượn như ai, và đến lúc bố mẹ bắt về thì khóc toáng lên đòi được chơi tiếp còn “thảm thiết” hơn cả lúc đầu. Các nước vùng Alps rất nổi tiếng với môn “langlaufen” (cross-country ski run), một trò chơi giống như chạy đua qua các vùng đồi núi với hai ván trượt tuyết. Rất nhiều người đến Liechtenstein để chơi môn này, để đi từ đồi này sang đồi kia, núi này sang núi nọ với niềm phấn khích khôn cùng.

Thấy tôi đeo kính mát rồi mà mặt vẫn đỏ tưng bừng và mắt cũng đỏ dần do nhìn ánh sáng phản xạ từ các hạt tuyết li ti dưới nắng, ông già tốt bụng nói nhỏ với tôi: “Quay lại đây vào mùa hè đi con, sẽ đẹp tuyệt vời mà dễ dàng hơn với người châu Á các con”. Tôi cầm ly cà phê nóng hồi ông đưa, cảm ơn tấm chân tình của một người không quen biết và vạch sẵn kế hoạch quay lại Liechtenstein vào mùa hè. Lúc ấy, trăng chiều và sao hôm đã hững hờ ngang đỉnh núi tuyết tự lúc nào.

### Tìm về Heidiland

Lúc mới đến sống ở vùng Alps, tôi rất hay nghe cụm từ “Heidiland”, mảnh đất của Heidi mà chưa hiểu rõ đó là ở đâu và có nghĩa gì. Sau này, tôi và một người bạn có chung sở thích tìm hiểu, sưu tầm và chụp ảnh các loài hoa đặc trưng mọc trên núi cao của Alps nên rất hay đi leo núi, tận hưởng khí trời trong lành ngọt lịm, tôi mê núi đến mức mọi người bắt đầu gọi tôi là Heidi. Tôi tìm đọc bằng được cuốn sách về Heidi, được viết tặng cho trẻ thơ và tất cả những ai yêu trẻ thơ. Một cuốn sách rất nổi tiếng và phổ biến với tuổi thơ của những cư dân dãy Alps. Truyện kể về cô bé Heidi mồ côi được đưa về nuôi dưỡng ở Maienfeld. Cô bé lớn lên với sữa dê, với suối nguồn trong veo róc rách, với khí trời khoáng đạt và những giấc ngủ êm đềm trên đệm cỏ khô, đến mức khi được đưa về Frankfurt học, cô bé đã ốm vì nhớ núi, nhớ nhà. Cuộc sống thôn dã trong lành ấy hình như mới đích thực dành cho cô. Chưa kể, cô còn có cậu bé chăn dê Peter đồng hành với cô trong những ngày sống bên núi.

Liechtenstein sau này, cũng là một cung đường trong tour du lịch nổi tiếng “Heidiland”, bắt đầu từ hồ Walen phía Tây Thụy Sĩ đến Bad



Ragaz. Đây là tour du lịch mà cả các gia đình hoặc các đôi đang yêu thường lựa chọn, bởi họ có dịp được trải nghiệm tuổi thơ với câu chuyện Heidi, được kể cho con nghe về Heidi và Peter, và đặc biệt nhất, được sống những ngày hè thiên đường: uống sữa tươi hàng ngày từ đàn dê be be, đàn bò ậm ừ ngay trước mặt, sống trong những căn nhà gỗ xinh xắn phủ đầy hoa, ngủ trên nệm cỏ êm ái. Mỗi sáng ra khi thức giấc, khi sương đêm còn chưa tan trên những cành hồng nhỏ xíu đã có thể nhâm nhi ly cà phê bên cửa sổ, hít hà mùi cỏ thơm ngái đến nao lòng, phóng tầm mắt nhìn đồng cỏ trải dài triền miên bên những sườn núi dốc mọc đầy hoa mao lương.

Đi hết một tour Heidiland phải bắt đầu từ Thụy Sĩ, qua rất nhiều hồ, núi và các resort, nhưng với tôi, Liechtenstein đã là một Heidiland của riêng mình. Lúc ấy, tôi không có thời gian và cả tiền bạc để tận hưởng một tuần thiên đường như thế, nhưng tôi cũng có những ngày hè rực rỡ ở Liechtenstein với thú vui đi tìm hoa Alps. Tôi bắt xe buýt đến làng Malbun nằm cheo leo trên đỉnh núi, giữa mùa hè tháng Sáu mà nhiệt độ chỉ mười bốn đến hai mươi sáu độ C. Tôi như được quay ngược bánh xe thời gian, bởi có những loài hoa dưới thung lũng đã nở từ đầu tháng Hai như hoa giọt tuyết, hoa nghệ tây, thế mà giờ mới chớm hé nở ở Liechtenstein. Tôi mua một quyển sách về hoa mọc trên dãy Alps, những loài hoa được coi là kiên cường bởi chịu đựng được mùa đông buốt giá và thời tiết khắc nghiệt của Alps để rực rỡ nở vào mùa hè. Không hiểu sao, chúng đều là những bông hoa rất nhỏ, nhỏ hơn cả một đồng xu nhưng xinh xắn và đáng yêu vô cùng. Tôi đôi khi còn phải mang theo cả kính lúp để tìm ra những bông hoa enzian tím ngắt nhỏ xíu, những bông hoa nhài núi (rock-jasmine) mọc chìm trong đá, hoa mao lương núi nhỏ xinh như những chiếc cúc áo, và đặc biệt là hoa edelweiss (nhung tuyết) trắng muốt và quý hiếm. Bạn không dễ gì tìm thấy loài hoa này, nhưng bạn có thể gặp chúng rất nhiều ở những sườn núi của làng Malbun. Chúng tôi khoác ba lô, leo từ núi này sang núi kia, khi nào mỏi thì ngã mình bên những thảm cỏ êm dịu, tận hưởng không khí trong lành ngọt ngào, tận hưởng cả không gian yên tĩnh khoáng đạt, chỉ có mây, núi và trời. Ngay cả cư dân làng Malbun cũng vác những chiếc ghế bạt ra ngoài hiên, nằm đọc sách, lim dim giữa buổi trưa yên bình, hoặc pha ấm trà thảo mộc

Alps để nhâm nhi với người bạn láng giềng. Cái thú khá “điền viên” này có vẻ dành cho người già, nhưng thực tế có rất nhiều đôi yêu nhau, nhiều gia đình ríu rít đến đây chỉ để tận hưởng một không gian yên lặng và trong trẻo đến nao lòng, cũng là cách để cảm nhận rõ hơn giá trị của những phút giây bên nhau.

Nếu muốn không khí náo nhiệt hơn một chút, bạn hãy đến đây vào ngày 15 tháng 8, quốc khánh của Liechtenstein, đảm bảo bạn sẽ bị mê hoặc bởi không khí sôi nổi và màn pháo hoa rực rỡ từ lâu đài Vaduz nằm vắt ngang núi. Hiện giờ hoàng gia Liechtenstein vẫn sinh sống ở đây. Là những người giàu có thứ năm thế giới nhưng hoàng gia Liechtenstein khá kín tiếng, có lẽ vì họ cũng mang trong mình tính cách kín đáo đặc trưng của người Alps. Chắc bởi thế mà dù cũng là một công quốc hiếm hoi còn tồn tại nhưng Liechtenstein không nổi tiếng như Monaco hay Luxembourg. Người ta không thấy được sự xa hoa và hào nhoáng ở đây, nhưng người ta sẽ hiểu được giá trị sống vươn tới thiên nhiên và tận hưởng sự thanh bình ngọt ngào đáng quý ở công quốc vắng người, nhà nhà sống tựa bên sườn núi, nhưng mức sống và các dịch vụ được đảm bảo khá hoàn hảo này. Chưa kể, bạn dễ trở thành nghệ sỹ khi sống ở đây lắm, vì những ngọn núi vi vút, những thảm hoa vàng khiến lòng bạn thư thái đến mức lúc nào bạn cũng đều muốn hát lên.

Ngày xưa, tôi hay chạy đến Liechtenstein mỗi khi cảm thấy mệt mỏi, mỗi khi muốn “cứu rỗi” tâm hồn lãng mạn đôi khi bị những áp lực trong công việc và cuộc sống lấy đi mất. Tôi đi tìm những bông hoa li ti để muốn mình được như chúng, nhỏ bé mà kiên cường kiêu hãnh. Tôi ngồi vắt vẻo bên những thanh gỗ tròn bắc ngang qua suối, thả chân trần xuống dòng suối mát lạnh tê người để tận hưởng cái rùng mình vì lạnh nhưng êm mát tới từng chân tơ kẽ tóc. Chưa kể, như lời mời mọc hấp dẫn của bạn tôi khi lần đầu tới Liechtenstein, mỗi lần qua đó tôi lại đến cái trạm visa nhỏ xinh dưới chân lâu đài Vaduz, trả ba franc Thụy Sĩ để được đóng lên hộ chiếu một con dấu xinh xắn có hình chiếc vương miện, chứng tích đáng quý của công quốc, là phần duy nhất còn lại cho tới ngày nay của Holy Roman Empire (đế chế La Mã thần thánh) xa xưa.

Lần nào, chuyến xe buýt đưa tôi rời Liechtenstein cũng vào khoảng năm hay sau giờ chiều. Vì Liechtenstein nằm trên vùng núi cao hơn một nghìn mét so với mực nước biển nên tôi luôn được ngắm cảnh “dù đi cùng trời, dù đi khắp núi, trời chỉ có sao sớm sao chiều”, hoàng hôn còn chưa tắt hẳn mà trăng chiều và sao hôm đã lừng chùng đỉnh núi, đẹp bằng bạc và dịu dàng đến ngỡ ngàng. Tôi chẳng có cậu bé Peter nào chia sẻ những ngày bên núi, nhưng tôi nhớ núi chẳng kém gì cô bé Heidi, bởi ở đó, gió trên cao, thảo nguyên ngút ngàn và những dòng suối trong vắt sẽ khiến tâm hồn tôi trở nên vô ưu và trong trẻo đến lạ thường.

Tôi vẫn còn giữ những bông hoa Alps ép khô trong trang luận văn cũ, hoa lấy từ làng Malbun của Liechtenstein. Nếu cho tôi trở lại làm cô bé Heidi vẫn còn tin vào điều ước gửi ông già Noel, tôi sẽ ước một ngày lại được chân trần chạy trên những thảm cỏ êm mượt, tung lên trời những cành hoa mao lương và hét lên thật khế: “Tôi đã về đây, Heidiland của tôi”.

# Gruezi! Thụy Sĩ

Tôi đi Thụy Sĩ nhiều lần, đến khá nhiều thành phố của Thụy Sĩ. Tôi yêu mến và thân thuộc nơi này đến mức chẳng biết viết riêng về thành phố nào cả, đành gom lại những tình cảm chung trong một câu chào mà những người bạn Thụy Sĩ vùng nói tiếng Đức vẫn nói với tôi: “Gruezi” – Chào em.

Dù chưa bao giờ đi Thụy Sĩ người ta cũng có thể bị hút hồn bởi những ngọn núi cao vời vợi, những hồ nước ngăn ngắt xanh, những cánh đồng ngút mắt với đàn bò nhả nha gặm cỏ, những thành phố xinh xắn ngọt ngào như những thỏi chocolate trứ danh.

Hình như nói Gruezi là chưa đủ, phải thêm: Bonjour, Buongiorno, Allegra(\*) nữa vì tuy là quốc gia giàu có nhất nhì thế giới, Thụy Sĩ lại không có ngôn ngữ riêng mà cả bốn ngôn ngữ Đức, Pháp, Italia và Romansch đều là ngôn ngữ chính thức. Sự giao thoa văn hóa hài hòa mà thống nhất ấy cũng làm nên nét hấp dẫn riêng của Thụy Sĩ, đất nước mà tôi luôn vô cùng mến yêu. Cũng không nhớ nổi tôi đã bao lần đặt chân đến nơi này, nhưng có lẽ chỉ một lần thôi cũng đủ để tôi phải lòng xứ sở xinh đẹp nằm liền bên dãy Alps, mảnh đất pha trộn giữa sự chuẩn mực của đồng hồ, máy móc và sự tinh tế ngọt ngào của pho mát, chocolate.

---

(\*) Từ xin chào trong bốn ngôn ngữ chính của Thụy Sĩ.

Bản tình ca của núi và hồ

Đẹp đến ngẩn ngơ! Đó là tất cả những gì tôi có thể thốt lên khi lặng mình ngắm những ngọn núi hùng vĩ của dãy Alps quanh năm tuyết phủ, soi mình bên những hồ nước xanh trong veo tới đáy. Nếu bạn khum tay vốc dòng nước xanh trong ấy mà uống, có lẽ những người Thụy Sĩ hiếu khách sẽ mỉm cười với bạn vì họ luôn vô cùng tự hào về chất lượng nước và môi trường tuyệt vời nơi đây.

Mùa nào, núi và hồ cũng viết những bản tình ca nên thơ. Mùa xuân, tuyết lặng lẽ tan, những cánh hoa mận, hoa lê khẽ khàng rơi trên mặt hồ. Mùa hè, từng đàn thiên nga trắng đủng đỉnh lững lờ ven hồ, thỉnh thoảng nghiêng cổ đón những vụn bánh mì từ tay khách. Mùa thu, khó có gì đẹp hơn sự hòa sắc của lá vàng, trời xanh, núi trắng và màn sương mù lãng đãng. Còn mùa đông, những bông lau trắng trĩu tuyết lóng lánh thỉnh thoảng đánh rơi khóm tuyết nhẹ làm chú vịt trời nấp trong đó giật mình. Những khu trượt tuyết “đỉnh” của Thụy Sĩ như St.Moritz, Zermatt quả là thiên đường của mùa đông. Dường như bạn đang bay lơ lửng trên nóc nhà của thế giới, khi xung quanh bạn là những đỉnh núi triền miên một màu trắng xóa nổi bật giữa nền trời xanh ngắt. Ngọn Matterhorn kiêu hãnh là biểu tượng của đất nước bên dãy Alps, ngay cả giữa mùa hè cũng không quên tô điểm những vạt tuyết trắng phau phau khói sương.

Nét đẹp của Thụy Sĩ không nằm ở những công trình kiến trúc hùng vĩ hay những huyền thoại bí ẩn. Điều kỳ diệu nhất Thụy Sĩ đem lại cho tôi là cảm giác thanh bình, yên ả, tự do và hòa mình với thiên nhiên. Là đất nước trung lập, Thụy Sĩ đứng ngoài những xung đột phức tạp. Núi cao vời vợi, hồ biêng biếc xanh, những đồng cỏ trải dài không thấy chân trời, đường phố xinh xắn, ngăn nắp, trật tự, sao không thấy lòng yên ả cho được?!

Lần nào qua Thụy Sĩ, dù có bận rộn đến mấy, tôi cũng thấy lòng thư thái lạ thường, hình như người Thụy Sĩ luôn thiết kế cho mình một không gian sống và làm việc quy củ nhưng không kém phần lãng mạn. Ngay bên hành lang phòng làm việc, tôi có thể nhâm nhi ly cà phê sáng trong tiếng chim hót véo von và mùi hương hoa hồng gai ngai ngái sau cơn mưa, ngắm nhìn sương sớm tan dần trên mặt hồ Zurich. Những hôm đi ăn tối muộn, tôi chạy xe chậm chậm qua cánh đồng hướng dương rực ánh chiều vàng, bỏ một franc Thụy Sĩ vào chiếc hộp sắt để sung sướng ôm về những cành hướng dương cao lênh khênh. Tôi nhớ những lần thì thầm bên vai bạn, lắng nghe tiếng nước chảy rì rầm từ thác sông Rhein. Tôi yêu những lần lang thang trên núi, nghe lanh canh tiếng chuông từ đàn bò thần tha gặm cỏ, thỉnh thoảng chú bò sữa cao lớn lại lúc lắc cái đầu rồi “ừm” một tiếng. Những hôm may mắn, tôi còn được nghe tiếng kèn gỗ

Alpshorn trầm ấm của những người nông dân gọi nhau từ núi này sang núi kia, tiếng kèn thả vào buổi chiều thu một cảm giác sum họp và ấm êm khó tả.

## Niềm tự hào Thụy Sĩ

Hiếm thấy ở đâu, người dân có thể treo cờ mọi lúc mọi nơi, mọi lý do, mọi địa điểm như ở Thụy Sĩ. Người Thụy Sĩ có tinh thần dân tộc rất cao, họ vô cùng tự hào về tất cả những gì mang thương hiệu “Swiss made”. Lá cờ với hình chữ thập trắng trên nền đỏ tươi bay phấp phới khắp các nẻo đường.

Người Thụy Sĩ quả thật có nhiều thứ để hãnh diện với thế giới. Đi mua sắm trên những dãy phố trung tâm của Thụy Sĩ, ai mà không mơ được sở hữu những chiếc đồng hồ tinh xảo, lịch lãm và chính xác, cho dù có thể mãi chỉ là giấc mơ vì cái giá trên trời của những món hàng nổi tiếng thế giới như Omega, Tag Heuer, Breitling... Mấy người bạn tôi khi nghe tôi phàn nàn về giá cả đắt đỏ đó chỉ trả lời tôi gọn lỏn: “Swiss made”. Nét tinh tế của công nghệ cơ khí Thụy Sĩ còn thể hiện ở những vật dụng nhỏ bé nơi phòng bếp. Tôi còn nhớ, mình đã ngỡ ngác thế nào trong căn phòng bếp của người bạn trước những dụng cụ bếp sắc sảo, đẹp mắt mà phải loay hoay một lúc tôi mới hiểu ra chúng dùng để làm gì, ví dụ như dụng cụ bỏ hạt táo, đập trứng luộc.

Thụy Sĩ cũng là quê hương của hơn bốn trăm năm mươi loại pho mát khác nhau và sở hữu hơn mười lăm thương hiệu chocolate thơm ngon nhất thế giới. Dù có vô tình với pho mát đến mấy bạn cũng có thể nhớ tên vài loại pho mát lừng danh như Emmentaler, Alpkäse, Appenzeller. Pho mát Thụy Sĩ không phải là thứ dễ chiều lòng thực khách, đặc biệt là khách châu Á vì hương vị nồng và béo ngậy đặc trưng, nhưng nhìn những bánh pho mát vàng ươm, tròn căng mịn màng xếp chần chặn trong kho cũng đã đủ khiến bạn thích mê đi rồi. Tôi phải thú nhận rằng, giữa cái lạnh của mùa đông Hà Nội, tôi thèm lắm miếng bánh mì trái pho mát Racklette và nồi lẩu pho mát Fondue. Những đêm rét mướt và tuyết rơi dày, xung quanh đám than củi cháy tí tách giữa chợ Noel, hít hà vị pho mát Racklette nóng chảy béo ngậy, ăn kèm với hành tím, dưa chuột muối và chút

ớt bột cũng là một cái thú của tôi và chúng bạn. Fondue thì lại gắn liền với những đêm cuối năm gia đình và bạn bè sum họp, ai nấy nhúng que sắt xiên thịt vào chiếc nồi con con đựng pho mát đun nóng, râm râm trò chuyện quây quần, đón chờ tiếng pháo hoa đầu tiên của năm mới đang đi qua trước thềm.

Tôi đùa với bạn: “Cả đất nước toàn đồng cỏ và bò sữa thế kia, làm gì pho mát chả ngon”, và bạn hóm hỉnh đối đáp với tôi: “Thụy Sĩ không có một cây ca cao nào mà chocolate vẫn ngon nhất thế giới”. Nhưng sự thực đúng là như thế! Thụy Sĩ có lẽ là mảnh đất “nguy hiểm” cho những cô nàng ăn kiêng vì bạn khó lòng cưỡng nổi sự quyến rũ của chocolate ở đây. Đã thử chocolate ở nhiều nước khác nhau, nhưng tôi vẫn bầu cho chocolate Thụy Sĩ ở vị trí số một, bởi cái vị ngọt thanh nhẹ mà không sắc, thấm tan êm dịu nơi đầu lưỡi, bởi sự pha trộn hài hòa khéo léo giữa chocolate, sữa, hạt dẻ và dâu các loại. Tôi cũng sỡ nếm thanh chocolate Lindt có vị... ớt ấm nồng, vị hoa oải hương vùng Provence. Tôi thích thú mê mẩn những gói giấy bọc chocolate xinh xắn in nhiều hình ảnh như hãnh diện khoe thêm các thắng cảnh nổi tiếng Thụy Sĩ. Không chỉ những thương hiệu lớn mà dừng chân bên những quầy bánh nhỏ, bạn cũng có thể nếm những viên chocolate truffle mà người thợ vừa làm buổi sáng, xinh xắn, tinh khiết và quá đỗi ngọt ngào.

Không gian sống chất lượng, hiện đại mà truyền thống

Thụy Sĩ là một trong những nước giàu nhất thế giới, hệ thống ngân hàng tốt nhất và một nền công nghiệp lâu đời nhất, vậy mà với du khách đến Thụy Sĩ thì hình ảnh quen thuộc chiếm lĩnh tầm mắt lại là những cánh đồng nối dài như vô tận, những ngọn núi xếp nối nhau tới tận chân trời, những thành phố xinh xắn nằm nghiêng nghiêng bên sông bên hồ. Tôi phải lòng những mái ngói trùng điệp cổ kính uốn lượn bên dòng sông Aarau của thủ đô Bern. Tôi khoan khoái tận hưởng những làn gió êm dịu mát lành thổi về từ hồ Le Lecman vào những con phố của Geneva và Lausanne. Và tôi cũng không thể nào quên những chuyến du thuyền êm đềm giữa đêm hè đầy sao trên hồ Zurich. Những thành phố này cũng liên tục đứng trong bảng xếp hạng những thành phố “đáng sống” nhất thế giới, có

lễ không chỉ bởi sự tiện nghi mà còn vì một lễ sống hài hòa với thiên nhiên. Hoa chẳng bao giờ ngừng nở trên cây cầu mái ngói cổ kính của Luzern suốt mùa hè, soi bóng lấp lánh trên dòng sông xanh dập dìu đàn thiên nga. Mà không chỉ Luzern, sông nào, hồ nào của Thụy Sĩ cũng trong veo tới đáy, nắng lấp lánh cả trên những viên sỏi trắng nép mình dưới làn nước mát lạnh.

Dẫu không cất công tìm hiểu, du khách cũng có thể biết trang phục truyền thống của người Thụy Sĩ thế nào. Đâu đâu bạn cũng có thể bắt gặp hình ảnh những người đàn ông đội mũ đen hay cỏ úa có gai hoa edelweiss, mặc áo gile đỏ cũng thêu hoa, vác trên vai chiến kèn gỗ Alpshorn. Các cô gái thì xúng xính trong những bộ váy thêu cầu kỳ, đội chiếc mũ rộng vành thắt nơ quý phái mà dân dã. Ngay cả các cậu bé con tinh nghịch cũng biết diện quần sóc da nâu (lederhorse), mặc áo kẻ ca rô đỏ hay đơn giản chỉ quàng chiếc khăn đỏ in hình hoa edelweiss là đã ra chất Thụy Sĩ lắm rồi.

Tôi may mắn tham dự lễ hội “Jodler und Jodlerin” hay lễ hội hát dân ca của Thụy Sĩ vốn chỉ tổ chức bốn năm một lần và luân phiên giữa các thành phố. Những người dân bình thường nhất cũng trở thành ca sĩ, khoác những bộ cánh truyền thống đẹp nhất, tấp nập về lễ hội. Hai bên bờ sông Ruess với những quán hàng sang trọng, tiếng hát cứ ngân nga dịu êm, thỉnh thoảng chọt nổi lên tiếng lục lạc lạnh canh của đàn bò sữa diễu hành trên phố, hay tiếng “ziha” của cậu bé ôm bó cỏ khô. Người ta nói, giai điệu êm dịu của những khúc hát dân ca là tiếng hát của gió trên những thảo nguyên xanh, tiếng hát của nước trên những dòng sông, dòng suối trong vắt. Tiếng hô “Hollerödjö” thì đích thị là tiếng những chàng trai dãy Alps í ới gọi nhau, để rồi xuất hiện trong những bài hát với nhịp accordeon dập dìu tươi tắn.

Bạn tôi hay để dành cho tôi những đồng xu frank Thụy Sĩ, ra đời trùng với năm sinh của tôi hay những năm đầu thế kỷ hai mươi, như một minh chứng cho thấy Thụy Sĩ luôn phát triển và có những giá trị sẽ không thay đổi. Tôi vẫn nhớ cảm giác dễ chịu khi đặt chân tới sân bay Zurich, thay vì những bài hát đón chào, con tàu chở khách nối giữa hai nhà chờ luôn đầy ắp tiếng gió, tiếng lục lạc lạnh ca lạnh



canh và tiếng ậm ừ của đàn bò sữa, như một lời chào thân thiện nhất gửi tới du khách.

Trong mấy năm du học thì tôi đón năm mới ở Thụy Sĩ tới tận hai năm, vì thế mà những ám áp tôi nghĩ về Thụy Sĩ luôn gắn liền với nồi lẩu pho mát Fondue nghi ngút khói và những bông tuyết trắng bay đầy ngoài cửa sổ. Dù tôi đã cách xa Thụy Sĩ không chỉ một ngọn núi nữa rồi, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn khẽ ấn tay lên chú gấu bông diện quần da thêu hoa trong góc phòng, để chú thay tôi cất lên tiếng gọi từ nơi xa xôi: Gruenzi! Thụy Sĩ.

# Những lâu đài của vua Ludwig II

Đức là nước đầu tiên tôi đặt chân đến khi có cơ hội ra nước ngoài. Tôi đã đi hơn hai mươi thành phố của nước Đức nhưng gắn bó nhất với miền Nam nước Đức, nơi đậm chất văn hóa Alps vốn dĩ đã thân thuộc với tôi. Kể về nước Đức, tôi muốn dành ưu tiên của mình cho những lâu đài của vua Ludwig II, bởi với tôi, chúng không chỉ đẹp mà còn có chút gì bản lĩnh, cô độc và mang màu sắc thâm trầm bí hiểm, dạt dào tình cảm ẩn chứa trong nét lạnh lùng, tựa như tính cách của người Đức vậy.

Những lâu đài với kiến trúc đẹp hơn cả cổ tích, ý tưởng trang trí siêu thực, khuôn viên khoáng đạt bao la nhưng man mác buồn giữa hồ và núi của rặng Alps chỉ có thể là những lâu đài của vua Ludwig II xứ Bavaria miền Nam nước Đức, vị vua có cuộc đời như một vở kịch bi tráng với kết thúc mãi còn là dấu hỏi với hậu thế.

Vì một cơ duyên kỳ lạ, tôi và những người bạn thân có cơ hội ghé thăm gần như tất cả những lâu đài của vua Ludwig, từ Nymphenburg nơi ông được sinh ra, đến Hohenschwangau nơi trải qua tuổi thơ cùng cha mẹ, rồi đến những lâu đài do ông chủ công xây dựng: Herrenchiemsee, Linderhof và đặc biệt nhất là Neuschwanstein.

Chẳng hiểu sao, sau những hành trình đến với lâu đài của vua Ludwig II, tôi chợt tò mò tìm hiểu về cuộc đời của ông vua trẻ rất đẹp trai với mái tóc bông lượn sóng, yêu kịch Schiller, là bạn tâm giao của nhà soạn nhạc Richard Wagner, yêu thích vẻ đẹp thiên nhiên của Alps đến mức rất ít khi ông sống ở München, thủ phủ của Bavaria mà thường ẩn về rừng Alps. Tôi chợt nhận ra rằng những lâu đài do ông chủ công xây dựng đã phản ánh cả tính cách và sở phận đặc biệt của ông: lãng mạn, siêu tưởng, mộng mị, hơi lập dị nhưng tràn đầy tình yêu với nghệ thuật và thiên nhiên.

Có thể trên cương vị của một ông vua, Ludwig II chưa phải là một cái tên đáng nhớ với những vấn đề tài chính phát sinh theo bao tham vọng xây lâu đài, với những xung đột chính trị và cái chết bí ẩn, nhưng những lâu đài, nhà hát và cả những đóng góp cho âm nhạc mà ông để lại đáng để người ta mãi nhớ đến ông - vị vua cổ tích xứ Bavaria.

## Neuschwanstein - Thiên nga giữa rừng Alps

Lừng danh nhất trong những lâu đài của vua Ludwig phải kể đến Neuschwanstein, vốn xuất hiện trong rất nhiều bộ phim và là nguồn cảm hứng xây dựng mô hình lâu đài ở công viên Disneyland, thế giới cổ tích của tuổi thơ. Neuschwanstein cũng là điểm đến quan trọng của các du khách khi đến với nước Đức, dù để đến với Neuschwanstein bạn phải mất hơn hai giờ tàu từ Munich đến thị trấn Füssen và thêm hai giờ xe buýt đến với lâu đài sừng sững giữa vách núi đá

Trước khi nói về Neuschwanstein, tôi buộc lòng phải thú nhận một điều: mọi miêu tả về lâu đài, mọi bức ảnh chụp Neuschwanstein có lẽ đều bất lực trước vẻ tráng lệ, huyền ảo và nên thơ của nơi này. Neuschwanstein có thể tạm dịch là: new swan stone, lâu đài thiên nga giữa núi đá Alps. Hình ảnh những chú thiên nga xinh đẹp yếu điệu, niềm đam mê của vua Ludwig luôn xuất hiện trong mọi chi tiết trang trí tại những lâu đài của ông. Nội thất lâu đài thì bạn không được phép chụp, muốn nhìn toàn cảnh lâu đài bạn phải đi một quãng đường xa hơn để leo lên cây cầu Marienbrücke cheo leo giữa vách đá bên kia. Thế nhưng tôi vẫn muốn tả về lâu đài này cho dù tôi có lẽ mới chỉ chạm khẽ đến vẻ đẹp đầy ám ảnh của nó.

Người ta hay đến Neuschwanstein vào mùa thu, khi những chiếc lá chuyển màu để vẽ nên bức tranh họa đồ với mây trắng, núi xám phủ tuyết, hồ xanh ngắt và lá đỏ lá vàng cùng tòa lâu đài ẩn hiện trong sương khói. Chẳng hiểu sao, mấy lần chúng tôi đến Neuschwanstein đều là những ngày đông lạnh giá, khi nhiệt độ ngoài trời xuống đến âm hai mươi độ C, âu cũng là để cảm nhận một vẻ đẹp khác, mong manh, u uẩn và cô tịch. Ngỡ ngàng làm sao, hồ Alpsee bên lâu đài rộng và xanh là thế, mà nay đã trở thành một

sân băng phủ tuyết. Thường thì mùa đông, một phần hồ hay đóng băng để chiều lòng bọn trẻ tập làm ngôi sao trượt băng nghệ thuật, nhưng lần này thì toàn bộ hồ đông cứng, một lớp tuyết mịn vẫn còn phủ trắng hồ. Tôi đi lại lạo xạo trên mặt hồ phẳng lì, tưởng chừng như có thể chạy một mạch sang đầu trái núi bên kia. Khi tia nắng đầu tiên bắt đầu xuyên qua lớp mây dày đặc rọi lên mặt hồ, tôi bỏ lại Alpsee đằng sau để thông thả bắt đầu cuộc hành trình đầu tiên lên Hohenschwangau, lâu đài mùa hè của vua Maximilian II cha của Ludwig II. Qua Hohenschwangau, đường lên Neuschwanstein xa và dốc. Tôi để ý thấy thường chỉ có du khách Nhật hoặc Trung Quốc là chọn những cỗ xe song mã để đến với Neuschwanstein, chắc để tìm cảm giác của ông hoàng bà chúa ngày xưa, còn đa số mọi người đi bộ. Tôi cũng đi bộ để làm ấm người sau màn trượt băng bắt đăc dĩ trên hồ, hơn nữa đi bộ thì mới chụp được ảnh khu rừng mùa đông, cho dù tôi chụp hoàn toàn bằng... niềm tin. Trời lạnh đến mức tay không hề có cảm giác là đã bấm máy hay chưa nữa.

Khu rừng mùa đông đẹp như huyền thoại! Cảnh cây phủ trắng tuyết, suối cũng trắng xóa mà nếu để ý kỹ, bạn có thể nhận thấy tiếng nước ngầm chảy khẽ dưới lớp băng. Những chiếc lá cây còn sót lại trĩu nặng tuyết, thỉnh thoảng giạt mình làm đổ tuyết phát ra tiếng “soạt soạt” bên tai người. Nắng mùa đông xuyên qua những chiếc mạng nhện trong suốt tinh khôi óng ánh. Sương và khói ở đâu thỉnh thoảng bay ra la đà, làm bóng dáng đội ngựa chở khách ẩn hiện bên đường núi thêm phần cô độc. Thỉnh thoảng những chú ngựa phi lên một tiếng, những chú chó loăng quăng giạt mình sủa vang làm tôi tưởng tượng đến đoàn tùy tùng của vua Ludwig II trong những chuyến đi săn ngày xưa. Yên bình và tinh khôi quá, chẳng trách mà vua Ludwig II thường trốn cái xa hoa của München để về với nơi đây.

Cuối cùng thì tòa lâu đài hiệp sỹ tráng lệ cũng bừng lên dưới ánh nắng cuối con đường mòn. Tôi tranh thủ đọc thêm vài trang của cuốn sách về Neuschwanstein trong khi hòa vào dòng người xếp hàng dài để khám phá lâu đài. Neuschwanstein không phải do kiến trúc sư thiết kế mà là tác phẩm của họa sỹ sân khấu Christian Jank. Phải chăng vì thế mà khi tham quan các phòng của lâu đài, tôi luôn

có cảm tưởng mình đang xem những vở kịch với các lớp lang, chương hồi khác nhau, từ khán phòng có ngai vàng xa hoa, phòng ngủ dành cho những giấc mơ siêu tưởng, phòng dành cho dạ tiệc và kịch nghệ ở trên cùng với màu sắc ấn tượng. Và thật ngạc nhiên trong lâu đài có cả một hang động nhân tạo. Kiến trúc lâu đài thiết kế dựa trên ý tưởng về sự tôn kính dành cho hiệp sĩ thiên nga Lohengrin trong truyền thuyết của Đức. Chủ điểm trang trí của các căn phòng cũng lấy cảm hứng từ nhiều vở opera do nhà soạn nhạc Richard Wagner viết. Những chàng cảnh vệ Đức mắt xanh dịu dàng nhưng cương quyết khiến mọi du khách đều lặng lẽ cất máy ảnh vào túi, cho dù ai cũng dường như mê đi trước chiếc vương miện lộng lẫy cần đá quý, đồ gỗ tinh tế khắc chạm cầu kỳ, những bức rèm ánh lên vẻ phú quý. Hình ảnh thiên nga ở khắp mọi nơi trong tòa lâu đài: con thiên nga chạm vàng và pha lê giữa phòng, bày thiên nga tung cánh ở bốn cột giường, đến ngay cả tay nắm cửa cũng yếu điệu hình một nàng thiên nga cúi đầu e lệ. Điều đặc biệt nữa trong tòa lâu đài này là ở bất cứ chỗ nào, bạn đều có thể bắt gặp những ô cửa sổ xinh xắn, nơi có thể phóng tầm mắt nhìn ra những đỉnh núi sương mờ xa xa, những khu rừng trùng điệp, khiến bạn có cảm giác mình không bị bó buộc giữa xa hoa mà vẫn vô cùng gần gũi với thiên nhiên.

Đẹp như cổ tích nhưng quá trình xây dựng tòa lâu đài ấy không lung linh như mơ, bởi vua Ludwig đã ra đi khi chưa kịp về đây sống. Hơn mười chín căn phòng của tòa lâu đài vẫn chưa và có thể không bao giờ được hoàn thiện, một số bức tranh còn đang chờ những nét vẽ cuối cùng. Nhưng chính sự dang dở ấy phải chăng cũng là một phần sự quyến rũ của Neuschwanstein, khiến bạn phải trầm trở và tưởng tượng, khiến bạn mơ đến một thế giới cổ tích với lâu đài, hoàng tử, những đêm nhạc opera trong khán phòng sang trọng và cả những đêm trong rừng chỉ có trời, mây, núi, trăng sao...và ta.

Linderhof - Giai điệu rừng xanh

Tôi gọi Linderhof là giai điệu giữa rừng xanh bởi Linderhof tọa lạc giữa bạt ngàn núi đồi xanh thắm của khu vực Oberammergau và ba công trình tiêu biểu của lâu đài: động nhân tạo mang tên Venus, lều

Hunding cùng tu viện Gurnemanz đều là những hồi tưởng cho các vở opera của nhà soạn nhạc đã gắn với cuộc đời của vua Ludwig II: Richard Wagner.

Trái với lâu đài cổ tích Neuschwanstein, Linderhof là nơi vua Ludwig II đã sống và chứng kiến lâu đài hoàn thiện từng ngày. Ai cũng nói rằng Linderhof là “bản sao thu nhỏ” của cung điện Versailles do vua Pháp Louis XIV - thần tượng của vua Ludwig II xây dựng. Linderhof không thiếu vẻ xa hoa của những lâu đài vua chúa với những chùm đèn làm bằng ngà voi, thảm làm từ lông đà điểu, đồ sứ Trung Hoa, nội thất chạm bạc dát vàng... nhưng tôi vẫn thấy dấu ấn không thể lẫn của ông vua xứ Bavaria ở đây. Bất kể nơi đâu trong lâu đài bạn cũng có thể bắt gặp hình ảnh mặt trời vì Louis XIV được coi là “Sun King” vậy nên Ludwig tự coi mình là “Night King”. Vua Ludwig II cũng thường ngủ vào ban ngày và về đêm, ông hay ngồi một mình đọc sách suy tư ở góc đại sảnh mang tên: Căn phòng của những chiếc gương, nơi ánh nến huyền ảo lung linh được phản chiếu bốn bề. Có những đêm, vua Ludwig một mình chèo chiếc thuyền riêng thiết kế theo dáng thiên nga vào bên trong động nhân tạo Venus phía sau lâu đài, nơi ánh sáng huyền ảo, tiếng nhạc thánh thót như nước rơi xuống từ vách đá đủ để mê hoặc lòng người. Tu viện Gurnemanz nằm lọt trong rừng cây gợi cho tôi nhớ về những ngôi đền phương Đông huyền bí với mái vòm, những bức rèm màu xanh turquoise. Đẹp thì đẹp thật, nhưng sao tôi vẫn thấy tất cả đều có nét gì đó cô đơn, đều là nơi chốn dành riêng cho những suy tư trầm trở một mình chứ không dành cho những cuộc vui đông người.

Khu vườn và rừng cây bao quanh cung điện Linderhof quả không hổ danh là một trong những “tác phẩm” đẹp của thiết kế vườn thời phong kiến châu Âu bởi sự kết hợp giữa phong cách Baroque, phục hưng Italia và vườn kiểu Anh. Đây là nghe người hướng dẫn viên nói thế, còn tôi chỉ biết thả mình lang thang trong vườn hồng, ngắm những chùm nho rớt vụ và chạy đuổi theo lũ sóc trong những cánh rừng đến cuối thu mà lá vẫn chưa chịu vàng. Phía bắc lâu đài là thác nước với ba mươi bậc đá cẩm thạch như những phím đàn trong trẻo giữa rừng.

## Herrenchiemsee - Bài thơ trên hồ Chiemsee

Tôi đến Herrenchiemsee, lâu đài tọa lạc trên hòn đảo Herreninsel (đảo Quý Ông) giữa hồ Chiemsee trong xanh, hồ lớn nhất của bang Bavaria. Lúc ấy là dịp nghỉ lễ Phục Sinh, trời đang chuyển giữa mùa đông và mùa xuân nên tôi có thể thưởng thức một khung cảnh rất nên thơ: hoa đầu xuân, hoa thủy tiên vàng ươm đã nở nhưng tuyết vẫn rơi và trời thì băng lạnh sương khói. Hình như khung cảnh này càng tô đậm cho vẻ đẹp sang trọng nhưng u hoài của lâu đài Herrenchiemsee, lâu đài thứ ba do vua Ludwig II chủ công xây dựng, nhưng ông cũng chỉ kịp ở đây vài ngày một năm trước khi ra đi, để lại hơn năm mươi trong tổng số bảy mươi căn phòng chưa kịp hoàn thiện.

Không phải là một Versailles thu nhỏ, tham vọng của vua Ludwig là xây dựng một lâu đài tương tự như Versailles của vua Louis XIV. “Đại sảnh của những chiếc gương”, một trong những căn phòng được hoàn thiện còn lớn hơn cả phòng ở Versailles với không biết bao nhiêu đèn trần, đồ sứ khoe sự hào nhoáng, thịnh vượng và thẩm mỹ tinh tế của vua Ludwig. Một lần nữa bàn tay của họa sĩ Christian Jank đã làm nên kì tích. Herrenchiemsee cũng mang hơi thở của thế kỷ hai mươi với hệ thống sưởi trung tâm, hệ thống nước thiết kế linh hoạt.

Một lần nữa, điều hấp dẫn chúng tôi ở Herrenchiemsee của vua Ludwig không chỉ là tòa lâu đài sang trọng mà là cảnh quan xung quanh. Chiếc thuyền đưa tôi ra đảo đủ để tôi bập bênh với phong cảnh lãng mạn của hồ Chiemsee, với những rừng cây, đám lau um tùm, những đàn thiên nga, vịt trời rải cánh xa xa. Quãng đường dài đi bộ vào lâu đài cũng là những khoảng rừng rậm rạp cây đầu xuân mới nhú lên màu non xanh. Đó đây, những bác xà ích thông dong tẩu thuốc đưa khách bằng những cỗ xe song mã đi lại trong rừng. Tôi cứ ước mình biết vẽ, bởi vì khung cảnh trước mắt tôi dường như đã là một bức tranh mùa xuân châu Âu hoàn thiện, chỉ cần nhẹ nhàng đặt lên khung mà thôi. Tôi ngồi trong khu vườn trước lâu đài, vườn tượng, thác nước dường như sống động hơn bởi xa kia, hồ Chiemsee đưa vào từng đợt sóng vỗ nhẹ và chiếc thuyền độc mộc

của ai vừa lướt qua tạo cho khung cảnh một vẻ hữu tình mà cô liêu hiếm thấy.

Ngồi trên ghé đá trong lâu đài Herrenchiemsee trên “đảo của các quý ông”, quý ông duy nhất của nhóm chúng tôi chọt tư lự: “Không biết niềm đam mê xây lâu đài cổ tích của vua Ludwig II xứ Bavaria nên gọi là tham vọng hay là giấc mơ nữa”. Chẳng ai trong chúng tôi trả lời được câu hỏi này và có thể cả những nhà nghiên cứu lịch sử cũng thế. Ông vua cô đơn Ludwig II từng đính hôn nhưng chưa bao giờ kết hôn. Sinh thời, ông chỉ có hai người bạn tâm giao nổi tiếng nhất là nhà soạn nhạc Richard Wagner và hoàng hậu Sissi của nước Áo, những người bạn còn lại của ông là những vở operas, những công trình kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên của núi rừng Alps, nơi ông sinh ra và lớn lên. Những ngày cuối đời, mặc dù chưa có cuộc khám nghiệm chính thức nào nhưng người ta vẫn quy cho ông căn bệnh tâm thần, quản thúc ông ở chính lâu đài huyền thoại Neuschwanstein. Ông và người bác sỹ đã không bao giờ trở về sau một buổi đi dạo và chèo thuyền bí hiểm trên hồ Starnberg gần lâu đài. Hồ Starnberg cách đó không xa và cây thánh giá tưởng niệm ông vẫn còn ở đó, nhưng tôi không muốn đến thăm bởi tôi muốn tin rằng sự ra đi của ông chỉ nhẹ nhàng tựa như chuyến viếng thăm hành tinh này của hoàng tử bé trong câu chuyện của Antoine de Saint Exupéry, hay như cảm tưởng của Richard Wagner sau cuộc gặp đầu tiên với vua Ludwig II: ”Trời ơi, ngài thật đẹp và thông thái, thú vị và đầy cảm xúc, đến nỗi tôi e rằng cuộc sống của ngài sẽ tan chảy trong thế giới trần tục này, tựa như một giấc mơ phù du của Thượng đế”.

Và sự thật đúng là như thế, ông đã lướt qua thế giới này và để lại cho xứ Bavaria cũng như chúng ta những lâu đài cổ tích, đẹp hơn cả một giấc mơ.



# Cho bốn mùa nước Áo

Nước Áo với tôi có lẽ không thể coi là một chuyến du lịch, bởi tôi đã sống ở đây ba năm, đã vui buồn cùng nước Áo một khoảng thời gian dài, và cũng gửi lại đây những năm tháng đẹp đẽ của cuộc đời. Hãy để tôi dành một góc riêng cho bốn mùa nước Áo, và dành cho bạn những cảm nhận chi tiết nhất về nơi tôi luôn coi là quê hương thứ hai của mình.

Nước Áo, mùa nào cũng đẹp, cái đẹp nhẹ nhàng nhưng sang trọng, không phô bày rực rỡ mà dịu dàng, kín đáo. Về đẹp ấy, tôi ngắm từ một sáng mùa xuân, hoa giọt tuyết đột ngột chui lên từ đám tuyết lạnh sau vườn, tôi yêu từ những đêm hè lênh đênh trên hồ Bodensee, tôi say mê từ những góc phố mùa thu mơ màng của Wien, và cả từ cú ngã đau điếng khi lần đầu trượt tuyết ở Vorarlberg.

Tôi không biết phải tả sao cho hết vẻ đẹp bốn mùa nước Áo cho đến khi nhìn lại cuốn sách ảnh mà bạn bè thương mến tặng tôi khi chia tay. Cuốn sách đã bộc lộ vẻ đẹp của bốn mùa bằng những hình ảnh đặc trưng nhất của mỗi vùng miền khi mùa về, như cảnh hoa mơ nở ở Wachau mùa xuân, cảnh rừng thu vàng ươm ở Montafon, và mùa đông trắng ở Innsbruck. Tôi mượn “tứ” của cuốn sách đó để vẽ lại bức tranh tứ quý bằng những địa danh nổi bật nhất nước Áo bốn mùa xuân, hạ, thu, đông.

Mùa xuân: Wachau hoa mộng

Wachau là một trong những nơi đẹp nhất của Áo vào mùa hoa mơ nở búp trắng búp hồng đẹp hơn cả trong mơ, hơn nữa, đến Wachau thực sự là một giấc mộng đẹp cho những đôi lứa đã, đang và sắp yêu nhau.

Không chỉ có mùa xuân hoa mơ nở yêu kiều, Wachau mùa nào cũng đẹp! Là một thành phố nhỏ xinh xắn nằm ở vùng thung lũng

Wachau của nước Áo, Wachau mùa hè mát rượi những làn gió thổi lên từ sông Donau (Đa nuýp) xanh thăm thẳm. Wachau mùa thu ngọt ngào những đồi nho chín vàng hươm nắng báo hiệu mùa rượi vang đã đến. Còn Wachau mùa đông tuyết trắng tinh khiết lấp lánh các sườn đồi dọc bên thung lũng. Không nổi tiếng như thủ đô Wien, nhưng đến Áo mà không ghé qua Wachau thì quả là một điều đáng tiếc bởi Wachau không chỉ đẹp mà còn là di sản văn hóa thế giới với hai tu viện cổ kiến trúc độc đáo Melk và Göttweig, với nhà thờ sơn xanh Dürnstein.

### Những lời tự tình bên dòng sông Donau

Khi nghĩ về nước Áo và bản nhạc bất hủ Sông Donau xanh (The Blue Danube), có lẽ nhiều người yêu nhạc hay những người lãng mạn sẽ mơ về một ngày được ngồi ngắm dòng Donau xanh hiền hòa trôi, được nghe tiếng piano thánh thót cùng tiếng sóng sông đập nhẹ qua những đám lau sậy giăng kín hai bên bờ. Wachau là địa điểm lý tưởng nhất cho bạn thực hiện giấc mơ này. Dòng sông Donau ở Wachau không bị choán bởi những nhà những phố, những kiến trúc đồ sộ hay những bờ kè chắc chắn như ở Wien. Donau qua Wachau như một quãng trầm trong bản hùng ca, giản dị và trong sáng, phóng khoáng và tự do, nằm lọt giữa thung lũng xanh mướt mát với những đồi nho trái dài vô tận. Dòng sông dường như không vướng bận điều gì, cứ lang thang du ca khắp nơi, thỉnh thoảng đánh sóng ghé chào những thị trấn xinh đẹp hai bên bờ thung lũng như Melk, Krems, SpitzDürnstein, Weißenkirchen in der Wachau và Emmersdorf an der Donau. Có lẽ từ xa xưa, người dân đã luôn chọn những thung lũng sông làm nơi trú ngụ nên dọc hai bên bờ Wachau là hàng loạt những căn nhà cổ làm bằng đá, gỗ, thậm chí có căn nhà đã ở đây từ thế kỷ thứ sáu. Dòng sông chảy vô tư và lững lờ, vui tươi và trong trẻo chẳng khác gì giai điệu dịu êm trong Sông Donau xanh của Johann Strauss II. “Kẻ phá bĩnh đáng yêu” duy nhất của giai điệu ấy chính là những con tàu hơi nước đồ sộ hay những chiếc thuyền trắng xinh xắn thỉnh thoảng lững lững chạy qua, đưa du khách từ bờ này tới bến kia của dòng sông. Đây cũng là phương tiện duy nhất đưa bạn đi ngang qua sông bởi Donau chảy qua thung lũng Wachau không hề có một cây cầu nào bắc

ngang. Điều này đôi khi là bất tiện, nhưng hình như, đặc trưng đó đem lại cho Donau ở Wachau một vẻ đẹp thuần khiết và nguyên sơ nhất.

Donau trở nên lãng mạn vô cùng ở Wachau, bởi dòng sông nghe được rất nhiều lời tự tình bên sông. Tôi đã bắt gặp nhiều đôi lứa ngồi tâm sự với nhau bên bờ sông, gió thổi qua tóc họ bay phất phơ trong nắng chiều. Tôi đã nhìn thấy có đôi lứa trao cho nhau nụ hôn ngọt ngào bên bờ Tây dòng sông, còn phía bờ Đông, cụ ông nắm tay cụ bà đi dạo, họ mỉm cười với nhau thật tình cảm. Tôi cũng gặp nhiều người như tôi, lang thang một mình, thỉnh thoảng hít hà mùi hương nồng nồng ngọt ngọt tỏa lên từ sông, một thứ mùi đặc trưng chất chiu của đất của trời, của cây, của cỏ, của dòng nước mát lạnh trong trẻo.

Donau qua Wachau chảy hiền hòa đến nỗi, dòng sông dường như phẳng lặng, đủ để in bóng tất cả những cảnh đẹp nên thơ hai bên bờ. Đây là những căn nhà xinh xắn, kia là những đồi nho bạt ngàn, và đặc biệt nhất, nhà thờ màu xanh dương nổi tiếng Dürnstein. Hồi đó tôi chưa có một cái máy ảnh đẹp để chụp lại cảnh tượng khó quên ấy, nhưng hình ảnh nắng xiên đổ in rõ bóng nhà thờ Dürnstein lên mặt sông cùng tiếng chuông chiều thong thả buông thực sự vẫn còn in rõ trong trí nhớ của tôi. Bờ cát trắng dường như cũng lấp lánh hơn và được nhuộm hồng bởi ánh nắng cuối ngày, nơi cô bé con tóc vàng vẫn nấn ná với dòng sông mà không chịu theo bố mẹ lên bờ.

### Những đặc sản của Wachau

Dù tận mắt chứng kiến những dấu tích còn sót lại của lâu đài bằng đá từ xa xưa, tôi vẫn hoàn toàn bất ngờ khi biết Wachau là thành phố cổ nhất của Áo. Hai thị trấn Kems và Melk của thung lũng Wachau đã hình thành từ giai đoạn đầu của thời kì đồ đá. Tôi còn choáng ngợp hơn nữa khi đi thăm hai tu viện Stift Melk và Göttweig với những phù điêu trang trí, những hiện vật hoàn toàn bằng vàng ròng và hệ thống phòng ốc quy củ mang tính thứ bậc rõ rệt. Gọi là tu viện nhưng đó thực sự là hai công trình kiến trúc cầu kỳ đồ sộ. Cầu thang xoắn ốc ở tu viện Melk là nơi ai cũng muốn dừng lại,

không chỉ vì nó quá đẹp với những họa tiết trang trí tinh xảo mà còn bởi sự suy tưởng mà mọi người thường có khi đứng ở cầu thang này. Dường như ai cũng thấy mình bé nhỏ nhưng thật mạnh mẽ trước những vòng xoáy phức tạp vô tận mờ tối, chỉ có chút ánh sáng tỏa ra từ phía cuối cùng. Chỉ tiếc rằng tôi không phải là người ham mê kiến trúc, hơn nữa tôi đôi lúc cũng sợ cái cảm giác xa hoa nhưng chật hẹp, tù túng trong lâu đài cổ nên tôi chỉ thăm tu viện để hiểu thêm về lịch sử Wachau, còn phần lớn thời gian, tôi dành cho sông Donau và những nét văn hóa đời thường nơi đây.

Cuộc sống ở Wachau thực sự hấp dẫn và thú vị, vừa giàu có trù phú lại vừa thôn dã và truyền thống. Tôi đến Wachau vào tháng Mười, tháng của mùa thu và nho cũng đã chín khắp các sườn đồi. Ở làng Weissenkirchen của Wachau, không gì sung sướng và ngọt ngào hơn cái cảm giác được hái tận vườn, chọn tận tay những chùm nho chín mọng thơm lừng với giá rất rẻ, quả còn tươi roi rói, chưa kể người bán còn nói vanh vách loại nào ngọt hơn, loại nào chát hơn, loại nào để làm rượu gì. Với một kẻ uống nước trái cây ngâm cũng đủ say như tôi thì rượu vang là một khái niệm rất xa vời, nhưng tôi không thể chối từ khi chủ nhà đưa ra “sturm”, thứ nước ép nho mới lên men chỉ có ở Wachau mùa ủ rượu. Tôi đến thăm một hầm rượu, hay một trong rất nhiều gia đình nấu rượu vang truyền thống ở đây. Tiếp tôi là ông chủ nhà, người đang khoe những chai rượu vang lâu đời và quý nhất của gia đình. Hai cô con gái mới độ mười tuổi của ông chủ lắc lắc cái chuông leng keng, mời tôi thử từng ly rượu mới lấy ra từ những thùng gỗ sồi xếp đầy trong hầm. Cái mùi ẩm mốc trong hầm không dễ chịu chút nào, nhưng tôi vô cùng háo hức khi biết thứ mốc bám đầy vách hầm ấy là loại nấm, vi khuẩn rất quan trọng để lên men rượu vang. Tôi cũng à lên thú vị khi biết nho trắng làm rượu vang đỏ, nho đỏ làm rượu vang trắng, và có một thứ rượu gọi là “eiswein”, được nấu từ những quả nho “lạnh”, vẫn còn ở trên cây khi mùa đông tuyết trĩu nặng để cho ra một vị nho ngọt sắc, đậm đà. Dù không uống được rượu, tôi cũng vẫn mua về một chai Grüner Veltliners và nhắm nháp cả tháng không hết, đến nỗi phải mang đi nấu bò sốt vang.

Nhà nấu rượu cũng là nhà phục vụ bữa tiệc truyền thống của người Áo và một số nước nói tiếng Đức, chỉ có vào mùa thu mang tên Heurigen. Không phải ai cũng có cơ hội tham gia Heurigen bởi tiệc này nơi chủ nhà mời bạn nếm loại rượu vang mới nhất trong mùa ủ rượu và phục vụ bạn những món nguội cây nhà lá vườn như các loại xúc xích, salami, ớt chuông, dưa chuột ngâm dấm và pho mát cứng ăn với nho tươi mới hái ở vườn. Đặc biệt, thời điểm mở Heurigen chỉ khoảng hai hay ba tuần của mùa thu. Âm nhạc của Heurigen thường chỉ là vài chiếc accordion để người ta nhảy múa khi rượu ngon đã làm người ta yêu đời và hưng phấn hơn nhiều.

Mùa thu là mùa du khách đến Wachau đông nhất để ngắm những sườn đồi trĩu nặng nho chín, để uống rượu vang, tham gia Heurigen và ngắm sắc thu chen màu vàng đỏ lên những rừng cây trong thung lũng Wachau.

### Wachau mơ nở trắng rừng

Có một mùa mà Wachau còn đẹp hơn cả cổ tích, đó là mùa hoa mơ nở. Đây là loại mơ trái to, quả vàng, lông tơ mịn, cũng là đặc sản của Wachau. Đến Wachau mùa thu đã khó, đến mùa hoa mơ còn khó hơn nữa, bởi thời tiết mùa xuân vô cùng đỏng đảnh, mưa nhiều, chưa kể mùa hoa mơ cũng “đỏng đảnh”, thời gian nở mỗi năm không hoàn toàn cố định mà phụ thuộc nhiều vào khí đất khí trời năm ấy. Sau này, thành phố Wachau đã đặt hệ thống webcam bên những đồi hoa mơ để du khách có thể quan sát từ xa xem hoa đã nở đẹp chưa để đến Wachau đúng thời điểm.

Khi đã đến đây đúng mùa hoa mơ nở, có lẽ người khô khan nhất cũng sẽ đột nhiên trở nên lãng mạn. Hoa nở bừng khắp thung lũng, xen lẫn hoa trắng là hoa hồng yêu kiều, xinh xắn, thỉnh thoảng vạt gió đưa qua làm đám hoa rung rinh, vài cánh mỏng manh nhẹ nhàng bay. Không biết đã bao đời lúa đến đây để tìm cho mình một mùa hoa mộng, một mùa trong trẻo nên thơ, một mùa dạt dào cảm xúc và ngời ngời sắc xuân, hứa hẹn một mùa trái chín bội thu.

Cứ mỗi lần nghe lại bản Sông Donau xanh dập dìu, lòng tôi lại tràn ngập những hình ảnh của bốn mùa Wachau, lại say như thể vừa

uống chút sturm, lại cảm nhận dư vị ngọt ngào se sắt của trái nho còn ở lại trên cây đến mùa tuyết, lại tưởng nghe thánh thót đầu dây tiếng chuông vọng từ nhà thờ sơn xanh Dürnstein.

Wachau mãi sẽ là giấc mộng đẹp về nước Áo trong tôi!

Mùa hè: Lãng đãng Hallstatt

Ví Hallstatt như một bài thơ tình, tôi nghĩ không ngoa chút nào vì có lẽ nếu chỉ vô tình đi cùng nhau đến đây, dạo bước bên hồ, ngắm sương sớm mờ ảo trong không gian tĩnh mịch thì tình yêu sẽ nảy sinh từ những điều khó tin nhất.

Có lẽ tôi chẳng bao giờ quên buổi sáng hôm đó ở Hallstatt, tôi đang vui mình trong chiếc chăn lông vịt ấm áp giữa căn nhà gỗ cổ thì giật mình tỉnh giấc bởi tiếng vịt kêu quạc quạc. Tôi ngó ra cửa sổ từ căn nhà trên núi và thấy đôi vịt đang đuổi nhau trên hồ, tạo thành hai vệt sóng dài. Chỉ đúng hai con mà náo động cả thành phố xinh xắn còn đang say giấc nồng. Thế mới thấy, Hallstatt yên tĩnh đến mức nào. Tôi tưởng chừng như có thể nghe thấy cả tiếng những hạt sương đang rơi khe khẽ, tiếng những đám mây sớm đang nhẹ nhàng di chuyển về phía cuối đỉnh núi mờ ra.

Mảnh đất di sản

Nếu chỉ có phong cảnh đẹp và yên tĩnh, thành phố nhỏ nhắn xinh đẹp nằm lọt giữa vùng núi Salzkammergut của nước Áo này đã không hấp dẫn du khách đến thế. Hallstatt là di sản văn hóa thế giới với một lịch sử rất lâu đời. Dấu vết của cuộc sống con người đã hiện diện ở đây hàng triệu năm trước Công nguyên, từ thời kỳ đồ đá mới. Đây cũng chính là mỏ muối cổ nhất thế giới với bảy nghìn năm lịch sử, nơi người xưa đã biết dùng những chiếc túi lông chồn để mang những tảng muối nhỏ mà họ khai thác được từ mỏ về nhà. Tôi không giỏi địa lý, cũng không phải là người mê khảo cổ, nếu không, tôi đã làm một tour khảo cổ để khám phá những dấu vết để lại của con người nơi đây, từ thời đồ đá, đồ đồng cho đến thời trung cổ, đặc biệt là những gì khai thác được từ nghĩa trang cổ nhất thế giới.

Tôi thích thú hơn với mỏ muối có lẽ vì từ lúc sống ở Áo tôi mới biết rằng đa phần muối dùng ở đây là muối mỏ và muốn mua muối biển bạn phải hỏi riêng. Từ Hall trong tiếng Đức cổ có nghĩa là muối và từ Salz trong tiếng Đức ngày nay cũng là muối, điều này cũng phần nào cho thấy lịch sử của Hallstatt và toàn bộ vùng Salzkammergut luôn gắn liền với muối. Con người hiện diện ở đây vì muối và những cuộc chiến tranh suốt chiều dài lịch sử giữa những người Illyrians, Celts, Norikum và Roman sau này cũng là vì muối - thứ sản vật còn quý hơn vàng trong một câu chuyện cổ. Bảo tàng vẫn còn giữ lại những hiện vật, dụng cụ mà con người dùng để khai thác muối từ thời xa xưa. Tôi cũng đi theo tour khám phá thế giới muối Salzwelt, chui xuống hầm muối cổ trong lòng núi qua những máng trượt bằng gỗ, chèo thuyền trong dòng sông ngầm ở động muối để ngắm nhìn những tầng muối lớn ánh lên màu hồng hồng, xanh xanh lung linh. Không khí trong mỏ muối rất khó thở dù đã có cả một hệ thống thông gió hiện đại. Thế mới biết ngày xưa, người công nhân mỏ đã phải lao động cực nhọc như thế nào để khai thác những tầng vàng trắng vô cùng quan trọng với cuộc sống con người ở khu vực này.

Một địa điểm nữa ở Hallstatt mà những người yếu bóng vía chưa chắc đã dám đến, đó là Beinhaus, căn nhà chứa hơn một nghìn hai trăm chiếc đầu lâu từ xa xưa. Chiếc đầu lâu mới nhất và có lẽ là cuối cùng được đưa vào căn nhà này là từ năm 1995. Vì lý do không có đất để xây nghĩa trang và có thể do một nguyên nhân huyền bí nào đó, những người đã chết sau khi chôn cất mười hay mười lăm năm sẽ cải mộ và giữ lại duy nhất chiếc đầu lâu đem bỏ vào căn nhà này. Những chiếc đầu lâu sẽ được phơi nắng, phơi sương vài tuần cho đến khi ngả màu vàng ngà thì sẽ đem đi sơn vẽ. Chiếc nào cũng vẽ hình thánh giá ở giữa để mong nhận được sự che chở của Chúa, sau đó là hoa văn và tên họ người quá cố. Vốn rất sợ ma nhưng vì tò mò nên tôi vẫn đến Beinhaus. Sau một thoáng rùng mình cảm giác sợ hãi bỗng qua đi, trong tôi chỉ còn những suy ngẫm mông lung. Những người có họ, có tên đang nằm kia là một phần của lịch sử Hallstatt và họ đã chọn cách “trường tồn” như thế này để ở lại mãi với thành phố xinh đẹp của họ.

Thành phố của lễ hội

Xinh đẹp và giàu truyền thống là thế nên Hallstatt cũng là thành phố của các lễ hội như lễ hội về nguồn, hội hoa, những tuần lễ để người thành phố có thể “home-stay” trở về với cuộc sống nông thôn, chưa kể hàng loạt những lễ hội bất thường được tổ chức theo sự kiện hàng năm. Trong tất cả những lễ hội ấy thì lễ hội hoa thủy tiên vào mùa xuân rất được ca tụng, khi hàng ngàn hàng vạn bông thủy tiên vàng kết trên những chiếc xe hoa, thuyền hoa thong dong khắp phố.

Tôi thích những lễ hội ở châu Âu khi người dân là chủ thể của lễ hội chứ không chỉ là khán giả. Tôi chưa được tham dự lễ hội hoa nhưng có may mắn được tham gia lễ hội diễu hành bằng thuyền mang tên Fronleichnam (Colourful Corpus Christi), một lễ hội lâu đời có từ năm 1628, thường tổ chức đầu mùa hè tháng Sáu. Khi ấy, thuyền về tấp nập, các gia đình hoặc hội các quý ông, quý bà ngự trên một chiếc thuyền. Thuyền trang trí bằng cành lá sồi còn các vòng hoa thì kết từ cây linh sam. Đàn ông, đàn bà, trẻ con đều vận trang phục truyền thống, nam thì áo trắng với mũ và quần da xanh lá cây thêu hoa, nữ thì váy ren màu bông bênh. Người dân giải thích cho tôi rằng đây là một nghi lễ tôn giáo thể hiện lòng kính Chúa. Tương truyền rằng cũng chính nơi đây xưa kia hàng năm những người làm muối và cư dân vùng hồ này tụ về trên mặt hồ Hallstatt chia sẻ niềm tin với Chúa, niềm vui và hạnh phúc trong cuộc sống nơi miền hồ núi nên thơ. Tôi để ý một cậu bé mặc quần xanh, tóc vàng quăn quăn ngồi bên mép nước, đếm từng chiếc thuyền đi qua. Rồi chẳng biết đếm được bao nhiêu mà cậu đứng dậy nói to: “Đếm năm sau đếm tiếp”. Trẻ con nơi đây cũng đã hiểu được rằng lễ tuần hành bằng thuyền Fronleichnam đều diễn ra hàng năm, còn khách du lịch thì luôn biết rằng năm nào mình cũng được dịp gặp lại những đoàn thuyền xanh, hòa với màu xanh của điệp trùng núi non khi hè về.

## Lăng đăng Hallstatt

Không hiểu do nhiều hồ nằm giữa lòng núi, do những kiến tạo địa chất đặc biệt hay do “muối” mà Hallstatt như một cô gái duyên dáng mặn mà, lúc nào cũng có cái vẻ lãng đăng rất đáng yêu.

Sáng sớm, cả thành phố lặng như tờ, sương dần tan hết, mây dần bay lên và khói từ những ống khói của căn bếp nơi mà những người



mẹ đang chuẩn bị bữa sáng cứ dần lan tỏa thơm phức. Cảnh vật buổi sáng mờ mờ ảo ảo và tĩnh lặng đến nao lòng, chỉ hai con vịt đùa nhau trên hồ mà tao tác cả thành phố. Bọn thiên nga thì vẫn còn ngái ngủ nên cứ đập dềnh bên cầu cảng. Những căn nhà gỗ nép mình bên sườn núi dốc còn đắm sương đêm, nhiều căn nhà có lẽ đã nằm đây cả trăm năm. Con gà trống trên nóc nhà thờ cứ quay đều theo hướng gió, phát ra tiếng kẻo kệt khe khẽ. Lại là tôi thấy một cây hoa đào, đúng là hoa đào chứ không phải hoa gì khác, nép mình bên căn nhà ven hồ làm tôi nhớ nhiều đến Hà Nội những ngày Tết.

Trưa về, thành phố náo động hơn một chút vì người dân và khách du lịch bắt đầu xuống phố. Dường như gió cũng theo đó mà về nhiều hơn nên trời khá lạnh. Mọi người đi mua sắm, ngắm cảnh, có khi chỉ lang thang đi chơi quanh những ngõ phố nhỏ, nơi nhiều gia đình còn giữ những nghề truyền thống như khắc gỗ, làm rìu, đan lưới, thậm chí là cả điêu khắc trên những tảng muối. Tôi ngồi xuống cạnh căn xưởng nhỏ bé của một bác thợ đang sơn hoa văn lên những chiếc ghế gỗ thật xinh xắn. Bác cũng “lãng đãng” như Hallstatt, vừa làm vừa ngậm tẩu nhìn xa xăm, chỉ nheo mắt cười chứ không nói chuyện với đám khách du lịch trẻ tuổi đang ríu rít vây quanh.

Hoàng hôn buông xuống, mây và sương ở đâu lại ùn kéo về, không trắng tinh khôi như buổi sáng mà đượm màu hồng đỏ ấm áp, chỉ một loáng đã lại phủ kín thành phố làm dòng người đi chơi tối trở nên mờ ảo trong sương. Cái lạnh và cái đói khiến tôi sà vào quán để thưởng thức món súp barlauch, thứ rau chỉ mọc vào mùa xuân, hơi có mùi tỏi mà thỉnh thoảng tôi vẫn thường bắt gặp trong rừng. Bát súp chưa nguội mà nhìn ra ngoài, tôi đã thấy cửa sổ mờ mịt, sương đêm đã buông xuống tự bao giờ.

Vây là một ngày nữa sắp trôi qua, Hallsatt chìm vào đêm tĩnh lặng để sớm mai trở dậy trong trời tinh khôi. Ngày rời Hallstatt, tôi cứ nghĩ sẽ được đón một bình minh lãng đãng sương như trước, ai ngờ sáng ra Hallstatt mờ đi vì màn mưa và sương mù giăng kín. Tôi như lạc vào một xứ sở khác. Tôi chợt tưởng tượng nếu hiện lên

dưới một đêm trăng nhuộm vàng thì Hallstatt còn lung linh, huyền ảo đến chừng nào.

Thôi thì bốn mùa ở lại. Hãy cứ để Hallstatt tự viết nên những bài thơ tình trong sương của mình!

Mùa thu: Wien - Câu chuyện bên những tách cà phê

Vì những cái hẹn công việc và bạn bè, lần nào tôi đến Wien cũng vào mùa thu và lần nào thời gian tôi dành cho Wien nhiều nhất cũng là ở những quán cà phê.

Tôi được người bạn thân của tôi kể về Wien nhiều lắm và tôi nhớ nhất trang sách về Wien mà anh đưa cho tôi khi lần đầu tới đây với lời tựa “Küss die Hand, Gra Frau” hay “A kiss on the hand, honourable lady. I’m at your service - with a heartfelt greeting, by the grace of God, to Vienna (Thưa quý bà, nụ hôn trên tay quý bà thể hiện tấm lòng nhiệt tình của tôi với sự hàm ơn của Chúa, chào đón quý bà tới Vienna).

Phải chăng, đó là một đặc trưng của Viên (hay chính xác là Wien), lịch lãm, hào hoa, kiêu cách và thể hiện tấm lòng nhiệt thành một cách đầy ắp ý. Là thủ đô của đế chế Áo - Phổ và là cửa ngõ nối Tây Âu với Đông Âu, Wien mang trong mình một nền văn hóa đa dạng nhưng đã được Wien hóa không lẫn đi đâu được. Dòng họ Hapsburg mà nổi tiếng nhất là nữ hoàng Maria Theresa đã biến Wien thành một nơi sang trọng, quý tộc mà vẫn thanh bình, gần gũi với thiên nhiên như đặc trưng của tính cách Áo. Điệu Waltz thành Wien đã trở thành một biểu tượng bất hủ. Cho đến bây giờ, New Year Concert (hoà nhạc truyền thống năm mới) vẫn được trình diễn ở Wien đêm 31 tháng 12 hàng năm, và sau đó là khắp nơi trên nước Áo, mùa Carnival diễn ra sôi động cùng nhạc Mozart, Strauss diu dặt khắp nơi.

Wien - Kiến trúc và nghệ thuật

Viết về Wien ư, bao cuốn tàng kinh trong thư viện cũng chưa đủ để nói hết về cung điện hoàng gia Schönbrunn, về cung điện Belvedere

với bức họa Nụ hôn nổi tiếng của Gustav Klimt, về nhà thờ thánh Stephan, về hàng loạt các bảo tàng nghệ thuật đặc sắc, về dòng Danau (Danube) xanh lững lờ trôi và về câu chuyện tình lãng mạn của hoàng hậu Sissi...

Wien có lẽ là địa điểm cần và phải đến với những người yêu nghệ thuật và cả những ai muốn tìm cho mình chút bình yên, những ai muốn lạc bước trở về với châu Âu cổ kính và thơ mộng xa xưa. Là thủ đô của nước Áo trung lập với mức sống cao nhất nhì châu Âu, Wien tuy hiện đại mà không hề có vẻ xô bồ ồn ã, bến tàu điện ngầm đầy có đông vẫn trật tự và nền nếp, trôi đều đặn, hiền hòa như dòng Danube ngoài kia. Kiến trúc của Wien không phải là thứ khiến bạn ấn tượng ngay từ cái nhìn đầu tiên như ở Paris hay Rome, nhưng cứ từ từ nhé, bạn sẽ thấy nét hài hòa với thiên nhiên và với cả con người của kiến trúc nơi đây.

Gần như lần nào qua Wien tôi cũng đến Schönbrunn, nhưng nhớ nhất là lần đến vào năm 2005 khi tôi còn bỡ ngỡ với mùa thu vàng nước Áo, khi Schönbrunn hiện lên trong trẻo và dịu dàng với tôi vào một sáng sớm tinh mơ. Thành phố lúc ấy tĩnh lặng lạ thường, hoa còn đẫm sương đêm và những hạt nước li ti từ hệ thống tưới hoa tung lên trời, tạo cho Schönbrunn vẻ huyền ảo và tinh khôi đến kỳ lạ. Nhiều người nói Schönbrunn giống cung điện Versailles họa lệ của Paris, nhưng với tôi Schönbrunn rất Áo, đặc biệt khi bạn ngồi cà phê và ngắm toàn cảnh cung điện từ tòa nhà Gloriette trên đồi. Xung quanh Schönbrunn là hệ thống vườn tự nhiên và cả vườn thú nên cái cảm giác xa hoa của nội thất rococo trong mỗi khán phòng dường như “được” lấn át bởi những chú sóc con tinh nghịch chuyền cànht, bởi tiếng quạc quạc nhẹ thênh giữa không trung của chú vịt trời bé nhỏ. Cái sang trọng của Wien hình như luôn gắn liền với sự giản dị đến tinh tế.

Bảo tàng của hoàng hậu Sissi (Elisabeth) cũng là điểm đến thú vị, khi bạn được chiêm ngưỡng bộ sưu tập trang sức của Sissi - công nương xinh đẹp xứ Bavaria nổi tiếng - người đã trở thành hoàng hậu Áo – Hung qua một câu chuyện tình đẹp hơn cả cổ tích. Hình ảnh hoàng hậu Sissi gắn liền với hoa edelweiss - noble white hay

hoa nhung tuyết - loài hoa bé bỏng cao quý như chính cái tên của nó. Hoa chỉ mọc trên những rặng núi cao cỡ trên một nghìn năm trăm mét của dãy Alps hùng vĩ, lọc những tinh khiết của gió, nắng và cả mùa tuyết năm trước để nở ra những cánh trắng mịn như nhung. Là biểu tượng của nước Áo và dãy Alps, bạn có thể tìm thấy hình hoa edelweiss trên mái tóc của hoàng hậu Sissi, trên chiếc khăn quàng cổ của các cô gái, trên tà áo xanh lục truyền thống của đàn ông Áo và thậm chí được khắc trên cả đồng hai eurocent của Áo. Hoa edelweiss khá hiếm, chỉ mọc vào tháng Bảy và tháng Tám trên núi cao nên nếu người nào gặp hoa là người đó gặp may mắn. Chưa kể trong các câu chuyện xưa, hoa nhung tuyết còn là biểu tượng tình yêu khi các chàng trai phải vượt những chặng đường núi xa và cheo leo để hái tặng người yêu bông hoa nhỏ bé dịu dàng mà kiên cường làm vật đính ước tình yêu.

## Wien - Giai điệu bình yên và lãng mạn

Lần nào tôi đi Wien cũng vội vàng với hàng loạt công việc phải làm nhưng không lần nào Wien lấy đi của tôi sự tĩnh tại, yên ả và thậm chí, như bạn bè vẫn đùa, cái “tật” lãng mạn của tôi còn được Wien bổ sung thêm. Sự bình yên của Wien nói riêng và Áo nói chung không phải là thứ mà bạn yêu ngay được, thậm chí tôi còn nhớ cảm giác ngỡ ngàng và hụt hẫng khi mới tới Áo học, khi không biết mọi người đi đâu, làm gì mà tất cả đều yên tĩnh, nhẹ nhàng đến thế. Khi ngấm rồi tôi mới hiểu, nước Áo để cho bạn những khoảng lặng cần thiết để nhìn và suy nghĩ, để yêu mến trên nền tảng một sự hiểu biết nhất định. Điều này cũng phần nào giống như phong cách người Áo, không quá vồn vã nhiệt tình ngay lúc đầu gặp mặt nếu không muốn nói là hơi lạnh nhạt, nhưng khi quen rồi, nói chuyện rồi thì nhẹ nhàng, tình cảm và chân tình lắm.

Dù mệt đến mấy, bạn cũng có thể dịu lòng trước dòng Danube nhẹ trôi, trước những giai điệu ngọt ngào cất lên từ chiếc arcophone hay violon của những người chơi đàn dạo. Là thủ đô âm nhạc cổ điển của cả châu Âu nên đương nhiên du khách sẽ được mời xem hòa nhạc trong những khán phòng sang trọng. Các “Mozart mới” trong trang phục áo đuôi tôm quý phái sẽ đến “kiss your hand” rồi đưa cho

bạn những tờ rơi đầy đủ thông tin của các chương trình hòa nhạc. Thường thì họ đội lọn tóc bạch kim giả nghiêng mình chào bạn, nhưng đôi lúc họ vẫn quyến rũ với mái tóc ngắn và điếu thuốc cầm trễ nải trên tay.

Tôi cùng các bạn đã nhiều lần được đi xem chương trình Zauber der Musik (Âm nhạc quyến rũ) tại các nhà hát của Áo, nhưng chẳng hiểu sao tôi vẫn rất thích cảm giác được nghe nhạc trên đường phố hơn. Hình như không gian ấy, khung cảnh ấy, con người ấy đã là khuôn khổ của những nốt nhạc kỳ diệu hàng trăm năm qua. Tôi nhớ một chiều thu, sau ngày làm việc mệt mỏi, ngồi bệt trước Stephan Dom nhám nháp hạt dẻ nướng chờ một người bạn và chợt ngỡ ngàng khi giai điệu Serenade, rồi Eine Kleine Nachtmusik của Mozart réo rất vang lên từ chiếc violon sờn của người nhạc công đường phố. Tiếng violon da diết, say đắm đến mức bạn tôi đã đến ngồi cạnh rất lâu mà tôi vẫn không hay.

Đi giữa lòng khu Altstadt Wien (phố cổ Wien), tôi luôn cảm tưởng nhý mình đang xem một bộ phim cổ đầu thế kỷ hai mươi. Ngay cạnh nhà thờ Stephan Dom, những cỗ song mã cho những đôi tình nhân lãng mạn luôn chờ sẵn, trên xe để những tấm chăn dạ kẻ xanh kẻ đỏ ấm áp. Đội tuần mã cũng thường trực bên cung Hofburg với các bác xà ích. Họ thường ngậm tẩu tào lao chuyện trò đợi khách và khi khách lên xe, những câu chuyện thành Wien, chuyện cà phê và cả chuyện về những quốc gia họ chưa từng tới nhưng được nghe qua các vị khách khác cũng sẽ đến tai bạn.

Wien bình yên và lãng mạn ngay cả ở khu nghĩa trang thành phố, nơi yên nghỉ của nhiều vĩ nhân và cả những người dân. Nhiều du khách đến đây để thăm Mozart, Beethoven, Strauss cha và con, Schubert. Hoa trồng khắp nơi, những lối đi thẳng tắp, những khu mộ tựa những ngôi nhà nhỏ xinh khiến bạn cảm tưởng như họ chỉ đi vắng đâu đó và để khách đến chờ ngoài cửa một lúc. Nhà nghỉ ngàn thu của Mozart, trái với tưởng tượng, rất nhỏ bé và giản dị. Cây đàn trước cửa ngôi nhà nhỏ bé ấy hình như vẫn chưa bao giờ ngừng vang lên những giai điệu chất chứa nỗi niềm.

Wien lãng mạn còn bởi Wien rất gần với thiên nhiên. Chạy khó đi xe điện, buýt hay thả bộ một chút, bạn có thể đặt chân lên các “dorf” hay làng trên những ngọn đồi còn giữ nguyên những cây thông, cây sồi, cây đòan... Mùa thu đi dạo, thỉnh thoảng bạn nhím và sóc thậm chí cả nai chạy vọt qua. Và mùa xuân, đến cả những loài cây giản dị như bärlauch (cây tỏi rừng) cũng dâng lên trên thảm cỏ những vật hoa bông bành, trắng như mây gió.

## Wiener Kaffeehaus - Quán cà phê của Wien

Danh từ Wiener Kaffeehaus đã nổi tiếng đến mức trở thành thương hiệu “quán và phong cách cà phê Wien”. Thì cũng bằng ấy thứ thôi, cũng cà phê sữa, capuccino, chocolate nóng (schoki) nhưng đến Wien đã biến thành một nghệ thuật, đơn cử như cách vắt cái thìa chạm trở cầu kỳ hững hờ qua chiếc ly uống nước và tất cả đặt trong một cái đĩa bạc. Tờ báo ngày cũng được kẹp gọn gàng trong một chiếc kẹp gỗ xinh xắn, treo lên giá hoặc trao tay cho bạn. Đây là cho buổi sáng, còn nếu ghé Wiener Kaffeehaus buổi trưa hoặc tối đừng quên thử các món ăn đặc trưng của mỗi vùng miền Áo như Burgenland, Salzburg, Vienna, Tirol, Vorarlberg... Là nơi giao thoa văn hóa của các cường quốc từ xa xưa, ẩm thực Áo mang dấu ấn của gulasch (ragu) Hungary, của món nướng Đông Âu, của pho mát nóng chảy dậy mùi gần giống với pho mát Thụy Sĩ và món mang thương hiệu Wien là Wiener Schnitzel, thịt lợn pha mỏng bọc vụn bánh mì rán giòn tan ăn với mứt dâu.

Quán cà phê nổi tiếng ở Wien thì nhiều lắm, như Frauenhuber, quán ưa thích của Mozart hay quán Sacher, nơi bạn có thể thưởng thức những loại bánh ngọt trứ danh của Wien. Tôi đặc biệt yêu thích Hawelka tọa lạc tại số 6 Dorotheergasse. Hawelka nổi tiếng vì là điểm hẹn của các nghệ sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ thành Wien và đã xuất hiện trong bài hát Jö, schau của Georg Danzer năm 1976 với giọng thổ ngữ Đức đặc trưng. Người ca sĩ hát lên rằng: “Neilich sitz I umma hoiba zwa im Hawelka, bei a paar wuchteln und bei an bier” (Hôm nay tôi ngồi ở Hawelka, gọi một cặp xúc xích và cốc bia). Hawelka thân thuộc với tôi vì lần nào đến Wien tôi cũng ngồi đó cùng anh Christian, người bạn Áo thân nhất. Và rồi hai anh em có

thể trò chuyện rất lâu vì Hawelka làm bạn quên cảm giác về thời gian, dường như mọi thứ đã ở đó từ lâu lắm rồi và chẳng có gì thay đổi. Quán cũ và chật, tranh hơi sòn, cây piano cũng cũ, tường bằng gạch, cà phê thì thường chỉ có Kleine Braun (kiểu như cà phê nâu Hà Nội) nhưng nó đậm chất Wien lắm và những anh bồi thì vẫn hào hoa kiểu cách nhưng giao tiếp với bạn như thể đã biết bạn từ hồi nhỏ, bàn ghế thì kê san sát và hoa thì cắm vội như kiểu vừa ngắt tạm ngoài vườn, vậy mà ấm cúng. Ngồi đó nhấm nháp Apfelstrudel (bánh táo “quốc hồn” của Áo) hay Sachertorte (bánh chocolate) thì thật ngọt ngào. Nhưng có lẽ ngọt ngào nhất khi trời bắt đầu lành lạnh, nắm chặt tay người bạn trước giờ tạm biệt để cảm nhận sự ấm áp từ trái tim mình.

Chuyện bên những tách cà phê Wien thì còn nhiều lắm, chẳng biết đâu là đầu, đâu là kết thúc, chẳng biết làm sao để tả hết. Thôi thì đến Wien đi nhé, để còn hàn huyên cà phê phố cổ, để nghe tiếng thời gian thở qua từng góc phố, để thấm chút nhạc chiều và còn để... yêu nhau nữa.

Mùa đông: Innsbruck, niềm kiêu hãnh Alps

Innsbruck không phải là một địa danh nổi tiếng của nước Áo như Wien hay Salzburg, thậm chí khi đọc thông tin về Innsbruck, nhiều người còn e ngại ghé thăm bởi giữa mùa hè mà nhiệt độ cũng chỉ nhích lên được hai mươi lăm độ C, mùa đông thì xuống dưới hai mươi độ không phải là hiếm. Nhưng đối với dân mê thể thao mùa đông thì Innsbruck là thiên đường với những bãi trượt tuyết có lớp tuyết dày trắng tinh, sườn dốc cao và thoải, hệ thống cáp treo và dịch vụ tốt, đưa khách du lịch tới những đỉnh núi cao tưởng như chạm vào nền trời.

Tôi còn nhớ lần đầu tiên đáp máy bay xuống Innsbruck để nhập học. Chuyến bay của hãng Tyrolean với cái máy bay nhỏ xíu chứa khoảng mười hai người cứ bay là là khắp các đỉnh núi cao vút của dãy Alps trắng xóa tuyết mù dù lúc ấy mới là tháng Mười. Cảm giác máy bay bay xuyên qua núi làm tôi không khỏi e ngại. Chưa kể lúc ấy, một cư dân sinh ra và lớn lên ở đồng bằng nhiệt đới như tôi chưa hề biết yêu “văn hóa núi Alps”, thứ văn hóa mà sau vài năm

học ở Innsbruck, tôi mới bắt đầu ngắm và yêu đến tận máu thịt mình.

## Thành phố của văn hóa Alps

Tôi còn nhớ một lần dẫn một người bạn đi vòng quanh Innsbruck khi bạn ghé thăm, bạn tôi đưa cho tôi cuốn sách du lịch có tên: Lonely Planet với ánh mắt vô cùng tò mò như thể không hiểu sao người ta lại “dám” viết thế này: Ở Innsbruck, những ngọn núi thì cao vời vợi, những thung lũng thì sâu hun hút nhưng suy nghĩ của con người thì cũ kỹ và hạn hẹp (narrow). Tôi chẳng lấy gì làm ngạc nhiên và có lẽ người Innsbruck cũng coi đó là bình thường, bởi chính một người dân địa phương ở Innsbruck đã nói với tôi rằng: “Khi nhận được nụ hôn của cô gái trên vùng núi Alps thì cô gái dưới thung lũng đã sinh cho mình vài ba đứa con rồi”. Người Innsbruck kiêu hãnh và kỹ tính, đó là một nét đặt trưng mà họ tự hào. Cái kiêu này bắt nguồn từ lịch sử, bởi trong điều kiện vùng núi lạnh lẽo, khắc nghiệt như vậy, tồn tại và phát triển để xây dựng nên một thành phố Innsbruck hùng mạnh về mọi mặt, thủ phủ của bang Tyrol không phải là chuyện đơn giản. Ngay đến tận ngày nay giao thông đã rất phát triển, người ta có thể làm những đường hầm sâu hun hút qua núi hoặc đường ray trên những đoạn đèo dốc ngược, vậy mà không ít lần tàu đi qua Innsbruck vào mùa đông đã phải dừng lại để chờ làm sạch lớp tuyết quá dày, hoặc cơn bão tuyết mù mịt làm lái tàu không thể nhìn thấy đường. Tôi nhớ nhất chuyến tàu chiều dừng đột ngột trên đỉnh St.Anton giữa mùa đông xám xịt. Lúc ấy, tôi ngó ra cửa mà kinh ngạc bởi đường ống nước có đường kính một mét gần đó chảy ra một khối nước đã hoàn toàn đóng băng. Vệt nước chảy vẫn hằn dài trên khối nước nhưng đường ống thì không nứt vỡ chút nào. Thế mới biết ngày xưa, người dân nơi đây thông thương và xây dựng thành phố, thậm chí là chiến đấu vì lãnh thổ đất đai chỉ với ngựa thồ, với những ván trượt tuyết bằng gỗ và tiếng kèn gọi nhau từ núi này qua núi kia quả là điều không đơn giản. Kỹ nghệ xây dựng những công trình chịu lạnh và y học từ thảo dược của dân cư vùng núi Alps đạt đến trình độ điêu nghệ, đủ để Innsbruck giữ vị trí trung gian và cầu nối của trục kinh tế ba nước Italia - Áo - Đức (Verona - Innsbruck - Munchen). Từ “bruck” cũng bắt nguồn từ brücke (cây



cầu) trong tiếng Đức, cầu vượt sông Inn lúc nào cũng ì ầm nước chảy xiết từ trên núi cao xuống, mang thông thương và văn hóa tới những vùng đất quan trọng của miền Tây Áo.

Innsbruck, với một người đến từ xứ sở nhiệt đới gió mùa như tôi thì quanh năm quá lạnh. Mùa hè mà tôi vẫn diện khăn áo như thường vì buổi tối nhiệt độ ngoài trời là mười hai độ C. Chính vì thế, dù không biết uống rượu nhưng tôi vẫn hay cùng bạn bè tụ họp tại những quán rượu ngoài trời ở Innsbruck, đặc biệt là cái quán nhỏ dưới “Ban công mái vàng” (Goldenes Dachl) ngay trung tâm thành phố, biểu tượng của Innsbruck. Ban công được xây dựng khoảng năm 1500 từ mấy ngàn mảnh đồng mạ vàng dưới thời Maximilian I. Tuy là quán rượu nhưng người ta đến đây thường gọi mỗi người một cốc bia tươi to, sau đó nhâm nhi cùng chai rượu mạnh schnaps hay obstler thủ sẵn trong túi. Schnaps là quốc túy của vùng Alps chắt từ những loại quả tươi như táo, lê, cherry, mận. Nổi tiếng nhất ở Áo là Marillenschnaps nấu từ quả mơ, là thứ rượu chống rét cho cư dân vùng Alps. Tôi không hiểu hết được giọng tiếng Đức miền Nam rất nặng, nhưng tôi thích đứng “hóng” chuyện với họ. Cái cách họ mặc đồng phục: đội mũ len giống nhau có chữ Tyrol, chỉ khác màu hoa văn, mặc áo khoác chống tuyết nhãn hiệu Mammut và đeo ba lô Deuteur hoặc Alpine đủ cho thấy họ tự hào với thương hiệu Alps như thế nào. Đó toàn là những nhãn hiệu nghe chừng vô danh với các tín đồ thời trang đại chúng, nhưng rất đắt tiền với thiết kế đặc biệt, không màu mè mà vô cùng hữu dụng trong thời tiết lạnh giá. Trong câu chuyện của họ, ngoài chuyện học hành làm ăn thì chủ yếu là về các hoạt động thể thao với tuyết mà phải sống ở đây một thời gian, tôi mới hiểu nó khác nhau thế nào. Trước đây, tôi chỉ biết có môn trượt tuyết, và sau vài năm ở Innsbruck, tôi mới biết đến nhảy tuyết (ski jump), lang-laufen (đi trên ván trượt qua các đoạn đường dài), bob-sleighbing (trượt bằng xe có bánh lăn trên các địa hình dốc, trơn). Tôi còn biết có một thú chơi vô cùng tao nhã nhưng khá nguy hiểm, đó là trượt tuyết vào đêm rằm dưới ánh trăng xanh vàng vạc, khi những hạt tuyết bắt được ánh trăng mà ngời lên lấp lánh. Bọn trẻ con ở Innsbruck có lẽ biết trượt tuyết cùng với lúc biết chạy. Đó là phương pháp nhanh nhất đi từ nhà nọ sang nhà kia khi mỗi mùa đông tuyết đổ dày hàng nửa mét trên mái nhà. Cô bạn

người Innsbruck đã tương đối mất kiên nhẫn với tôi khi dạy trượt tuyết mãi mà tôi vẫn cứ ngã, chỉ đến khi tôi “bê” lại rằng tôi dạy bạn cả tuần nay mà bạn vẫn chưa cảm được đũa gấp thức ăn, bạn tôi mới “chấp nhận”. Thế mới biết, những gì gắn bó máu thịt với mình từ nhỏ sẽ tạo nên một bản năng mà người khác không dễ gì học được. Và trượt tuyết với người Innsbruck chính là một bản năng máu thịt như thế.

Tôi cứ ngồi ở quán rượu nghe những câu chuyện của họ cho đến khi cái lạnh thấm qua giày vào chân. Vì không uống nổi tí “schnaps” nào nên tôi lạnh run đành phải lui vào quán cà phê cũng ngay dưới chân “Ban công màu vàng” mang tên “Zimt & Zucker” (Quế và đường) để thưởng thức cà phê cùng những món bánh ngọt quý tộc của Innsbruck.

Văn hóa Alps không chỉ đậm nét vào mùa đông, mà cả ngay mùa hè, khi lớp tuyết dày trên các ngọn núi cao từng từng dần tan bớt. Nói là “tan bớt”, bởi tuyết không thể nào tan hết trên những ngọn núi uy nghi của Innsbruck, nhưng dưới thung lũng, tuyết tan đi để lại những thảo nguyên bạt ngàn cỏ xanh và thảm thực vật Alps trăm hoa khoe sắc. Đây là lúc người nông dân Alps bắt đầu chăm sóc và thu hoạch những cây trái ngọt lành, những cánh đồng nho trái dài ngút mắt và thả đàn bò cuồng chân sau cả mùa đông dài về với thung lũng. Bởi không khí êm đềm ấy nên mới có một kiểu nghỉ dưỡng rất riêng của vùng Alps và Innsbruck, đó là nghỉ dưỡng ở nhà của những người nông dân Alps, nơi khách du lịch có thể ngủ trong những căn nhà gỗ nồng mùi cỏ và cả mùi phân bò, sáng dậy đi vắt và uống sữa tươi, sau đó hái trái cây, ban ngày thì đi dạo bên những dòng suối trong vắt chảy xuyên qua rừng bách xanh thăm thẳm. Nếu may mắn, khách du lịch còn có thể leo lên những chiếc xe cuốn cỏ, là xe đi thu hoạch cỏ trên thảo nguyên và cuộn thành những cuộn tròn to tích trữ cho mùa đông khắc nghiệt. Có lần tôi đã được ngắm một công việc vô cùng thú vị, đó là hun khói cho thịt và xúc xích. Món ăn này khá phổ biến nên thoạt nhìn sẽ tưởng được làm một cách đơn giản nhưng chứng kiến cảnh những tảng thịt lớn, tảng salami (xúc xích hun khói) bọc hạt tiêu xanh treo dày đặc trong căn nhà gỗ bóng ánh bồ hóng, khói hun mù mịt, tôi mới hiểu để làm

ra những tảng thịt ngon cần bí quyết công nghệ lâu đời. Nhiều gia đình nông dân đã phát triển thành những hãng lớn chuyên sản xuất thịt nguội, thịt hun khói hay sản xuất mứt và các loại siro trái cây danh như Dabor, Echter.

Văn hóa Alps bởi những đồng cỏ, những núi tuyết mà cũng vô cùng lãng mạn, bay bổng. Giữa mùa hè, trên những ngọn núi cao xanh và không khí trong lành đến ngỡ ngàng, người ta lại tụ họp nhau để nấu rượu, làm pho mát và đặc biệt là ca hát. Có một thứ nhạc gọi là Tyrolean Music, là loại nhạc dân gian vui tươi nhất mà tôi từng được nghe. Những bài hát đều có lời lẽ vô cùng giản dị và trong sáng như kiểu: “Yêu em tôi tặng em bông hồng đỏ, tôi dẫn em lang thang trên những thảo nguyên Alps lộng gió”, với giai điệu lúc vút cao như núi, lúc trong trẻo như suối, lúc rộn ràng như tiếng nhịp chân của đàn bò đàn dê, đi kèm với tiếng kèn và đàn accordion réo rắt. Đặc biệt nữa là những điệu nhảy của cư dân vùng Alps thì thật điêu luyện, nhịp nhàng mà yêu đời vô cùng. Có lẽ, để quên đi cái mệt nhọc trong công việc, người ta nghĩ ra những điệu polka gắn liền với công việc của mình như “điệu nhảy chặt gỗ”, “điệu nhảy của thợ mỏ” hay “điệu nhảy lục lạc”, tất cả đều nhanh, rộn ràng. Có một chương trình ca nhạc tối mang tên Tyrolean Abend (đêm của người Tyrol), nơi tôi thường thức một buổi tối trọn vẹn với âm nhạc Tyrol đủ để thấy cuộc sống này tuy vất vả nhưng giản dị và đáng yêu biết bao. Các cô gái má đỏ hồng trong trang phục Alps truyền thống, thường là váy hoa xanh với yếm đỏ hoặc xanh lá cây, cổ trễ gợi cảm thêm những loại hoa li ti của Alps. Con trai thì mặc những chiếc quần da, áo gile đỏ, đầu đội mũ xanh lá có gắn lông chim. Các ban nhạc này thường chính là những gia đình cư dân Tyrol làm cho âm nhạc càng trở nên thân thuộc, gần gũi và chân tình.

Văn hóa Alps là thứ khiến bạn ban đầu thích thú, sau sẽ tò mò tìm hiểu và rồi yêu mến, bởi dù đến từ nơi chẳng bao giờ có tuyết bạn cũng sẽ biết chờ đợi những bông hoa giọt tuyết đầu tiên ngoi lên khỏi mặt đất sau mùa đông, biết nhâm nhi siro từ hoa holunder (hoa cơm cháy) và biết nhắm nháp pho mát cùng salami khi mùa đông giá lạnh tràn về.

## Niềm tự hào của Alps

Innsbruck được bao bọc bởi núi Alps, và núi cũng tự hào vì có Innsbruck trong lòng. Nói về vị trí địa lý, Innsbruck nằm trên núi cao, khá gần sông cách núi với các bang bên cạnh, vậy mà thủ phủ của bang Tyrol từ năm 1429 vẫn phô bày được tất cả sự thịnh vượng về lịch sử, kinh tế và văn hóa. Innsbruck có những công trình tráng lệ như Ban công vàng, Nhà thờ hoàng gia Hofkirche, Cầu Inn cổ, Khải hoàn môn Triumphforte, Lâu đài Ambras. Innsbruck có hạ tầng thể thao mùa đông và những khu nghỉ dưỡng trượt tuyết (ski-resort) đẹp như mơ như Igls, Seefeld, Tulfes hay thung lũng Stubai. Innsbruck cũng có trường đại học đời mang tên Leopold Franzen và Đại học dược Innsbruck, nơi nổi tiếng với những nghiên cứu về thuốc chiết xuất từ thảo mộc dãy Alps.

Vẻ đẹp của Innsbruck vừa hùng vĩ tráng lệ, lại vừa trong trẻo lãng mạn. Mỗi sớm thức dậy, từ một căn nhà nhỏ ở chung cư trong thành phố, tôi hoàn toàn có thể ngắm nhìn những dãy núi xanh ngắt bao bọc xung quanh, lưng chừng núi là màn sương trắng vắt lững lờ. Mùa đông đến, cả thành phố có nhiều hôm trắng xóa. Tuyết phủ trắng đỉnh núi, trắng những mái nhà, tinh khiết đến nao lòng, cho dù có thể khiến tay tôi cứng đờ đến mức không thể bấm được máy ảnh. Mùa hè sang, tôi lại có cái thú nằm dài trên đám cỏ trong thung lũng, ngắm vãn vơ vài nhành hoa mao lương vàng, ngắm nhìn đàn bò, đàn dê đang gặm cỏ với cái vẻ thư thái, chậm rãi. Mùa thu về, lá nhuộm vàng những sườn núi phía thấp, tuyết thì vẫn trắng trên những đỉnh núi cao, cỏ thì bắt đầu khô cháy, những màu sắc pha trộn không gì có thể hài hòa hơn. Các bạn tôi vẫn đùa, trông Innsbruck có vẻ lạnh lùng thế, chứ đây là một nơi rất dễ tỏ tình. Chàng chỉ cần đưa nàng đi dạo thung lũng vào mùa hè, đưa nàng đi uống cà phê tối mùa đông với cái lạnh đến mức đủ để người ta cần một cái ôm từ thứ tình cảm mới nhen nhóm, chưa kể hoàn toàn có thể tặng nàng sợi dây chuyền lỏng lánh mặt đá pha lê Swarovski, một trong những đặc sản của Innsbruck. Swarovski có hẳn một bảo tàng mang tên Thế giới pha lê, nơi dẫn bạn vào mê cung của những hạt đá lung linh, lỏng lánh sắc màu.

Tôi nhớ nhất những chiều sau giờ hội thảo hay giờ thi, đi dọc bờ sông Inn nghe tiếng nước chảy rì rầm và ngắm những dãy núi bao bọc quanh thành phố, cảm giác thư thái và hơi lạnh khiến tôi tỉnh hẳn, xua tan những căng thẳng và mệt mỏi.

Tôi có một kỷ niệm thú vị với Innsbruck. Lần ghé thăm Hofkirche vào năm học cuối cùng, tôi được mấy cậu bạn người Áo và cô bạn người Mông Cổ thuyết phục tới Nhà thờ hoàng gia Hofkirche một lần nữa. Nhà thờ này nổi tiếng vì có hai mươi tám bức tượng đồng kích cỡ như người thật với các khuôn mặt sống động hết như những vị tổ tiên, họ hàng của vua Maximilian. Nhà thờ này được coi là “thiên” vì ngay khi bước vào, bạn sẽ nhận thấy một trong những bức tượng nữ (mà tôi không thể nhớ nổi tên) có bàn tay màu vàng sáng bóng do rất nhiều người ghé thăm đã chạm vào. Cô bạn Mông Cổ nói chạm tay một lần sẽ có gia đình, hai lần sẽ có con, cô ấy đã làm và hiệu nghiệm nên thuyết phục tôi thử. Cái giọng thuyết khách mê hoặc của cô ấy khiến tôi khá căng thẳng khi chạm tay vào tượng, chỉ sợ làm quá thành hai lần sẽ có con sớm thì nguy. Cuối cùng thì mọi việc suôn sẻ, vào cuối năm ấy tôi lập gia đình. Chẳng biết có phải vì lần chạm tay vào bức tượng hay không, nhưng điều đó cũng khiến tôi tin Innsbruck và tôi có cái duyên nhất định.

Innsbruck trong tôi luôn là bức tranh mùa đông đẹp đẽ và ấm áp nhất.

Tôi muốn trải lòng mình với bốn mùa nước Áo, nhưng hình như đó là một tham vọng lớn, bởi tôi không biết phải viết bao nhiêu cho đủ để tả về nước Áo trong tôi, nơi tôi đã sống, nơi tôi dành cho người và người cũng dành cho tôi thật nhiều những tình cảm, những trải nghiệm buồn vui, những cảm nhận thật khó viết nên lời. Như những người bạn Áo thân thiết của tôi, họ chẳng bao giờ nói nhiều về đất nước của mình nhưng Rita không bao giờ quên thông báo cho tôi các lễ hội hoặc say sưa giảng giải về các món ăn Áo, còn Christian thì luôn dẫn tôi đến những góc nhỏ đáng yêu của Wien mỗi lần hai anh em gặp mặt. Anh cũng luôn đưa tôi đi nghe những bài hát Áo đậm phong vị của những ngọn núi hùng vĩ, những rừng thông ngút ngàn và những dòng suối trong vắt. Có lẽ, bạn phải đến đây thôi,

phải ngồi ở Wiener Kaffeehaus, xắt miếng bánh chocolate bày trong đĩa bạc hay ăn kem với bánh xốp Manner cùng dâu tây, nhấp ngụm Kleine Braun thơm phức hay ngả đầu vào vai một người bạn thân bên dòng Danube, có thể, phần nào bạn sẽ hiểu và đồng cảm với tôi.